BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

LỊCH SỬ và ĐỊA LÍ

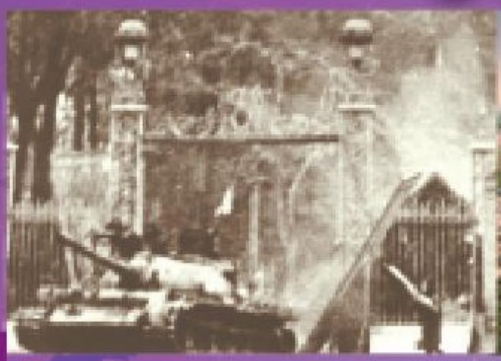
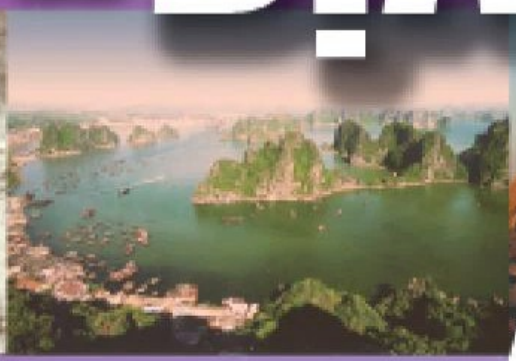
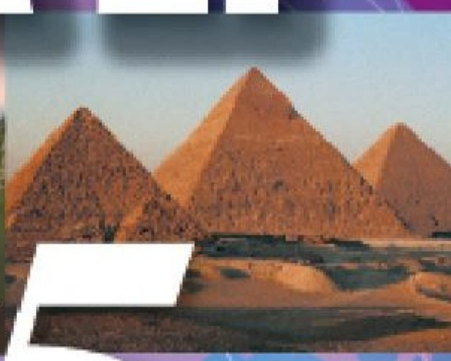

5

LỊCH SỬ và ĐỊA LÍ
5

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGUYỄN ANH DŨNG (Chủ biên)
NGUYỄN HỮU CHÍ – TRẦN VIẾT LƯU
NGUYỄN TUYẾT NGA – NGUYỄN MINH PHƯƠNG
PHẠM THỊ SEN

LỊCH SỬ và ĐỊA LÍ

5

(Tái bản lần thứ mười hai)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chịu trách nhiệm xuất bản : Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc **NGƯT NGÔ TRẦN ÁI**
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập **GS.TS VŨ VĂN HÙNG**

Biên tập lần đầu : **NÔNG THỊ HUỆ - NGUYỄN MY LÊ**
NGUYỄN VIỆT HƯNG - HOÀNG CÔNG DŨNG
Biên tập tái bản : **ĐÀO TIẾN THI**
Thiết kế sách và trình bày bìa : **BÙI QUANG TUẤN**
Biên vẽ bản đồ : **TRỊNH MINH HÙNG (phần Địa lí)**
CÙ ĐỨC NGHĨA (phần Lịch sử)
Sửa bản in : **PHÒNG SỬA BẢN IN (NXB GIÁO DỤC TẠI HÀ NỘI)**
Chế bản : **CÔNG TY CỔ PHẦN MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG**

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam - Bộ Giáo dục và đào tạo.

Trong sách có sử dụng một số ảnh tư liệu của Thông tấn xã Việt Nam, Báo Nhân dân, Bảo tàng Cách mạng Việt Nam , Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Nhà xuất bản Văn Nghệ Thành phố Hồ Chí Minh

---

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5

Mã số : 1H505T4
In ..... cuốn, khổ 17 x 24 cm.
In tại Công ti cổ phần in .....
Số in : ..... Số XB : 01 - 2014/CXB/99 - 1062/GD.
In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 2014.

PHẦN LỊCH SỬ

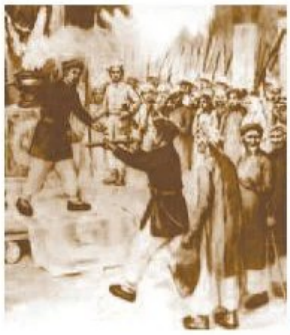

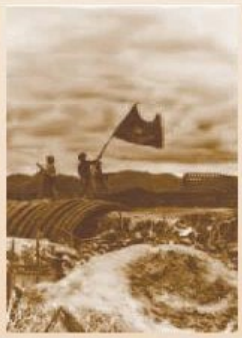

HƠN TÁM MƯƠI NĂM CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC VÀ ĐÔ HỘ

(1858 - 1945)

Ngày 1 - 9 - 1858, thực dân Pháp nổ súng mở đầu cuộc xâm lược nước ta và từng bước xâm chiếm, biến nước ta thành thuộc địa của chúng. Từ đó đến Cách mạng tháng Tám năm 1945, nhân dân ta đã kiên cường đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược và đô hộ, quyết giành lại độc lập dân tộc.

BÀI 1

"BÌNH TÂY ĐẠI NGUYÊN SOÁI" TRƯƠNG ĐỊNH

Ngay sau khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, nhân dân Nam Kì đã đứng lên chống Pháp, tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa của Trương Định, Hồ Huân Nghiệp, Nguyễn Hữu Huân, Võ Duy Dương, Nguyễn Trung Trực,... trong đó lớn nhất là phong trào kháng chiến dưới sự chỉ huy của Trương Định.

Trương Định quê ở Bình Sơn (nay thuộc huyện Sơn Tịnh), Quảng Ngãi, sau theo cha vào lập nghiệp ở Tân An. Trương Định chiêu mộ nghĩa binh đánh Pháp ngay khi chúng vừa tấn công Gia Định (1859).

Năm 1862, giữa lúc nghĩa quân Trương Định đang thu được thắng lợi làm cho thực dân Pháp hoang mang lo sợ thì triều đình nhà Nguyễn kí hoà ước, nhường ba tỉnh miền Đông Nam Kì cho thực dân Pháp. Vua ban lệnh xuống, buộc Trương Định phải giải tán nghĩa binh và đi nhận chức Lãnh binh ở An Giang. Nhận được lệnh, Trương Định băn khoăn, suy nghĩ rất nhiều : làm quan thì phải tuân lệnh vua, nếu không sẽ phải chịu tội phản nghịch ; nhưng dân chúng và nghĩa quân không muốn giải tán lực lượng, một lòng một dạ tiếp tục kháng chiến. Giữa lệnh vua và ý dân, Trương Định chưa biết làm thế nào cho phải.

-Điều gì khiến Trương Định phải băn khoăn, suy nghĩ ?

Trong khi đó, chỉ huy nghĩa quân đóng ở Tân An là Phan Tuấn Phát

truyền thư đi khắp nơi, suy tôn Trương Định làm chủ soái. Đề xuất đó được dân chúng và nghĩa quân ủng hộ ; họ làm lễ, tôn Trương Định làm "Bình Tây Đại nguyên soái". Cảm kích trước niềm tin yêu của nghĩa quân và dân chúng, Trương Định đã ở lại cùng nhân dân chống giặc.

Trương Định được suy tôn " Bình Tây Đại nguyên soái"

"Đại nguyên soái" Trương Định đã phất cao cờ "Bình Tây", chỉ huy hàng nghìn nghĩa quân hoạt động chống thực dân Pháp.

Năm 1862, triều đình nhà Nguyễn kí hoà ước, nhường ba tỉnh miền Đông Nam Kì cho thực dân Pháp. Triều đình ra lệnh cho Trương Định phải giải tán lực lượng kháng chiến nhưng Trương Định kiên quyết cùng nhân dân chống quân xâm lược.

Chú thích

- *"Bình Tây Đại nguyên soái"* : người có chức cao nhất, chỉ huy quân đội đánh Tây (Pháp).
- *Nam Kì* : chỉ phần đất phía nam Việt Nam từ Biên Hoà vào đến Hà Tiên, gồm ba tỉnh miền Đông (Biên Hoà, Gia Định, Định Tường) và ba tỉnh miền Tây (Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên).
- *Tân An* : thuộc tỉnh Gia Định (nay thuộc tỉnh Long An).
- *Lãnh binh* : chức quan võ thời nhà Nguyễn, chỉ huy quân đội ở một tỉnh.
- *Tội phản nghịch* : tội chống lại nhà vua. Theo luật pháp phong kiến, tội phản nghịch là tội nặng nhất.

CÂU HỎI

1. Em hãy nêu những băn khoăn, suy nghĩ của Trương Định khi nhận được lệnh vua.
2. Em hãy cho biết tình cảm của nhân dân đối với Trương Định.
3. Trương Định đã làm gì để đáp lại lòng tin yêu của nhân dân ?

BÀI 2

NGUYỄN TRƯỜNG TỘ MONG MUỐN CANH TÂN ĐẤT NƯỚC

Trước sự xâm lược của thực dân Pháp, một số nhà nho yêu nước như Nguyễn Lộ Trạch, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Trường Tộ,... chủ trương canh tân đất nước để đủ sức tự lập, tự cường.

Nguyễn Trường Tộ quê ở Nghệ An. Thuở nhỏ, ông thông minh hiểu biết hơn người, được dân trong vùng gọi là "Trạng Tộ".

Năm 1860, Nguyễn Trường Tộ được sang Pháp. Trong những năm ở Pháp, ông chú ý quan sát, tìm hiểu sự giàu có, văn minh của nước Pháp để tìm cách đưa nước nhà thoát khỏi cảnh nghèo đói, lạc hậu.

Về nước, Nguyễn Trường Tộ trình lên vua Tự Đức nhiều bản điều trần, bày tỏ mong muốn làm cho đất nước giàu mạnh.

Ông đề nghị mở rộng quan hệ ngoại giao với nhiều nước, thông thương với thế giới, thuê người nước ngoài đến giúp nhân dân ta khai thác các nguồn lợi về biển, rừng, đất đai, khoáng sản ; mở các trường dạy đóng tàu, đúc súng, sử dụng máy móc,...

Nguyễn Trường Tộ

-Theo em, qua những đề nghị nêu trên, Nguyễn Trường Tộ mong muốn điều gì ?

Vua quan nhà Nguyễn không hiểu biết tình hình các nước trên thế giới và cũng không muốn có những thay đổi trong nước. Ví dụ, khi nghe kể về chuyện đèn điện không có dầu vẫn sáng, xe đạp (hai bánh) vẫn chạy băng băng mà không đổ, họ cho đó là sự bịa đặt.

Trước những đề nghị canh tân của Nguyễn Trường Tộ, các quan trong triều có nhiều ý kiến trái ngược nhau. Vua Tự Đức cho rằng không cần nghe theo Nguyễn Trường Tộ, bởi : những phương pháp cũ đã đủ để điều khiển quốc gia rồi. Cuối cùng, những đề nghị canh tân đất nước của Nguyễn Trường Tộ không được thực hiện.

Mặc dù vậy, người đời sau vẫn kính trọng ông, coi ông là người hiểu biết sâu rộng, có lòng yêu nước và mong muốn dân giàu, nước mạnh.

-Tại sao Nguyễn Trường Tộ được người đời sau kính trọng ?

Nguyễn Trường Tộ đã nhiều lần đề nghị canh tân đất nước. Nhưng những đề nghị của ông không được vua quan nhà Nguyễn nghe theo và thực hiện.

Chú thích

- *Canh tân* : từ bỏ những cách làm cũ, lạc hậu, thực hiện cách làm mới để đạt được sự phát triển tốt đẹp hơn.
- *Bản điều trần* : bản ý kiến (hay bản hiến kế) trình lên vua.

CÂU HỎI

1. Hãy nêu những đề nghị canh tân đất nước của Nguyễn Trường Tộ.
2. Vua quan nhà Nguyễn có ý kiến như thế nào đối với những đề nghị của Nguyễn Trường Tộ ?

BÀI 3

CUỘC PHẢN CÔNG Ở KINH THÀNH HUẾ

Năm 1884, triều đình Huế kí hiệp ước công nhận quyền đô hộ của thực dân Pháp trên toàn bộ nước ta, nhưng nhân dân không chịu khuất phục. Trong các quan lại của triều đình có hai phái : *phái chủ hoà,* chủ trương thương thuyết với Pháp và *phái chủ chiến*, đại diện là Tôn Thất Thuyết, chủ trương cùng nhân dân tiếp tục chiến đấu chống Pháp, giành lại độc lập dân tộc. Để chuẩn bị kháng chiến lâu dài, Tôn Thất Thuyết cho lập các căn cứ ở vùng rừng núi từ Quảng Trị đến Thanh Hoá. Ông còn lập các đội nghĩa binh ngày đêm luyện tập, sẵn sàng đánh Pháp.

Khi biết tin Tôn Thất Thuyết chuẩn bị chống Pháp, tướng Pháp kéo quân từ Bắc Kì vào Huế, cho mời Tôn Thất Thuyết đến giả vờ họp để bắt ông. Ông cáo bệnh không đến. Tướng Pháp yêu cầu bị bệnh cũng phải có mặt.

Hình 1. *Súng "thần công" thời Nguyễn*

Trước sự uy hiếp của kẻ thù, Tôn Thất Thuyết quyết định nổ súng trước để giành thế chủ động. Đêm mồng 4 rạng sáng mồng 5 - 7 - 1885, trong cảnh khuya vắng lặng của kinh thành Huế, bỗng có tiếng súng "thần công" nổ rầm trời, lửa cháy sáng rực. Đó là cuộc tấn công vào đồn Mang Cá và toà Khâm sứ Pháp của các đạo quân theo lệnh của Tôn Thất Thuyết.

Bị đánh bất ngờ, quân Pháp vô cùng bối rối. Nhưng nhờ có ưu thế về vũ khí, chúng ra sức cố thủ, đến gần sáng thì đánh trả lại. Quân giặc tiến vào kinh thành, mặc sức giết người, cướp của và tàn phá. Trước tình hình đó, Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi và đoàn tuỳ tùng lên vùng rừng núi Quảng Trị để tiếp tục kháng chiến.

Tại đây, Tôn Thất Thuyết lấy danh nghĩa vua Hàm Nghi, ra Chiếu Cần vương kêu gọi nhân dân cả nước đứng lên giúp vua cứu nước.

Hình 2. *Hàm Nghi*

Hình 3. *Tôn Thất Thuyết*

Từ đó, một phong trào chống Pháp bùng lên mạnh mẽ trong cả nước, đó là phong trào Cần vương mà tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa : Ba Đình (Thanh Hoá) do Phạm Bành - Đinh Công Tráng lãnh đạo, Bãi Sậy (Hưng Yên) do Nguyễn Thiện Thuật lãnh đạo, Hương Khê (Hà Tĩnh) do Phan Đình Phùng lãnh đạo.

-Em có biết trường học, đường phố nào mang tên các nhân vật lịch sử của phong trào Cần vương ?

Năm 1885, sau cuộc phản công ở kinh thành Huế, Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi lên vùng rừng núi Quảng Trị, ra Chiếu Cần vương. Từ đó, bùng nổ một phong trào chống Pháp mạnh mẽ kéo dài đến cuối thế kỉ XIX, gọi là phong trào Cần vương.

Chú thích

-*Súng "thần công"* : loại súng hiện đại nhất của nước ta thời bấy giờ, có sức công phá lớn nên được phong là "thần", ý nói súng có sức mạnh như thần.
-*Đồn Mang Cá* : nơi đóng quân của Pháp, gần sát với kinh thành Huế.
-*Toà Khâm sứ* : nơi làm việc của quan chức người Pháp đứng đầu bộ máy cai trị ở Trung Kì.
-*Cần vương* : giúp vua cứu nước.

CÂU HỎI

1. Em hãy kể lại cuộc phản công ở kinh thành Huế.
2. Chiếu Cần vương có tác dụng gì ?

BÀI 4

XÃ HỘI VIỆT NAM CUỐI THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX

Vào những năm cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, sau khi dập tắt phong trào đấu tranh vũ trang của nhân dân ta, thực dân Pháp đặt ách thống trị và tăng cường bóc lột, vơ vét tài nguyên đất nước ta.

Chúng đẩy mạnh khai thác khoáng sản, nhất là than ở Hòn Gai (Quảng Ninh), thiếc ở Tĩnh Túc (Cao Bằng), bạc ở Ngân Sơn (Bắc Kạn), vàng ở Bồng Miêu (Quảng Nam),... để chở về Pháp hay bán cho các nước khác. Các nhà máy điện, nước, xi măng, dệt,... được xây dựng để sử dụng nguồn nhân công rẻ mạt ở nước ta, nhằm sản xuất các mặt hàng thu lãi lớn hoặc phục vụ sinh hoạt của người Pháp tại Việt Nam. Chúng cướp đất của nông dân, lập đồn điền trồng cao su, chè, cà phê...; đồng thời hệ thống giao thông vận tải được xây dựng. Lần đầu tiên ở Việt Nam có đường ô tô, đường xe lửa.

Hình 1. *Ga Hà Nội (năm 1900)*

-Nêu những biểu hiện mới về kinh tế ở nước ta cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.

Hình 2. *Phố Tràng Tiền (Hà Nội) năm 1905*

Sự xuất hiện các ngành kinh tế mới đã làm cho xã hội Việt Nam có nhiều thay đổi. Một số người làm ăn phát đạt đã trở thành chủ xưởng hoặc nhà buôn lớn. Bộ máy cai trị thuộc địa hình thành ; thành thị phát triển, buôn bán mở mang đã làm xuất hiện tầng lớp viên chức, trí thức, chủ xưởng nhỏ,...

Các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền,... thu hút hàng vạn nông dân mất ruộng đất, nghèo đói vào làm việc và trở thành công nhân. Vào những năm đầu thế kỉ XX, nước ta có khoảng 10 vạn công nhân.

Trước đây, trong xã hội Việt Nam chủ yếu có địa chủ phong kiến và nông dân. Từ cuối thế kỉ XIX đã xuất hiện thêm những giai cấp, tầng lớp mới : công nhân, chủ xưởng, nhà buôn, viên chức, trí thức,...

Hình 3. *Nông dân Việt Nam trong thời Pháp thuộc*

- Quan sát hình 3, em hãy nêu nhận xét về tình cảnh người nông dân Việt Nam cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.

Từ cuối thế kỉ XIX, thực dân Pháp tăng cường khai mỏ, lập nhà máy, đồn điền để vơ vét tài nguyên và bóc lột nhân dân ta. Sự xuất hiện các ngành kinh tế mới đã tạo ra những thay đổi trong xã hội Việt Nam : các giai cấp, tầng lớp mới ra đời như công nhân, chủ xưởng, nhà buôn, viên chức, trí thức,...

CÂU HỎI

1. Từ cuối thế kỉ XIX, ở Việt Nam đã xuất hiện những ngành kinh tế mới nào ?
2. Những thay đổi về kinh tế đã tạo ra những giai cấp, tầng lớp mới nào trong xã hội ?

BÀI 5

PHAN BỘI CHÂU VÀ PHONG TRÀO ĐÔNG DU

Phan Bội Châu sinh năm 1867, trong một gia đình nhà nho nghèo, tại làng Đan Nhiệm, nay là xã Xuân Hoà, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Phan Bội Châu lớn lên khi đất nước đã bị thực dân Pháp đô hộ. Ông day dứt lo tìm con đường giải phóng dân tộc.

Cùng với những người chung chí hướng, ông lập Hội Duy tân (1904) và được cử ra nước ngoài để tìm kiếm sự giúp đỡ. Năm 1905, Phan Bội Châu tới Nhật Bản và được một số người Nhật hứa giúp đỡ đào tạo về kĩ thuật, quân sự cho thanh niên yêu nước Việt Nam.

Phan Bội Châu

Phan Bội Châu về nước, vận động thanh niên sang Nhật học. Số người sang Nhật học ngày càng nhiều. Để có tiền ăn học, họ đã phải làm nhiều nghề, kể cả việc đánh giày hay rửa bát đĩa trong các quán ăn. Cuộc sống của họ hết sức kham khổ, nhà cửa chật chội, thiếu thốn đủ thứ. Mặc dù vậy, họ vẫn vượt qua mọi khó khăn, hăng say học tập.

Phan Bội Châu ra sức tuyên truyền, cổ động cho phong trào Đông du. Vì vậy, tiền của nhân dân trong nước ủng hộ ngày càng nhiều và hàng trăm thanh niên nô nức sang Nhật học. Ai cũng mong mau chóng học xong để trở về cứu nước.

-Tại sao trong điều kiện khó khăn, thiếu thốn, nhóm thanh niên Việt Nam vẫn hăng say học tập ?

Phong trào Đông du phát triển làm cho thực dân Pháp rất lo ngại. Năm 1908, thực dân Pháp câu kết với Nhật chống phá phong trào Đông du. Ít lâu sau, Chính phủ Nhật ra lệnh trục xuất những người yêu nước Việt Nam và Phan Bội Châu khỏi Nhật Bản.

-Tại sao Chính phủ Nhật trục xuất Phan Bội Châu và những người du học ?

Đầu năm 1909, phong trào Đông du tan rã. Phan Bội Châu cùng với nhiều thành viên của Hội Duy tân lánh sang Quảng Châu rồi sang Xiêm, tiếp tục hoạt động cứu nước.

Phan Bội Châu là nhà yêu nước tiêu biểu của Việt Nam đầu thế kỉ XX. Phong trào Đông du do ông cổ động, tổ chức nhằm đào tạo nhân tài cứu nước.

Chú thích

- *Hội Duy tân* : một tổ chức yêu nước chống Pháp chủ trương theo cái mới, tiến bộ.
- *Đông du* : đi về phương Đông (cụ thể là Nhật Bản).
- *Trục xuất* : đuổi ra khỏi (thường là lãnh thổ) một nước.
- *Quảng Châu* : thành phố thuộc tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc).
- *Xiêm* : tên của Thái Lan thời ấy.

CÂU HỎI

1. Em hãy kể lại phong trào Đông du.
2. Vì sao phong trào Đông du thất bại ?

BÀI 6

QUYẾT CHÍ RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC

Nguyễn Tất Thành sinh ngày 19 - 5 - 1890, trong một gia đình nhà nho yêu nước ở xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

-Em biết gì thêm về quê hương và thời niên thiếu của Nguyễn Tất Thành ?

Trong bối cảnh nước mất, phải sống trong tủi nhục, các thế hệ người dân Việt Nam thời ấy đều mong muốn đánh đuổi giặc Pháp, giành lại độc lập dân tộc. Nguyễn Tất Thành sớm thấu hiểu tình cảnh đất nước và nỗi thống khổ của nhân dân, nên đã sớm có chí đánh đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào.

Nguyễn Tất Thành khâm phục các cụ Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh nhưng không tán thành cách làm của các cụ. Anh nghĩ rằng : Cụ Phan Bội Châu muốn dựa vào Nhật để đánh đuổi giặc Pháp, điều đó là nguy hiểm. Cụ Phan Châu Trinh yêu cầu người Pháp làm cho nước ta giàu có, văn minh, đó là điều không thể thực hiện được.

Nguyễn Tất Thành quyết định phải tìm con đường mới để có thể cứu nước, cứu dân.

-Vì sao Nguyễn Tất Thành muốn tìm con đường cứu nước mới ?

Đầu thế kỉ XX, Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) là trung tâm kinh tế, chính trị của chế độ thuộc địa Pháp ở Đông Dương. Nguyễn Tất Thành từ Trung Kì vào đó và ở nhà một người bạn.

Anh gặp Tư Lê, một người cùng lứa tuổi và trở thành đôi bạn thân. Một hôm, anh hỏi Tư Lê : Anh Lê, anh có yêu nước không ?

Anh Lê ngạc nhiên đáp : Tất nhiên là có chứ !

- Anh có thể giữ bí mật được không ?

- Có !

Hình 1. *Bến cảng Nhà Rồng đầu thế kỉ XX*

- Tôi muốn ra nước ngoài xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta. Nhưng nếu đi một mình, thật ra cũng có điều mạo hiểm, nhất là những khi đau ốm. Anh muốn đi với tôi không ?

Hình 2. *Tàu Đô đốc La-tu-sơ Tờ-rê-vin, Văn Ba đã làm phụ bếp trên tàu này*

- Nhưng bạn ơi, chúng ta lấy đâu ra tiền mà đi ?

- Đây, tiền đây - anh Thành vừa giơ hai bàn tay ra vừa nói - chúng ta sẽ làm việc. Chúng ta sẽ làm bất cứ việc gì để sống và để đi. Thế thì anh cùng đi với tôi chứ ?

Bị lôi cuốn vì lòng hăng hái của anh Thành, anh Lê đồng ý. Nhưng sau đó, anh Lê không đủ can đảm để giữ lời hứa.

Vài ngày sau, tại cảng Nhà Rồng (Sài Gòn), một chàng thanh niên dáng mảnh khảnh đến xin việc trên một chiếc tàu buôn Pháp sắp trở về châu Âu. Chàng trai ấy xưng tên là Văn Ba, sẵn sàng nhận làm bất cứ việc gì. Người ta giao cho Anh làm phụ bếp trên tàu, một công việc nặng nhọc và nguy hiểm.

Ngày 5 - 6 - 1911, Văn Ba rời Tổ quốc, ra đi tìm đường cứu nước. Và mãi tới 30 năm sau, Người mới được trở về Tổ quốc thân yêu.

Năm 1911, với lòng yêu nước thương dân, Nguyễn Tất Thành đã từ cảng Nhà Rồng quyết chí ra đi tìm đường cứu nước.

Chú thích

- *Nguyễn Tất Thành* : lúc nhỏ là Nguyễn Sinh Cung, sau này là Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

CÂU HỎI

1. Hãy nêu những khó khăn của Nguyễn Tất Thành khi dự định ra nước ngoài.
2. Tại sao Nguyễn Tất Thành quyết chí ra đi tìm đường cứu nước ?

BÀI 7

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI

Từ giữa năm 1929, ở nước ta lần lượt ra đời ba tổ chức cộng sản. Các tổ chức cộng sản đã lãnh đạo phong trào đấu tranh chống Pháp, tổ chức các cuộc bãi công, biểu tình,... Để tăng thêm sức mạnh của cách mạng, cần phải sớm hợp nhất các tổ chức cộng sản. Việc này, đòi hỏi phải có một lãnh tụ đủ uy tín mới làm được.

-Vì sao cần phải sớm hợp nhất các tổ chức cộng sản ?

Vào thời điểm này, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đang hoạt động ở Xiêm, nhưng luôn nắm vững tình hình trong nước. Người đến Hồng Công (Trung Quốc), triệu tập đại biểu các tổ chức cộng sản để bàn việc thống nhất lực lượng.

Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc (năm 1930)

Đầu xuân 1930, dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc, hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản được tiến hành.

Sau những ngày làm việc khẩn trương, trong hoàn cảnh bí mật, hội nghị đã nhất trí hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng cộng sản duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam, đề ra đường lối cách mạng nước ta.

Từ đó, cách mạng Việt Nam có Đảng lãnh đạo, liên tiếp giành được nhiều thắng lợi to lớn. Ngày 3 - 2 trở thành ngày kỉ niệm thành lập Đảng.

Đầu xuân năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Từ đó, cách mạng nước ta có Đảng lãnh đạo và đã giành được nhiều thắng lợi vẻ vang.

Chú thích

- *Ba tổ chức cộng sản ra đời ở nước ta là* : Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng và Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
- *Lãnh tụ* : người được tôn làm lãnh đạo một phong trào đấu tranh, một chính đảng, một nước.

CÂU HỎI

1. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra ở đâu ? Do ai chủ trì ?
2. Em hãy trình bày kết quả của hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam.

BÀI 8

XÔ VIẾT NGHỆ - TĨNH

Đảng ta vừa ra đời đã lãnh đạo một phong trào cách mạng mạnh mẽ, nổ ra trong cả nước, đó là phong trào cách mạng trong những năm 1930 - 1931. Nghệ - Tĩnh (Nghệ An và Hà Tĩnh) là nơi phong trào phát triển mạnh nhất.

Hình 1. *Xô viết Nghệ - Tĩnh*

Ngày 12 - 9 - 1930, hàng vạn nông dân các huyện Hưng Nguyên, Nam Đàn (Nghệ An) với cờ đỏ búa liềm dẫn đầu kéo về thị xã Vinh. Đoàn người ngày

càng đông thêm, vừa đi vừa hô khẩu hiệu "Đả đảo đế quốc !", "Đả đảo Nam triều !", "Nhà máy về tay thợ thuyền !", "Ruộng đất về tay dân cày !"... Thực dân Pháp cho binh lính đến đàn áp nhưng không ngăn được bước tiến của đoàn biểu tình. Chúng cho máy bay ném bom vào đoàn người, làm hơn 200 người chết, hàng trăm người bị thương.

Tức nước vỡ bờ, làn sóng đấu tranh càng lên mạnh. Suốt tháng 9 và tháng 10 - 1930, nông dân tiếp tục nổi dậy đánh phá các huyện lị, đồn điền, nhà ga, công sở,... Những kẻ đứng đầu chính quyền các thôn, xã sợ hãi bỏ trốn hoặc đầu hàng. Nhân dân cử ra người lãnh đạo. Lần đầu tiên, nhân dân có chính quyền của mình.

Suốt thời kì có chính quyền nhân dân, ở các thôn xã không hề xảy ra trộm cắp. Những phong tục lạc hậu như mê tín dị đoan bị bãi bỏ, tệ cờ bạc,... cũng bị đả phá. Đặc biệt là chính quyền cách mạng đã tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho nông dân, xoá bỏ các thứ thuế vô lí. Nhân dân ở các thôn, xã vui mừng, phấn khởi. Nghe tiếng trống báo tin, bà con nô nức ra đình làng nghe nói chuyện, nghe giải thích chính sách hoặc bàn bạc công việc chung. Ai cũng thấy mình được thoát khỏi ách nô lệ, trở thành người chủ thôn xóm.

Hình 2. *Người nông dân Hà Tĩnh được cày trên thửa ruộng do chính quyền Xô viết chia trong những năm 1930 - 1931*

-Hình 2 phản ánh điều gì của phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh ?

Bọn đế quốc, phong kiến dùng mọi thủ đoạn dã man để đàn áp, đến giữa năm 1931, phong trào bị dập tắt.

Trong những năm 1930 - 1931, nhân dân Nghệ - Tĩnh đã đấu tranh quyết liệt, giành được quyền làm chủ, xây dựng cuộc sống mới văn minh, tiến bộ ở nhiều vùng nông thôn rộng lớn. Ngày 12 - 9 là ngày kỉ niệm Xô viết Nghệ - Tĩnh.

Chú thích

Chính quyền Xô viết : chính quyền được thành lập trong phong trào cách mạng ở nước Nga hồi đầu thế kỉ XX. Trong những năm 1930 - 1931, phong trào cách mạng ở Nghệ - Tĩnh lấy tên này đặt cho chính quyền mới.

CÂU HỎI

1. Em hãy kể lại cuộc biểu tình ngày 12 - 9 - 1930 ở Nghệ An.
2. Trong những năm 1930 - 1931, ở nhiều vùng nông thôn Nghệ - Tĩnh diễn ra điều gì mới ?

BÀI 9

CÁCH MẠNG MÙA THU

Cuối năm 1940, quân Nhật kéo vào xâm lược nước ta, dân ta chịu cảnh "một cổ hai tròng". Tháng 3 - 1945, Nhật đảo chính Pháp, giành quyền đô hộ nước ta. Giữa tháng 8 - 1945, được tin Nhật đầu hàng đồng minh, chớp thời cơ ngàn năm có một, Đảng và Bác Hồ ra lệnh toàn dân khởi nghĩa. Trong sự vùng lên mãnh liệt của cả nước, Cách mạng tháng Tám đã giành được thắng lợi quyết định với cuộc khởi nghĩa ở những thành phố lớn : Huế, Sài Gòn, nhất là ở Hà Nội.

Ngày 18 - 8 - 1945, cả Hà Nội xuất hiện cờ đỏ sao vàng, tràn ngập khí thế cách mạng.

Sáng 19 - 8 - 1945, hàng chục vạn nhân dân nội thành, ngoại thành và các tỉnh lân cận xuống đường biểu dương lực lượng. Họ mang trong tay những vũ khí thô sơ như giáo, mác, mã tấu,... tiến về quảng trường

Nhà hát lớn thành phố. Đến trưa, đại diện Uỷ ban khởi nghĩa đọc lời kêu gọi khởi nghĩa giành chính quyền. Ngay sau đó, cuộc mít tinh đã biến thành cuộc biểu tình vũ trang cướp chính quyền. Quần chúng cách mạng, có sự hỗ trợ của các đội tự vệ chiến đấu, xông vào chiếm các cơ quan đầu não của kẻ thù như : Phủ Khâm sai, Sở Mật thám, Sở Cảnh sát, Trại Bảo an binh,...

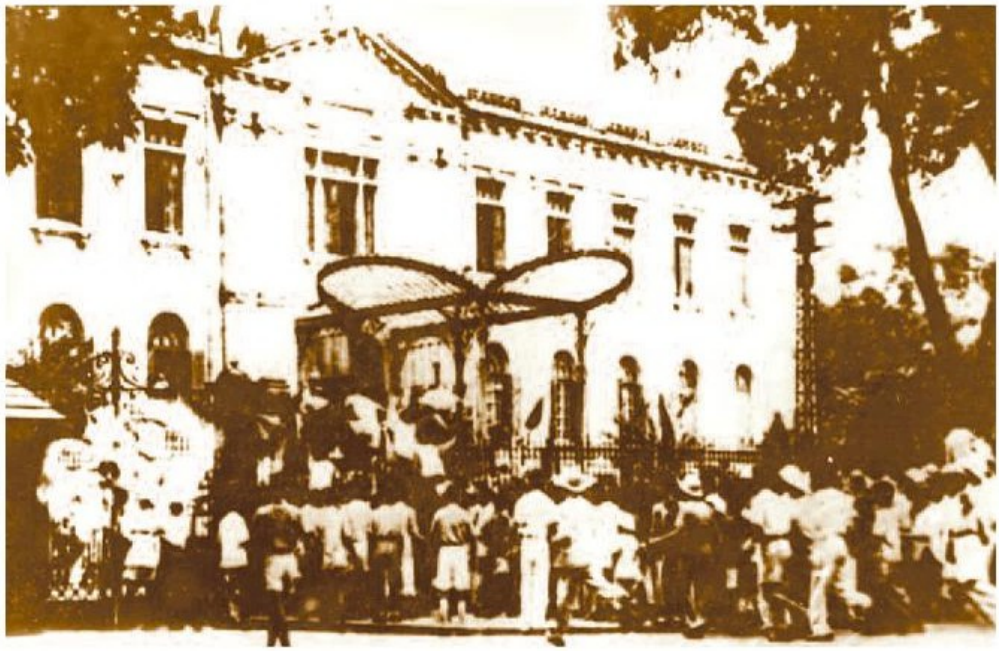

Biểu tình chiếm Phủ Khâm sai

Khi đoàn biểu tình kéo đến Phủ Khâm sai, lính Bảo an ở đây đã được lệnh sẵn sàng nổ súng. Quần chúng nhất tề hô vang khẩu hiệu, đập cửa, đồng thời thuyết phục lính Bảo an đừng bắn, nhiều người vượt hàng rào sắt nhảy vào Phủ.

Trước sức mạnh của đông đảo quần chúng, lính Bảo an đã phải hạ vũ khí đầu hàng cách mạng. Cờ đỏ sao vàng phấp phới bay trên nóc Phủ Khâm sai.

Chiều 19 - 8 - 1945, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội toàn thắng.

Tiếp sau Hà Nội, đến lượt Huế (23 - 8), rồi Sài Gòn (25 - 8) và đến ngày 28 - 8 - 1945, cuộc Tổng khởi nghĩa đã thành công trong cả nước.

Mùa thu năm 1945, nhân dân cả nước vùng lên phá tan xiềng xích nô lệ. Ngày 19 - 8 là ngày kỉ niệm Cách mạng tháng Tám của nước ta.

Chú thích

- *Phủ Khâm sai* : trụ sở chính quyền tay sai của Nhật ở Bắc Kì, nay là Nhà khách Chính phủ ở phố Ngô Quyền, Hà Nội.
- *Lính Bảo an* : lính người Việt, phục vụ cho chính phủ thân Nhật.

CÂU HỎI

1. Tại sao ngày 19 - 8 được chọn làm ngày kỉ niệm Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở nước ta ?
2. Hãy sưu tầm và kể lại sự kiện đáng nhớ về Cách mạng tháng Tám ở địa phương em.

BÀI 10

BÁC HỒ ĐỌC TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

Ngày 2 - 9 - 1945, Hà Nội tưng bừng trong màu đỏ - một vùng trời bát ngát cờ, hoa. Đồng bào Hà Nội, già trẻ, trai gái đều xuống đường. Những dòng người từ khắp các ngả tập trung về Quảng trường Ba Đình.

Nắng mùa thu làm đẹp thêm quảng trường lịch sử. Đội danh dự đứng nghiêm trang xung quanh lễ đài mới dựng.

Hình 1. *Quảng trường Ba Đình, Hà Nội (ngày 2 - 9 - 1945)*

- Em có nhận xét gì về quang cảnh ngày 2 - 9 - 1945 ở Hà Nội ?

Hình 2. *Bác Hồ đọc Tuyên ngôn Độc lập (2 - 9 - 1945)*

Đúng 14 giờ, buổi lễ bắt đầu. Bác Hồ cùng các vị trong Chính phủ lâm thời bước lên lễ đài. Bác giơ tay vẫy chào đồng bào. Nhân dân vỗ tay hoan hô như sấm dậy. Với dáng điệu khoan thai, Bác ra hiệu im lặng và bắt đầu đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* :

"Hỡi đồng bào cả nước,

Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được ; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc..."

Giọng của Bác trầm ấm, rõ ràng. Cả biển người nín thở lắng nghe. Đọc được nửa chừng, Bác dừng lại và hỏi : "Tôi nói, đồng bào nghe rõ không ?"

Hơn nửa triệu người cùng đáp, tiếng vang như sấm : "Có !".

Cuối bản *Tuyên ngôn Độc lập*, Bác khẳng định : "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy".

- Lời khẳng định trên đây thể hiện điều gì ?

Bác Hồ đọc xong, cả biển người hoan hô vang dậy, cả rừng cờ vẫy lên không ngớt. Tiếp đó là lễ ra mắt và tuyên thệ của các thành viên Chính phủ lâm thời trước quốc dân đồng bào...

Đến chiều, buổi lễ kết thúc. Giọng nói Bác Hồ và những lời khẳng định trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* còn vọng mãi trong lòng mỗi người dân Việt Nam.

Ngày 2 - 9 - 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập*, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Chú thích

- *Tuyên ngôn Độc lập* : văn bản tuyên bố cho cả nước và thế giới biết về quyền độc lập, tự do của nước ta.
- *Chính phủ lâm thời* : cơ quan đại diện cao nhất cho chính quyền cách mạng, do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu, có trọng trách điều hành đất nước sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945, chờ tổng tuyển cử để bầu ra Quốc hội và Chính phủ chính thức.

CÂU HỎI

1. Em hãy tả lại không khí tưng bừng của buổi lễ tuyên bố độc lập.
2. Cuối bản *Tuyên ngôn Độc lập*, Bác Hồ thay mặt nhân dân Việt Nam khẳng định điều gì ?

BÀI 11

ÔN TẬP : HƠN TÁM MƯƠI NĂM CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC VÀ ĐÔ HỘ (1858 - 1945)

1. Từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, nhân dân ta đã không ngừng đấu tranh nhằm mục đích gì ?
2. Hãy nêu một số nhân vật, sự kiện lịch sử tiêu biểu trong giai đoạn 1858 - 1945.
3. Hãy kể lại một sự kiện hoặc một nhân vật lịch sử trong giai đoạn này mà em nhớ nhất.
4. Nêu tên sự kiện lịch sử tương ứng với các năm trên trục thời gian.

BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN NON TRẺ, TRƯỜNG KÌ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP *(1945 - 1954)*

Cách mạng tháng Tám (1945) thành công, nước ta trở thành một nước độc lập, song thực dân Pháp âm mưu xâm lược đất nước ta một lần nữa. Dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, quyết tâm đứng lên tiến hành cuộc kháng chiến bảo vệ độc lập và chủ quyền của đất nước.

BÀI 12
VƯỢT QUA TÌNH THẾ HIỂM NGHÈO

Từ cuối năm 1945 đến năm 1946, nhân dân ta đã đấu tranh để bảo vệ và xây dựng chế độ mới trong tình thế vô cùng hiểm nghèo. Chính quyền non trẻ vừa phải khắc phục hậu quả của chế độ cũ, bước đầu xây dựng đất nước, vừa tổ chức kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

Cách mạng thành công nhưng nước ta đứng trước những khó khăn tưởng như không vượt qua nổi.

Hình 1. *Nhân dân Nam Bộ trong những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp (9 - 1945)*

Các nước đế quốc và các thế lực phản động câu kết với nhau bao vây và chống phá cách mạng. Lũ lụt và hạn hán làm cho nông nghiệp đình đốn, một nửa số ruộng không thể cày cấy được. Nạn đói cuối năm 1944 - đầu năm 1945 đã cướp đi sinh mạng của hơn hai triệu người. Hơn 90% đồng bào ta không biết chữ. Nước ta ở trong tình thế "nghìn cân treo sợi tóc".

-Vì sao nói : Ngay sau Cách mạng tháng Tám, nước ta ở trong tình thế "nghìn cân treo sợi tóc" ?

Để cứu đói, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi cả nước lập "hũ gạo cứu đói", "ngày đồng tâm",... dành gạo cho dân nghèo.

> Bác Hoàng Văn Tí, người giúp việc Bác Hồ trong thời gian này kể lại : Hưởng ứng việc lập "hũ gạo cứu đói", Bác Hồ gương mẫu thực hiện 10 ngày nhịn ăn một bữa, dành gạo giúp người nghèo. Nhìn Bác gầy rộc, ăn uống không đều đặn, các đồng chí giúp việc rất lo cho sức khoẻ của Bác nên đề nghị Bác không nên nhịn ăn. Bác bảo : "Bác kêu gọi đồng bào 10 ngày nhịn ăn một bữa thì Bác cũng phải gương mẫu chứ, các chú nói Bác cứ ăn thì làm gương cho ai được".

-Em có cảm nghĩ gì về việc làm của Bác Hồ qua câu chuyện trên ?

Hình 2. *Nhân dân góp gạo chống "giặc đói" (10 - 1945)*

Khẩu hiệu "Không một tấc đất bỏ hoang !", "Tấc đất, tấc vàng !" được treo ở khắp nơi. Những đoạn đê bị vỡ được đắp lại. Dân nghèo được chia ruộng,

phấn khởi, hăng hái tham gia sản xuất. Nạn đói từng bước được đẩy lùi.

Đồng bào cả nước đã góp được 60 triệu đồng cho "Quỹ độc lập" và "Quỹ đảm phụ quốc phòng" ; "Tuần lễ vàng" đã thu được gần 4 tạ vàng.

-Theo em, những sự việc trên nói lên truyền thống gì của nhân dân ta ?

Phong trào xoá nạn mù chữ được phát động khắp nơi. Trường học được mở thêm, trẻ em nghèo được cấp sách tới lớp.

Hình 3. *Lớp Bình dân học vụ*

Bằng các biện pháp ngoại giao khôn khéo, ta đã đẩy được quân Tưởng về nước, nhân nhượng với quân Pháp, tranh thủ thời gian hoà hoãn, tăng cường lực lượng chuẩn bị kháng chiến lâu dài.

Trong tình thế "nghìn cân treo sợi tóc", chính quyền cách mạng non trẻ đã vượt qua hiểm nghèo, từng bước đẩy lùi "giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm".

Chú thích

- *Quỹ độc lập* : quỹ tiếp nhận sự đóng góp tự nguyện của nhân dân để xây dựng nền độc lập vừa mới giành được.
- *Quỹ đảm phụ quốc phòng* : quỹ đóng góp cho sự nghiệp bảo vệ đất nước.
- *Tuần lễ vàng* : tuần lễ được tổ chức để nhân dân tự nguyện đóng góp vàng, bạc xây dựng đất nước.

- *Lớp Bình dân học vụ* : lớp học dành cho những người lớn tuổi ngoài giờ lao động.
- *Quân Tưởng* : quân của Tưởng Giới Thạch (Trung Quốc). Sau Cách mạng tháng Tám, theo quy định quốc tế, khoảng 20 vạn quân Tưởng tiến vào nước ta từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc để tiếp nhận sự đầu hàng của quân Nhật.

CÂU HỎI

1. Em hãy nêu những khó khăn của nước ta sau Cách mạng tháng Tám.
2. Nhân dân ta đã làm gì để chống lại "giặc đói" và "giặc dốt" ?

BÀI 13

"THÀ HI SINH TẤT CẢ, CHỨ NHẤT ĐỊNH KHÔNG CHỊU MẤT NƯỚC"

Vừa giành được độc lập, Việt Nam muốn có hoà bình để xây dựng đất nước. Chính phủ ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã nhiều lần nhân nhượng với Pháp. Tuy nhiên điều đó cũng không ngăn được âm mưu xâm lược của chúng. Sau khi đánh chiếm Sài Gòn, thực dân Pháp mở rộng xâm lược Nam Bộ, đánh chiếm Hải Phòng, Hà Nội.

Ngày 18 - 12 - 1946, Pháp gửi tối hậu thư đe doạ, đòi Chính phủ ta giải tán lực lượng tự vệ, giao quyền kiểm soát Hà Nội cho chúng. Nếu ta không chấp nhận thì chúng sẽ nổ súng tấn công ; bắt đầu từ ngày 20 - 12 - 1946, quân đội Pháp sẽ đảm nhiệm việc trị an ở thành phố Hà Nội.

Đêm 18 rạng sáng 19 - 12 - 1946, Trung ương Đảng và Chính phủ họp, quyết định phát động toàn quốc kháng chiến.

Sáng 20 - 12 - 1946, Đài tiếng nói Việt Nam phát đi lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh :

"Hỡi đồng bào toàn quốc !

Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa !

Không ! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ."

-Lời kêu gọi của Bác Hồ thể hiện điều gì ?

Hà Nội nêu cao tấm gương "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh". Những chiến sĩ Vệ quốc quân và tự vệ của Thủ đô đã giành giật với địch từng góc phố. Đồng bào đã khuân bàn ghế, giường, tủ, hòm xiểng, cánh cửa,... ra đường phố làm chướng ngại vật cản bước quân địch. Ròng rã 60 ngày đêm, ta đánh hơn 200 trận, loại khỏi vòng chiến đấu gần 2000 tên, giam chân địch để bảo vệ cho hàng vạn đồng bào và Chính phủ rời thành phố về căn cứ kháng chiến.

Hình 1. *Nhân dân phố Mai Hắc Đế (Hà Nội) dùng giường, tủ... dựng chiến luỹ trên đường phố để ngăn cản quân Pháp, cuối năm 1946*

Ở Huế, rạng sáng 20 - 12 - 1946, quân và dân ta nhất tề vùng lên nổ súng vào các vị trí địch chiếm đóng ở phía nam bờ sông Hương. Sau gần 50 ngày đêm chiến đấu ác liệt, quân và dân Thừa Thiên - Huế đã tiêu diệt khoảng 200 tên địch, sau đó rút khỏi thành phố để kháng chiến lâu dài.

Ở Đà Nẵng, sáng 20 - 12 - 1946, ta nổ súng tấn công địch. Trung đoàn Vệ quốc quân Quảng Nam cùng tự vệ và nhân dân kiên cường chặn đánh địch từ trung tâm đến ngoại ô thành phố. Hàng vạn người dân các huyện lân cận đào công sự, xây dựng các tuyến chiến hào nhiều tầng, lập vành đai bao vây thành phố, giam chân địch trong một thời gian dài.

Hình 2. *Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh*

Ở các địa phương khác trong cả nước, cuộc chiến đấu chống quân xâm lược cũng diễn ra quyết liệt. Nhân dân ta chuẩn bị kháng chiến lâu dài với niềm tin "kháng chiến nhất định thắng lợi".

Cách mạng tháng Tám thành công, nước ta giành được độc lập nhưng thực dân Pháp quyết tâm cướp nước ta một lần nữa.

Cả dân tộc Việt Nam đứng lên kháng chiến với tinh thần "thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ".

Chú thích

- *Tối hậu thư* : văn bản gồm những điều kiện buộc đối phương phải chấp nhận, nếu không sẽ bị tấn công tiêu diệt.
- *Vệ quốc quân* : tên gọi của Quân đội nhân dân Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám 1945.

CÂU HỎI

1. Nêu dẫn chứng về âm mưu quyết tâm cướp nước ta một lần nữa của thực dân Pháp.
2. Trước âm mưu của thực dân Pháp, nhân dân ta đã làm gì ?

BÀI 14

THU - ĐÔNG 1947, VIỆT BẮC "MỒ CHÔN GIẶC PHÁP"

Sau khi đánh chiếm các thành phố lớn, thực dân Pháp âm mưu mở cuộc tấn công quy mô lớn lên Căn cứ địa Việt Bắc hòng tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta để mau chóng kết thúc chiến tranh. Trung ương Đảng, dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã họp và quyết định : phải phá tan cuộc tấn công của giặc.

Hình 1. *Nhân dân Phú Thọ cắm chông chống quân Pháp nhảy dù trong chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947*

Tháng 10 - 1947, thực dân Pháp huy động một lực lượng lớn, chia làm 3 mũi tấn công lên Việt Bắc.

Hình 2. *Lược đồ chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947*

Tại thị xã Bắc Kạn, Chợ Mới, Chợ Đồn, khi quân Pháp vừa nhảy dù xuống đã rơi vào trận địa phục kích của bộ đội ta. Trên đường bộ, quân ta chặn đánh địch và giành thắng lợi ở đèo Bông Lau. Tại Đoan Hùng, tàu chiến và ca nô Pháp bị đốt cháy trên dòng sông Lô. Sau hơn một tháng bị sa lầy ở Việt Bắc, địch buộc phải rút lui. Nhưng đường rút lui của địch cũng bị quân ta chặn đánh dữ dội. Tại Bình Ca, Đoan Hùng, giặc rơi vào trận địa mai phục. Quân Pháp bỏ lại nhiều vũ khí, đạn dược để chạy thoát thân.

Địch chết hơn 3000 tên, bị bắt hàng trăm tên ; 16 máy bay bị bắn rơi, hàng trăm xe cơ giới bị phá huỷ, nhiều tàu chiến và ca nô bị bắn chìm.

Thu - đông năm 1947, sau nhiều ngày đêm chiến đấu, ta đã đánh bại cuộc tấn công quy mô lớn của quân Pháp lên Việt Bắc, bảo vệ được cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến.

- Cuộc tấn công lên Việt Bắc của thực dân Pháp có kết cục ra sao ?

Thu - đông năm 1947, thực dân Pháp tấn công lên Việt Bắc hòng tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và bộ đội chủ lực của ta để nhanh chóng kết thúc chiến tranh. Nhưng Việt Bắc đã trở thành "mồ chôn giặc Pháp".

Chú thích

- *Căn cứ địa* : vùng an toàn cho ban lãnh đạo kháng chiến và bộ đội chủ lực của ta để duy trì cuộc kháng chiến lâu dài.
- *Đầu não kháng chiến* : ban lãnh đạo cuộc kháng chiến toàn quốc.

CÂU HỎI

1. Thực dân Pháp mở cuộc tấn công lên Việt Bắc nhằm âm mưu gì ?
2. Nêu một số địa danh tiêu biểu cho chiến thắng của ta trong chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947.
3. Chiến thắng Việt Bắc thu - đông 1947 có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc kháng chiến chống Pháp ?

BÀI 15

CHIẾN THẮNG BIÊN GIỚI THU - ĐÔNG 1950

Từ năm 1948 đến giữa năm 1950, ta mở một loạt chiến dịch quân sự và giành được nhiều thắng lợi. Cuộc kháng chiến của ta ngày càng nhận được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới.

Trong tình hình đó, thực dân Pháp tăng cường lực lượng, khoá chặt biên giới Việt - Trung, cô lập Căn cứ địa Việt Bắc.

Quân ta quyết định mở chiến dịch nhằm giải phóng một phần biên giới, củng cố và mở rộng Căn cứ địa Việt Bắc, khai thông đường liên lạc quốc tế.

Trên Đường số 4, ta chọn cụm cứ điểm Đông Khê làm mục tiêu trọng điểm, mở màn chiến dịch.

Bác Hồ đã trực tiếp ra mặt trận, kiểm tra kế hoạch và công tác chuẩn bị, gặp gỡ động viên cán bộ, chiến sĩ, dân công tham gia chiến dịch.

Hình 1. *Bác Hồ quan sát mặt trận Biên giới*

- Nêu cảm tưởng của em khi quan sát hình 1.

Sáng 16 - 9 - 1950, quân ta nổ súng tấn công cụm cứ điểm Đông Khê. Địch ra sức cố thủ trong các lô cốt và dùng máy bay bắn phá suốt ngày đêm. Với tinh thần quyết thắng, bộ đội ta đã anh dũng chiến đấu.

Anh La Văn Cầu có nhiệm vụ đánh bộc phá vào lô cốt phía đông bắc cứ điểm Đông Khê. Bị trúng đạn, nát một phần cánh tay phải nhưng anh đã nghiến răng nhờ đồng đội dùng lưỡi lê chặt đứt cánh tay để tiếp tục chiến đấu.

- Hành động của anh La Văn Cầu thể hiện điều gì ?

Đến sáng 18 - 9 - 1950, quân ta chiếm cụm cứ điểm Đông Khê.

Mất Đông Khê, quân Pháp ở Cao Bằng bị cô lập. Bộ chỉ huy quân Pháp quyết định rút quân khỏi Cao Bằng theo Đường số 4, đồng thời chúng đưa lực lượng tiến lên chiếm lại Đông Khê. Sau nhiều ngày đêm giao tranh ác liệt, quân Pháp đóng trên Đường số 4 phải rút chạy.

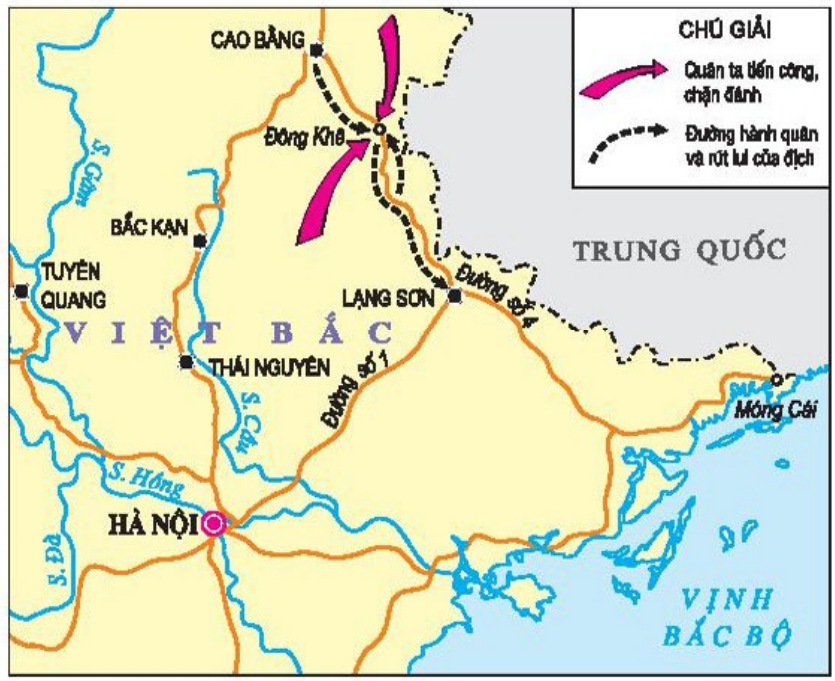

Hình 2. *Lược đồ chiến dịch Biên giới thu - đông 1950*

Qua 29 ngày đêm chiến đấu, ta đã diệt và bắt sống hơn 8000 tên địch, giải phóng một số thị xã và thị trấn, làm chủ 750 km trên dải biên giới Việt - Trung. Căn cứ địa Việt Bắc được củng cố và mở rộng.

Hình 3. *Tù binh Pháp trong chiến dịch Biên giới thu - đông 1950*

Thu - đông 1950, ta chủ động mở chiến dịch Biên giới và đã giành thắng lợi, Căn cứ địa Việt Bắc được củng cố và mở rộng. Từ đây, ta nắm quyền chủ động trên chiến trường.

Chú thích

Bộc phá : khối thuốc nổ được dùng để phá các vật rắn. Trong chiến tranh, bộ đội ta thường dùng để phá công sự kiên cố của địch.

CÂU HỎI

1. Ta quyết định mở chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 nhằm mục đích gì ?
2. Nêu ý nghĩa của chiến thắng Biên giới thu - đông 1950.

BÀI 16

HẬU PHƯƠNG NHỮNG NĂM SAU CHIẾN DỊCH BIÊN GIỚI

Sau chiến thắng Biên giới 1950, hậu phương của ta ngày càng vững mạnh, góp phần cùng tiền tuyến chiến thắng thực dân Pháp.

Tháng 2 - 1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng họp. Đại hội chỉ rõ rằng : để đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi, phải phát triển tinh thần yêu nước, đẩy mạnh thi đua, chia ruộng đất cho nông dân.

Hình 1. *Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2 - 1951)*

-Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng đề ra nhiệm vụ gì ?

Ở các vùng tự do, nhân dân ta đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm để chuyển ra mặt trận. Trong hoàn cảnh chiến tranh, các trường Đại học Sư phạm, Đại học Y - Dược vẫn đào tạo cán bộ phục vụ kháng chiến. Hơn một triệu học sinh phổ thông vừa học tập, vừa hăng hái tham gia sản xuất, vì họ đều hiểu rõ học tập cũng là góp phần cho kháng chiến thắng lợi.

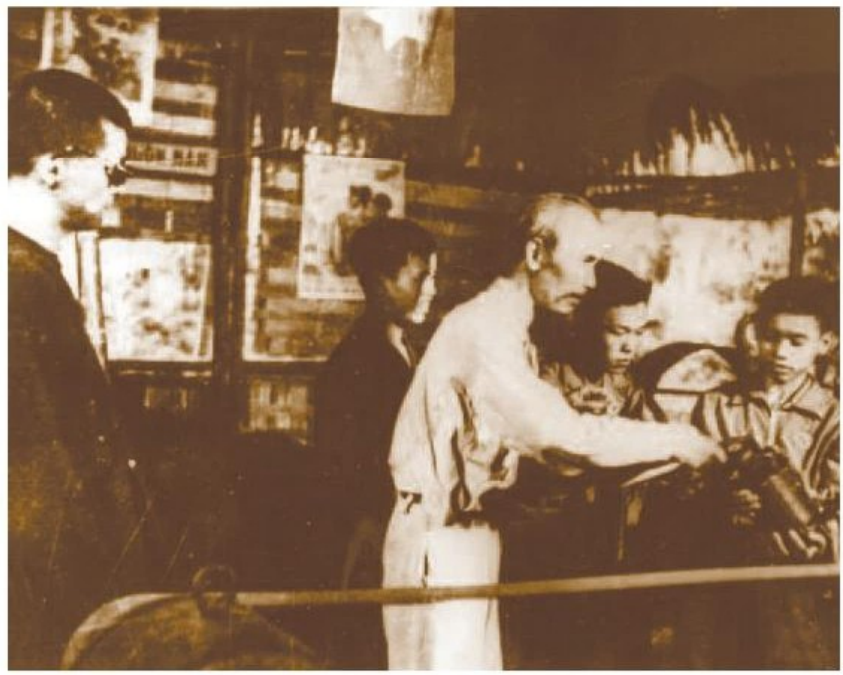

Hình 2.

Bác Hồ thăm công binh xưởng đầu tiên ở Việt Bắc trong thời kì kháng chiến chống Pháp (người đeo kính đen là Anh hùng Lao động Ngô Gia Khảm)

Hình 3.

Bộ đội giúp dân cấy lúa trong kháng chiến chống Pháp

Ngày 1 - 5 - 1952, Đại hội chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc khai mạc, khẳng định những đóng góp to lớn của các tập thể và cá nhân cho thắng lợi của cuộc kháng chiến.

Sau năm 1950, hậu phương của ta được mở rộng và xây dựng vững mạnh, làm tăng thêm sức mạnh cho cuộc kháng chiến.

Chú thích

- *Tiền tuyến* : nơi giao chiến giữa ta và địch.
- *Hậu phương* : vùng tự do (không bị địch chiếm đóng) trong kháng chiến, nơi cung cấp sức người, sức của cho tiền tuyến.
- *Đại hội chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc* : đây là đại hội đầu tiên để tổng kết và biểu dương những thành tích của phong trào thi đua yêu nước. Đại hội bầu được 7 anh hùng : Cù Chính Lan, La Văn Cầu, Nguyễn Quốc Trị, Nguyễn Thị Chiên, Ngô Gia Khảm, Trần Đại Nghĩa và Hoàng Hanh.

CÂU HỎI

1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng đề ra nhiệm vụ gì cho cách mạng Việt Nam ?
2. Hãy tìm hiểu thành tích tiêu biểu của 1 trong 7 anh hùng được tuyên dương trong Đại hội chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc.

BÀI 17

CHIẾN THẮNG LỊCH SỬ ĐIỆN BIÊN PHỦ

Mùa đông năm 1953, tại chiến khu Việt Bắc, Trung ương Đảng và Bác Hồ đã họp, nêu quyết tâm giành thắng lợi trong chiến dịch Điện Biên Phủ để kết thúc cuộc kháng chiến.

Để chuẩn bị cho chiến dịch lịch sử này, cả tiền tuyến và hậu phương đều sẵn sàng với tinh thần cao nhất. Khoảng năm vạn rưỡi chiến sĩ từ các mặt trận hành quân về Điện Biên Phủ, hàng vạn tấn vũ khí được vận chuyển vào trận địa. Gần ba vạn người từ hậu phương tham gia vận chuyển lương thực, thực phẩm, quần áo, thuốc men... lên Điện Biên Phủ.

Hình 1.
Mùa đông 1953, Bộ Chính trị họp thông qua phương án mở chiến dịch Điện Biên Phủ (từ trái sang phải : đồng chí Phạm Văn Đồng, Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Trường Chinh và Đại tướng Võ Nguyên Giáp)

Hình 2.
Đoàn xe thồ phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ

- Quan sát hình ảnh đoàn xe thồ phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ, em có nhận xét gì ?

Ngày 13 - 3 - 1954, quân ta nổ súng mở màn chiến dịch Điện Biên Phủ. Trong suốt 5 ngày đêm chiến đấu dũng cảm, ta lần lượt tiêu diệt các vị trí phòng ngự của địch ở phía bắc như : Him Lam, Độc Lập, Bản Kéo. Trong trận đánh ở Him Lam, anh Phan Đình Giót đã lấy thân mình lấp lỗ châu mai để đồng đội xông lên tiêu diệt địch.

- Hành động của anh Phan Đình Giót thể hiện điều gì ?

Ngày 30 - 3 - 1954, ta đồng loạt công kích địch lần thứ hai.

Sân bay Mường Thanh bị uy hiếp, máy bay địch không xuống được sân bay buộc phải thả hàng tiếp tế, nhưng rơi không đúng vị trí, bộ đội ta thu được nhiều chiến lợi phẩm. Ta và địch giành giật nhau từng tấc đất, từng đoạn giao thông hào. Đến ngày 26 - 4 - 1954, phần lớn các cứ điểm phía đông đã thuộc quyền kiểm soát của ta, riêng hai cứ điểm quan trọng là đồi C1 và A1, địch vẫn còn kháng cự quyết liệt.

Ngày 1 - 5 - 1954, ta mở đợt tấn công thứ ba, đánh chiếm các cứ điểm còn lại. Tối 6 - 5 - 1954, trái bộc phá nặng khoảng 1 tấn do bộ đội ta đào đường ngầm đặt vào lòng đồi A1 được phát nổ. Đó là hiệu lệnh tổng công kích, bộ đội ta xung phong như vũ bão.

17 giờ 30 phút ngày 7 - 5 - 1954, tướng Đờ Ca-xtơ-ri và Bộ chỉ huy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bị bắt sống. Lá cờ "Quyết chiến quyết thắng" tung bay trên nóc hầm chỉ huy của giặc Pháp. Địch lũ lượt giương cờ trắng ra hàng.

Chiến thắng Điện Biên Phủ là mốc son chói lọi, góp phần kết thúc thắng lợi chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

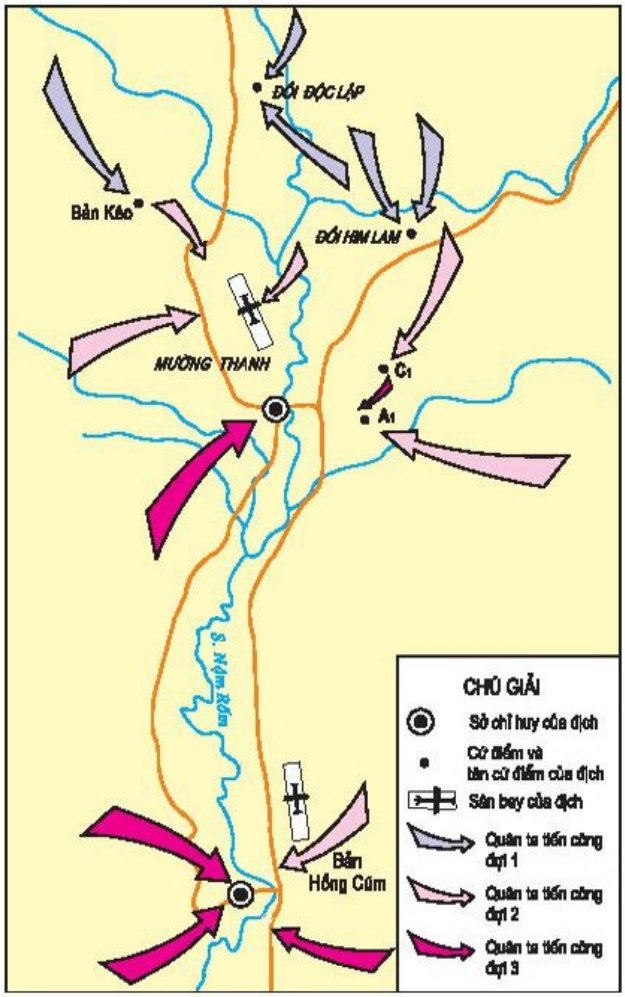

Hình 3. *Lược đồ chiến dịch Điện Biên Phủ*

Hình 4.
Cờ chiến thắng tung bay trên nóc hầm tướng Đờ Ca-xtơ-ri

Sau 56 ngày đêm chiến đấu kiên cường, gian khổ, bộ đội ta đã đánh sập "pháo đài khổng lồ" của thực dân Pháp ở Điện Biên Phủ, ghi trang vàng chói lọi vào lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta.

Chú thích

- *Pháo đài* : công trình quân sự kiên cố, vững chắc để phòng thủ.
- *Cờ "Quyết chiến quyết thắng"* : lá cờ đỏ sao vàng có thêu dòng chữ "Quyết chiến quyết thắng", lần đầu tiên được Bác Hồ trao cho bộ đội ta trong chiến dịch Điện Biên Phủ.
- *Lỗ châu mai* : lỗ ở thành công sự hoặc lô cốt để bắn súng từ trong ra ngoài.
- *Tập đoàn cứ điểm* : nhiều cứ điểm (vị trí phòng ngự có công sự vững chắc) hợp thành một hệ thống phòng thủ kiên cố (tại Điện Biên Phủ, địch xây dựng 49 cứ điểm).

CÂU HỎI

1. Chiến dịch Điện Biên Phủ được chia làm mấy đợt ? Hãy thuật lại đợt tấn công cuối cùng.
2. Nêu ý nghĩa của chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.

BÀI 18

ÔN TẬP : CHÍN NĂM KHÁNG CHIẾN BẢO VỆ ĐỘC LẬP DÂN TỘC (1945 - 1954)

1. Tình thế hiểm nghèo của nước ta sau Cách mạng tháng Tám thường được diễn tả bằng cụm từ nào ? Em hãy kể tên ba loại "giặc" mà cách mạng nước ta phải đương đầu từ cuối năm 1945.

2. "Chín năm làm một Điện Biên,
Nên vành hoa đỏ, nên thiên sử vàng !"

Em hãy cho biết : Chín năm đó được bắt đầu và kết thúc vào thời gian nào ?

3. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định điều gì ? Lời khẳng định ấy giúp em liên tưởng tới bài thơ nào ra đời trong cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần thứ hai (đã học ở lớp 4) ?

4. Hãy thống kê một số sự kiện mà em cho là tiêu biểu nhất trong chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC VÀ ĐẤU TRANH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC

(1954 - 1975)

Sau thất bại nặng nề ở Điện Biên Phủ, ngày 21 - 7 - 1954 thực dân Pháp buộc phải kí Hiệp định Giơ-ne-vơ, chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược kết thúc, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ đã đoàn kết xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh chống âm mưu chia cắt nước ta của đế quốc Mĩ.

BÀI 19

NƯỚC NHÀ BỊ CHIA CẮT

Theo Hiệp định Giơ-ne-vơ, sông Bến Hải (thuộc huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị) là giới tuyến phân chia tạm thời hai miền Nam - Bắc. Quân Pháp sẽ rút khỏi miền Bắc, chuyển vào miền Nam. Đến tháng 7 - 1956, nhân dân hai miền Nam - Bắc sẽ tiến hành tổng tuyển cử, thống nhất đất nước.

Cầu Hiền Lương bắc qua sông Bến Hải, giới tuyến quân sự tạm thời giữa hai miền Nam - Bắc (ảnh chụp cuối năm 1954)

Mĩ tìm mọi cách phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ. Trong thời gian Pháp rút quân, Mĩ dần dần thay chân Pháp xâm lược miền Nam, đưa Ngô Đình Diệm lên làm Tổng thống, lập ra chính quyền tay sai.

Đế quốc Mĩ và chính quyền Ngô Đình Diệm ra sức chống phá các lực lượng cách mạng, khủng bố dã man những người đòi hiệp thương tổng tuyển cử, thống nhất đất nước. Chính quyền Ngô Đình Diệm thực hiện chính sách "tố cộng", "diệt cộng". Với khẩu hiệu "giết nhầm còn hơn bỏ sót", chúng thẳng tay giết hại các chiến sĩ cách mạng và những người dân vô tội.

> Chính quyền Ngô Đình Diệm đã gây ra hàng loạt vụ thảm sát ở Chợ Được, Vĩnh Trinh (Quảng Nam), Hướng Điền (Quảng Trị),... Đặc biệt, ngày 1 - 12 - 1958, chúng bỏ thuốc độc vào nước uống, cơm ăn, đầu độc 6000 người ở nhà tù Phú Lợi (nay thuộc tỉnh Bình Dương), làm hơn 1000 người bị chết.

- Nêu dẫn chứng về việc đế quốc Mĩ phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ.

Kẻ thù ngày càng lộ rõ âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta. Tội ác của chúng ngày càng chồng chất. Nước nhà sau hơn tám mươi năm đấu tranh giành độc lập và chín năm kháng chiến chống Pháp, giờ đây lại đau nỗi đau chia cắt.

Không còn con đường nào khác, nhân dân ta buộc phải cầm súng đứng lên.

Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, nhân dân ta chờ mong ngày gia đình đoàn tụ, đất nước thống nhất. Nhưng đế quốc Mĩ và bè lũ tay sai đã khủng bố, tàn sát đồng bào miền Nam, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta.

Chú thích

- *Hiệp định* : văn bản ghi lại những nội dung do các bên có liên quan kí kết.
- *Hiệp thương* : tổ chức hội nghị đại biểu hai miền Nam - Bắc để bàn về việc thống nhất đất nước.
- *Tổng tuyển cử* : tổ chức bầu cử trong cả nước.
- *Tố cộng* : tổ chức các cuộc tố cáo, bôi nhọ những người cộng sản, những người yêu nước tham gia kháng chiến chống Pháp và đấu tranh chống Mĩ - Diệm.
- *Diệt cộng* : tiêu diệt những người cộng sản.
- *Thảm sát* : giết hại hàng loạt chiến sĩ cách mạng và đồng bào miền Nam một cách dã man.

CÂU HỎI

1. Nêu tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ.
2. Hãy nêu tội ác của đế quốc Mĩ và chính quyền tay sai đối với đồng bào miền Nam.

BÀI 20

BẾN TRE ĐỒNG KHỞI

Trước sự tàn sát của Mĩ - Diệm, nhân dân miền Nam không thể chịu đựng mãi, không còn con đường nào khác, buộc phải vùng lên phá tan ách kìm kẹp. Cuối năm 1959 đầu năm 1960, khắp miền Nam bùng lên phong trào "Đồng khởi". Bến Tre là nơi diễn ra "Đồng khởi" mạnh mẽ nhất.

Ngày 17 - 1 - 1960, nhân dân huyện Mỏ Cày đứng lên khởi nghĩa, mở đầu phong trào "Đồng khởi" ở tỉnh Bến Tre. Với vũ khí thô sơ, gậy gộc, giáo mác,... nhân dân nhất loạt vùng dậy. Tiếng trống, tiếng mõ, tiếng súng,... hoà cùng tiếng hò reo vang dội của hàng vạn người đã làm cho quân địch khiếp đảm. Nhân dân cùng với các chiến sĩ tự vệ phá đồn giặc, tiêu diệt ác ôn, đập tan bộ máy cai trị của Mĩ - Diệm ở các xã, ấp.

Từ cuộc nổi dậy ở Mỏ Cày, phong trào lan nhanh ra các huyện khác. Chỉ trong một tuần lễ, ở Bến Tre đã có 22 xã được giải phóng hoàn toàn, 29 xã khác đã tiêu diệt ác ôn, vây đồn, giải phóng nhiều ấp.

Ở nhiều nơi, chính quyền địch bị tê liệt, tan rã. Tại các thôn, xã mới được giải phóng, Uỷ ban nhân dân tự quản được thành lập, nhân dân lập toà án trừng trị bọn phản cách mạng, tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân nghèo. Nhân dân, chiến sĩ ta phấn khởi, vui mừng được sống những ngày thực sự làm chủ quê hương.

Phong trào "Đồng khởi" ở Bến Tre đã trở thành ngọn cờ tiên phong, đẩy mạnh cuộc đấu tranh của đồng bào miền Nam ở cả nông thôn và thành thị. Chỉ tính trong năm 1960, có hơn 10 triệu lượt người, bao gồm nông dân, công nhân, trí thức,... tham gia đấu tranh chống lại Mĩ - Diệm.
Từ đây, cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam không chỉ có hình thức đấu tranh chính trị mà còn kết hợp với đấu tranh vũ trang, đẩy quân Mĩ và quân đội Sài Gòn vào thế bị động lúng túng.

Nhân dân miền Nam nổi dậy phá thế kìm kẹp

- Quan sát hình trên, em có nhận xét gì về khí thế nổi dậy của đồng bào miền Nam ?

Cuối năm 1959 - đầu năm 1960, phong trào "Đồng khởi" nổ ra và thắng lợi ở nhiều vùng nông thôn miền Nam. Bến Tre là nơi tiêu biểu của phong trào "Đồng khởi".

Chú thích

- *Đồng khởi* : đồng loạt nổi dậy khởi nghĩa.
- *Ác ôn* : kẻ gây nhiều tội ác với nhân dân.
- *Mĩ - Diệm* : chỉ đế quốc Mĩ và chính quyền Sài Gòn do Ngô Đình Diệm đứng đầu.
- *Ấp* : một đơn vị hành chính tương đương với thôn, xóm ở miền Bắc.

CÂU HỎI

1. Phong trào "Đồng khởi" ở Bến Tre nổ ra trong hoàn cảnh nào ?
2. Thuật lại sự kiện ngày 17 - 1 - 1960 ở huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre.
3. Thắng lợi của phong trào "Đồng khởi" ở Bến Tre có tác động như thế nào đối với cách mạng miền Nam ?

BÀI 21

NHÀ MÁY HIỆN ĐẠI ĐẦU TIÊN CỦA NƯỚC TA

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơ-ne-vơ, miền Bắc nước ta bước vào thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội và trở thành hậu phương lớn cho cách mạng miền Nam. Để góp phần trang bị máy móc cho sản xuất ở miền Bắc, từng bước thay thế công cụ sản xuất thô sơ có năng suất lao động thấp, Đảng và Chính phủ quyết định xây dựng một nhà máy cơ khí hiện đại, làm nòng cốt cho ngành công nghiệp của nước ta. Đó là Nhà máy Cơ khí Hà Nội.

Tháng 12 - 1955, với sự giúp đỡ của Liên Xô, Nhà máy Cơ khí Hà Nội được khởi công xây dựng trên diện tích hơn 10 vạn mét vuông ở phía tây nam Thủ đô Hà Nội. Quy mô của nhà máy vào loại lớn nhất khu vực Đông Nam Á thời bấy giờ.

Sau gần 1000 ngày đêm lao động kiên trì, gian khổ, tháng 4 - 1958, lễ khánh thành nhà máy diễn ra trong niềm hân hoan phấn khởi của cán bộ Đảng, Nhà nước ta cùng với các chuyên gia Liên Xô và đặc biệt là của đồng bào Thủ đô. Nhà máy Cơ khí Hà Nội đồ sộ vươn cao trên vùng đất trước đây là một cánh đồng, có nhiều đồn bốt và hàng rào dây thép gai của thực dân xâm lược.

Hình 1. *Lễ khánh thành Nhà máy Cơ khí Hà Nội*

Từ nơi đây, những máy phay, máy tiện, máy khoan,... đã ra đời để phục vụ công cuộc lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Không ít sản phẩm của nhà máy đã có mặt cùng bộ đội trên chiến trường đánh Mĩ, tiêu biểu là tên lửa A12.

- Nêu một số sản phẩm do Nhà máy Cơ khí Hà Nội sản xuất.

Trong quá trình phấn đấu vươn lên, Nhà máy Cơ khí Hà Nội luôn đạt được những thành tích to lớn, góp phần quan trọng cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhà máy vinh dự được 9 lần đón Bác Hồ về thăm.

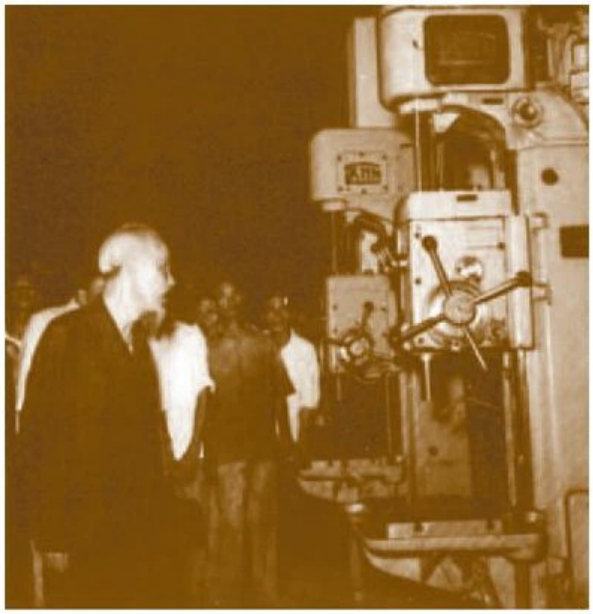

Hình 2. *Bác Hồ đang xem sản phẩm đầu tiên của nhà máy*

Năm 1958, Nhà máy Cơ khí Hà Nội ra đời, góp phần to lớn vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước.

Chú thích

- *Cơ khí* : ngành chế tạo và sửa chữa máy móc.
- *Liên Xô* : nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, đã giúp đỡ to lớn về khoa học - kĩ thuật cho Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Năm 1991, Liên Xô tan rã, phân chia thành nhiều nước, trong đó có Liên bang Nga.

CÂU HỎI

1. Nhà máy Cơ khí Hà Nội ra đời trong hoàn cảnh nào ?
2. Nhà máy Cơ khí Hà Nội đã có đóng góp gì vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước ?

BÀI 22

ĐƯỜNG TRƯỜNG SƠN

Trong kháng chiến chống Pháp, trên dãy núi Trường Sơn đã hình thành một đường dây giao liên Bắc - Nam. Để đáp ứng nhu cầu chi viện cho miền Nam, ngày 19 - 5 - 1959, Trung ương Đảng quyết định mở đường Trường Sơn. Đường Trường Sơn còn được gọi là đường Hồ Chí Minh.

Tính đến ngày đất nước thống nhất (30 - 4 - 1975), đường Trường Sơn đã tồn tại gần 6000 ngày đêm. Trong thời gian ấy, trên đường Trường Sơn từng diễn ra nhiều chiến công, thấm đượm biết bao mồ hôi, máu và nước mắt của bộ đội và thanh niên xung phong.

Anh Nguyễn Viết Sinh - một trong những anh hùng Trường Sơn năm xưa, người đã sáu năm gùi hàng trên chặng đường dài gần bằng một vòng Trái Đất - kể lại : "Cùng với đoàn xe ngày đêm nối đuôi nhau chở hàng hướng về phía nam là đoàn người gùi gạo và xăng trên lưng luồn lách qua rừng núi, dùng bè mảng vượt qua sông sâu. Có những dốc cao leo đến tức ngực. Nếu đi không khéo, chân người trước giẫm lên tóc người sau. Vậy mà người nào cũng gùi 40 - 50 kg. Để tránh sự rình rập và kiểm soát của địch, có những lúc vượt qua đường cái, đoàn người phải chui qua cống, hoặc trải ni lông trên mặt đường rồi vượt qua, không để lại dấu vết gì. Muốn trao đổi với nhau, mọi người phải nói thì thầm".

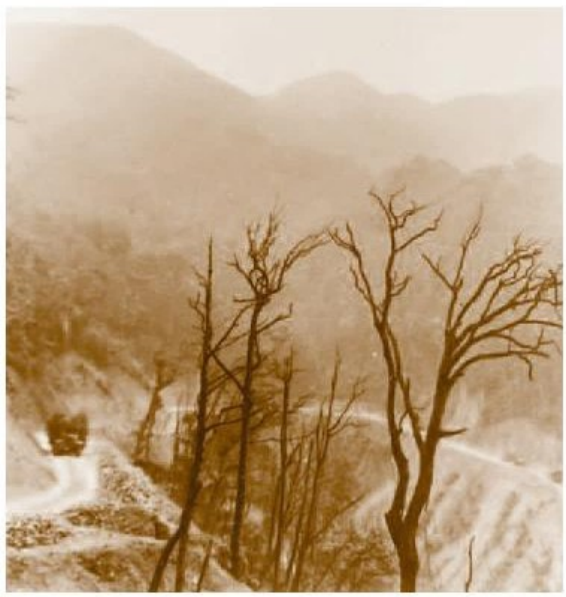

Hình 1. *Đường Trường Sơn trong kháng chiến chống Mĩ*

Ròng rã 16 năm, địch đã trút xuống đường Trường Sơn hơn 3 triệu tấn bom đạn và chất độc hoá học. Nhưng dưới mưa bom, bão đạn của quân thù, bất chấp những khó khăn, gian khổ ngoài sức chịu đựng của con người, đường Trường Sơn ngày càng được mở thêm và vươn dài về phía nam Tổ quốc. Trên các ngả đường Trường Sơn, miền Bắc chi viện cho miền Nam sức người, lương thực, vũ khí,... Cùng với cả nước, đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên đã không quản gian lao, hết lòng tiếp tế và vận chuyển hàng cho bộ đội.

Hình 2. *Đồng bào Tây Nguyên vận chuyển hàng tiếp tế cho quân giải phóng (xuân 1975)*

-Hình 2 gợi cho em suy nghĩ gì ?

Ngày nay, đường Trường Sơn đã được mở rộng, nối liền đất nước. Ai đã đến đây đều nhớ tới con đường nổi tiếng và những người đã quên mình vì con đường thống nhất đất nước.

Hình 3. *Một đoạn đường Trường Sơn được thông xe ngày 2 - 9 - 2003*

Ngày 19 - 5 - 1959, Trung ương Đảng quyết định mở đường Trường Sơn. Đây là con đường để miền Bắc chi viện sức người, vũ khí, lương thực,... cho chiến trường, góp phần to lớn vào sự nghiệp giải phóng miền Nam.

Chú thích

-*Đường giao liên* : đường giao thông liên lạc trong kháng chiến.
-*Gùi* : đồ đan bằng mây tre mà đồng bào miền núi dùng mang đồ trên lưng để đi bộ cho thuận tiện hơn.

CÂU HỎI

1. Ta mở đường Trường Sơn nhằm mục đích gì ?
2. Đường Trường Sơn có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của dân tộc ta ?

BÀI 23

SẤM SÉT ĐÊM GIAO THỪA

Đêm 30 Tết Mậu Thân 1968, khi mọi người đang chuẩn bị đón giao thừa thì ở các địa điểm bí mật trong thành phố Sài Gòn, các chiến sĩ quân giải phóng lặng lẽ xuất kích. Vào lúc lời Bác Hồ chúc Tết được truyền qua làn sóng Đài Tiếng nói Việt Nam thì tiếng súng của quân giải phóng cũng rền vang tại Sài Gòn và nhiều thành phố khác ở miền Nam. Sài Gòn là trọng điểm của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy ; quân ta đánh vào Sứ quán Mĩ, Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn, Đài phát thanh, sân bay Tân Sơn Nhất, Tổng nha Cảnh sát, Bộ tư lệnh Hải quân,... Cuộc tiến công quá bất ngờ, ngoài sức tưởng tượng của địch.

Trận đánh của quân giải phóng vào Sứ quán Mĩ đã làm cho những kẻ đứng đầu Nhà Trắng, Lầu Năm Góc và cả thế giới phải sửng sốt.

Thời khắc giao thừa vừa tới, một tiếng nổ rầm trời rung chuyển Sứ quán Mĩ, làm sập một mảng tường bảo vệ. Các chiến sĩ đặc công lập tức bắn chết 4 tên lính gác, lao vào chiếm giữ tầng dưới Sứ quán. Lính Mĩ bảo vệ Sứ quán

chống trả quyết liệt nhưng không đẩy lùi được cuộc tiến công của ta. Địch phải dùng máy bay lên thẳng chở thêm lính Mĩ đổ xuống nóc Sứ quán để phản kích. Bọn chỉ huy hoảng hốt, bí mật đưa Đại sứ Mĩ chạy khỏi Sứ quán bằng xe bọc thép. Cuộc chiến ở đây đã diễn ra suốt 6 giờ đồng hồ, khiến cho Sứ quán Mĩ bị tê liệt.

Quân giải phóng tiến công vào Sứ quán Mĩ ở Sài Gòn Tết Mậu Thân 1968

Cùng với cuộc tiến công vào Sài Gòn, quân giải phóng tiến công đồng loạt ở hầu khắp các thành phố, thị xã miền Nam như Cần Thơ, Nha Trang, Huế, Đà Nẵng,... làm cho hầu hết các cơ quan trung ương và địa phương của Mĩ và chính quyền Sài Gòn bị tê liệt, khiến chúng rất hoang mang lo sợ.

- Cùng với cuộc tiến công vào Sài Gòn, quân giải phóng đã tiến công những nơi nào ?

Sau đòn bất ngờ Tết Mậu Thân, Mĩ buộc phải thừa nhận thất bại một bước, chấp nhận đàm phán tại Pa-ri về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam. Nhân dân yêu chuộng hoà bình ở Mĩ cũng đấu tranh rầm rộ, đòi Chính phủ Mĩ phải rút quân khỏi Việt Nam trong thời gian ngắn nhất.

Tết Mậu Thân 1968, quân dân miền Nam đồng loạt tổng tiến công và nổi dậy ở khắp các thành phố, thị xã,... làm cho Mĩ và quân đội Sài Gòn thiệt hại nặng nề, hoang mang lo sợ.

Chú thích

- *Nhà Trắng* : nơi làm việc của Tổng thống và các quan chức cao cấp của Chính phủ Mĩ.
- *Lầu Năm Góc* : trụ sở Bộ Quốc phòng Mĩ.

CÂU HỎI

1. Hãy thuật lại cuộc tiến công vào Sứ quán Mĩ của quân giải phóng miền Nam trong dịp Tết Mậu Thân 1968.
2. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 có tác động như thế nào đối với nước Mĩ ?
3. Nêu ý nghĩa của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968.

BÀI 24

CHIẾN THẮNG "ĐIỆN BIÊN PHỦ TRÊN KHÔNG"

Trong sáu tháng đầu năm 1972, quân dân ta giành được nhiều thắng lợi quan trọng trên chiến trường miền Nam. Đế quốc Mĩ buộc phải thoả thuận sẽ kí kết Hiệp định Pa-ri vào tháng 10 - 1972 để chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam. Nhưng gần đến ngày kí, Tổng thống Mĩ Ních-xơn đã lật lọng, ra lệnh sử dụng máy bay tối tân nhất lúc bấy giờ ("pháo đài bay" B52) ném bom hòng huỷ diệt Hà Nội và các thành phố lớn ở miền Bắc Việt Nam.

Khoảng 20 giờ ngày 18 - 12 - 1972, Mĩ huy động hàng chục tốp máy bay B52 và các loại máy bay khác ồ ạt ném bom Hà Nội, mở đầu 12 ngày đêm ném bom huỷ diệt. Trong 12 ngày đêm đó, máy bay Mĩ đã đánh phá Hà Nội và các vùng phụ cận. Chúng ném bom cả vào bệnh viện, trường học, khu phố, bến xe,... làm cho hàng nghìn người dân chết và bị thương.

- Em suy nghĩ gì về việc máy bay Mĩ ném bom huỷ diệt trường học, bệnh viện ?

Đêm 20 rạng sáng 21-12, quân dân Hà Nội đã bắn rơi 7 chiếc B52, có 5 chiếc rơi tại chỗ, bắt sống 12 phi công Mĩ.

Ngày 26-12, địch tập trung số lượng máy bay B52 lớn nhất (105 lần chiếc) hòng huỷ diệt Hà Nội. Hơn 100 địa điểm ở Hà Nội bị trúng bom. Riêng ở phố Khâm Thiên, bom Mĩ đã sát hại 300 người, phá huỷ 2000 ngôi nhà. Quân dân ta đã kiên cường đánh trả, bắn rơi 18 máy bay Mĩ, trong đó có 8 máy bay B52, 5 chiếc bị bắn rơi tại chỗ, bắt sống nhiều phi công Mĩ.

Những ngày đêm tiếp theo, máy bay Mĩ vẫn không thoát khỏi sự trừng trị của quân dân ta. Đêm 29-12, Hà Nội đánh thắng trận cuối cùng, tiêu diệt thêm 1 chiếc B52.

Hình 1. *Một góc phố Khâm Thiên (Hà Nội) bị máy bay B52 tàn phá cuối tháng 12 - 1972*

khuất phục được nhân dân ta băng bom đạn, Ních-xơn tuyên bố ngừng ném bom bắn phá miền Bắc.

Cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mĩ đã bị đập tan ; 81 máy bay hiện đại của Mĩ, trong đó có 34 máy bay B52 bị bắn rơi, nhiều chiếc rơi trên bầu trời Hà Nội. Mười hai ngày đêm chiến đấu và chiến thắng cuối năm 1972 là một chiến dịch phòng không oanh liệt nhất trong cuộc chiến đấu bảo vệ miền Bắc. Đây cũng là thất bại nặng nề nhất trong lịch sử không quân Mĩ. Do tầm vóc vĩ đại của chiến thắng oanh liệt này, quân dân ta và dư luận thế giới đã gọi đây là trận "Điện Biên Phủ trên không".

Hình 2. *Máy bay Mĩ bị bắn rơi ở ngoại thành Hà Nội*

- Tại sao gọi chiến thắng 12 ngày đêm cuối năm 1972 ở Hà Nội và các thành phố khác ở miền Bắc là chiến thắng "Điện Biên Phủ trên không"?

Trong 12 ngày đêm cuối năm 1972, đế quốc Mĩ dùng máy bay B52 ném bom hòng huỷ diệt Hà Nội và các thành phố lớn ở miền Bắc, âm mưu khuất phục nhân dân ta. Song, quân dân ta đã lập nên chiến thắng oanh liệt "Điện Biên Phủ trên không".

Chú thích

Máy bay B52 : loại máy bay ném bom hiện đại nhất thời ấy, có thể bay cao 16 km nên pháo cao xạ không bắn được, mang khoảng 100 - 200 quả bom (gấp 40 lần các loại máy bay khác). Máy bay này còn được gọi là "pháo đài bay".

CÂU HỎI

1. Tại sao Mĩ ném bom hòng huỷ diệt Hà Nội ?
2. Tại sao ngày 30 - 12 -1972, Tổng thống Mĩ buộc phải tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc ?

BÀI 25

LỄ KÍ HIỆP ĐỊNH PA-RI

Sau những đòn bất ngờ, choáng váng trong Tết Mậu Thân 1968, Mĩ buộc phải thương lượng với hai đoàn đại biểu của ta. Nhưng với dã tâm tiếp tục xâm lược nước ta, Mĩ tìm cách trì hoãn, không chịu kí hiệp định. Cuộc đàm phán về việc chấm dứt chiến tranh Việt Nam kéo dài nhiều năm. Chỉ sau những thất bại nặng nề ở cả hai miền Nam - Bắc trong năm 1972, Mĩ mới buộc phải kí Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.

Ngay từ sáng sớm 27 - 1 - 1973, cờ đỏ sao vàng và cờ nửa đỏ, nửa xanh, giữa có ngôi sao vàng được treo đầy đường phố Clê-be (Pa-ri). Nhiều nơi xuất hiện khẩu hiệu ủng hộ nhân dân Việt Nam.

Toà nhà Trung tâm các hội nghị quốc tế ở phố Clê-be được trang hoàng lộng lẫy. Đội cảnh vệ quốc gia Pháp đội mũ đồng bóng loáng, gươm tuốt trần đứng nghiêm.

Tại phòng họp lớn của toà nhà, dưới ánh sáng của những chùm đèn pha lê, trước sự chứng kiến của các nhà ngoại giao và nhiều phóng viên quốc tế, đại diện các phái đoàn tham gia đàm phán kí vào các văn bản của Hiệp định.

Bộ trưởng Nguyễn Duy Trinh và Bộ trưởng Nguyễn Thị Bình đại diện cho phía cách mạng Việt Nam đặt bút kí vào văn bản Hiệp định. Lúc ấy là 11 giờ (giờ Pa-ri), đó là một trong những giờ phút lịch sử thiêng liêng của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước sau 18 năm, với biết bao gian khổ hi sinh của dân tộc.

Hiệp định Pa-ri quy định : Mĩ phải tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam ; phải rút toàn bộ quân Mĩ và quân đồng minh ra khỏi Việt Nam ; phải chấm dứt dính líu quân sự ở Việt Nam ; phải có trách nhiệm trong việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam.

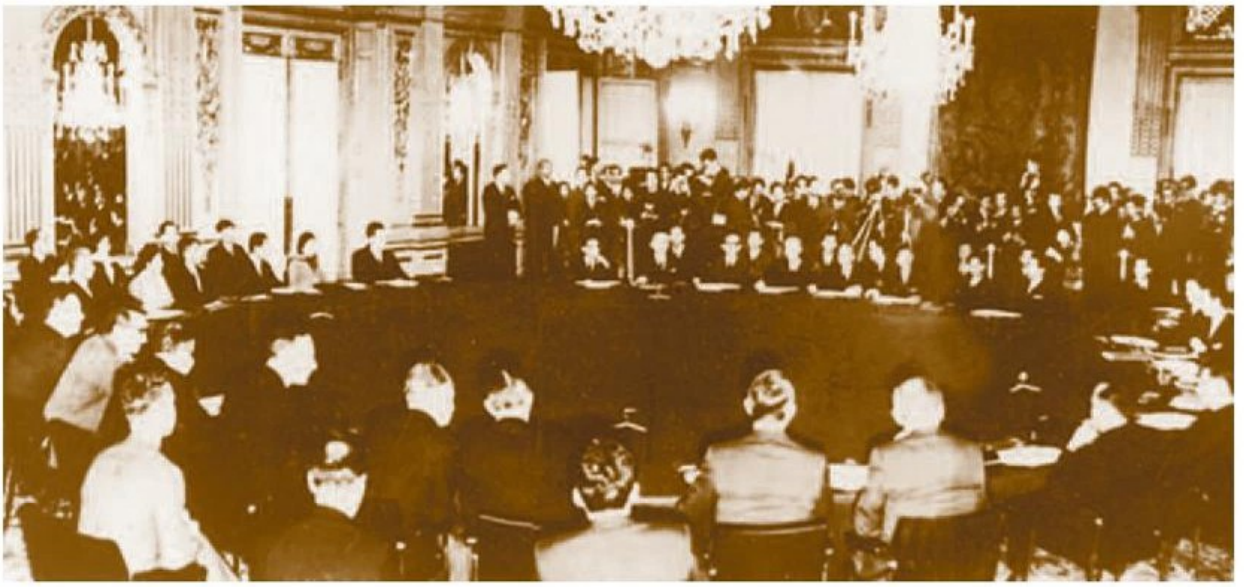

Lễ kí chính thức Hiệp định Pa-ri về Việt Nam (27 - 1 - 1973)

Hiệp định Pa-ri đánh dấu bước phát triển mới của cách mạng Việt Nam. Đế quốc Mĩ buộc phải rút quân khỏi nước ta, lực lượng cách mạng miền Nam chắc chắn mạnh hơn hẳn kẻ thù. Đó là thuận lợi rất lớn để nhân dân ta tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh, tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Ngày 27 - 1 - 1973, tại Pa-ri đã diễn ra lễ kí Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam. Đế quốc Mĩ buộc phải rút quân khỏi Việt Nam.

Chú thích

- *Pa-ri* : thủ đô nước Pháp.
- *Cờ nửa đỏ, nửa xanh giữa có ngôi sao vàng* : cờ của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam trong thời kì chống Mĩ, cứu nước.

CÂU HỎI

1. Hiệp định Pa-ri về Việt Nam được kí kết vào thời gian nào, trong khung cảnh ra sao ?
2. Hãy nêu những điểm cơ bản của Hiệp định Pa-ri về Việt Nam.
3. Hiệp định Pa-ri về Việt Nam có ý nghĩa lịch sử như thế nào ?

BÀI 26

TIẾN VÀO DINH ĐỘC LẬP

Sau hơn một tháng Tổng tiến công và nổi dậy, quân dân ta đã giải phóng toàn bộ Tây Nguyên và dải đất miền Trung. Ngày 26 - 4 - 1975, Chiến dịch mang tên Hồ Chí Minh bắt đầu. Tất cả năm cánh quân của ta đồng loạt nổ súng, ồ ạt tiến đánh vào các vị trí quan trọng của quân đội và chính quyền Sài Gòn trong thành phố.

Tại mũi tiến công từ phía đông, dẫn đầu đội hình là lữ đoàn xe tăng 203. Bộ chỉ huy chiến dịch giao nhiệm vụ cho lữ đoàn phối hợp với các đơn vị bạn cắm lá cờ cách mạng lên nóc Dinh Độc Lập.

Chiếc xe tăng 843 của đồng chí Bùi Quang Thận đi đầu, tiếp theo là xe tăng 390 do đồng chí Vũ Đăng Toàn chỉ huy. Đến trước Dinh Độc Lập, xe tăng 843 lao vào cổng phụ và bị kẹt lại. Xe tăng 390 lập tức húc đổ cổng chính tiến thẳng vào. Đồng chí Bùi Quang Thận giương cao cờ cách mạng, nhảy khỏi xe tăng, lao lên bậc thềm của toà nhà. Tiếp theo, các xe tăng khác tiến vào sân Dinh. Chỉ huy lữ đoàn ra lệnh cho bộ đội không được bắn,

tất cả ở trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. Nhiều tốp chiến sĩ nhanh chóng toả lên các tầng...

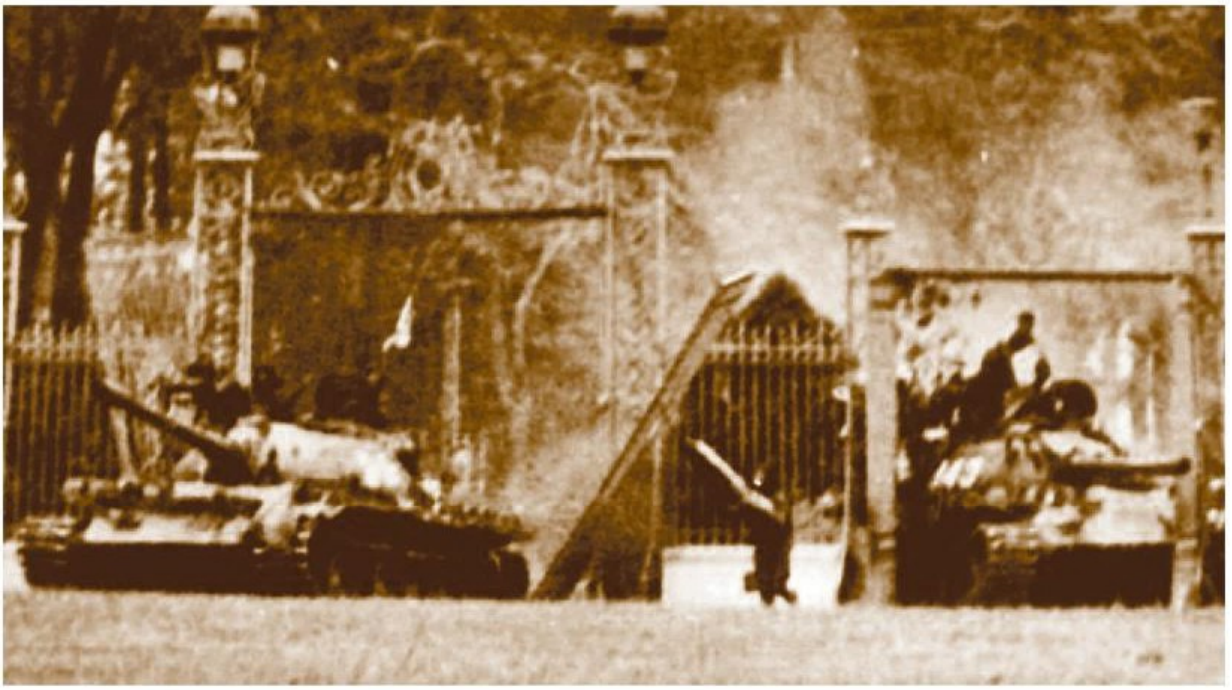

Xe tăng tiến vào Dinh Độc Lập (ảnh của bà Phơ-răng-xoa đờ Muyn-đơ)

-Sự kiện quân ta tiến vào Dinh Độc Lập thể hiện điều gì ?

Cửa ra vào phòng họp lớn ở tầng 2 đã mở sẵn. Dương Văn Minh mới nhận chức Tổng thống chính quyền Sài Gòn được hai ngày, đang ngồi ủ rũ cùng với khoảng 50 thành viên Chính phủ và viên chức cao cấp. Thấy quân giải phóng ập vào, họ đứng dậy. Dương Văn Minh nói : "Chúng tôi sốt ruột chờ các ông từ sáng để làm nghi thức bàn giao". Một sĩ quan cách mạng dõng dạc trả lời : "Các ông đã thất bại. Toàn bộ nguỵ quyền đã sụp đổ hoàn toàn. Người ta không thể bàn giao cái mà người ta không có. Các ông phải đầu hàng ngay !".

Dương Văn Minh ra lệnh cho toàn bộ quân đội và chính quyền Sài Gòn đầu hàng không điều kiện.

-Tại sao Dương Văn Minh buộc phải ra lệnh đầu hàng không điều kiện ?

Trong khi đó, trên Dinh Độc Lập, lá cờ cách mạng kiêu hãnh tung bay. Các chiến sĩ xe tăng, bộ binh của ta cùng nhân dân vô cùng sung sướng reo hò mừng giờ phút lịch sử. Lúc ấy là 11 giờ 30 phút ngày 30 - 4 - 1975.

Ngày 30 - 4 - 1975, quân ta giải phóng Sài Gòn, kết thúc Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Đất nước được thống nhất và độc lập.

Chú thích

-*Dinh Độc Lập* : trụ sở làm việc của Tổng thống chính quyền Sài Gòn trước ngày 30 - 4 - 1975, nay gọi là Dinh Thống Nhất.

-*Lữ đoàn* : đơn vị tổ chức của lực lượng vũ trang.

CÂU HỎI

1. Hãy kể lại sự kiện xe tăng của ta tiến vào Dinh Độc Lập.
2. Thái độ của Dương Văn Minh và các thành viên chính quyền Sài Gòn như thế nào khi quân giải phóng đánh chiếm Dinh Độc Lập ?
3. Tại sao nói : Ngày 30 - 4 - 1975 là mốc quan trọng trong lịch sử dân tộc ta ?

XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG CẢ NƯỚC
(từ 1975 đến nay)

Từ năm 1975, sau khi đất nước được thống nhất, nhân dân cả nước bắt tay vào hàn gắn vết thương chiến tranh và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

BÀI 27

HOÀN THÀNH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC

Sau ngày 30 - 4 - 1975, nước ta đã hoàn toàn độc lập, non sông thu về một mối. Nhiệm vụ đặt ra lúc này là phải có Nhà nước chung để lãnh đạo nhân dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Muốn vậy, phải có Quốc hội chung do nhân dân hai miền Nam - Bắc bầu ra.

Ngày 25 - 4 - 1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tổ chức trong cả nước.

Thành phố Hà Nội tràn ngập cờ và hoa. Nhân dân phấn khởi thực hiện quyền công dân của mình.

Tại khu phố Ba Đình, đồng chí Lê Duẩn - Bí thư thứ nhất của Đảng bỏ lá phiếu đầu tiên. Ra khỏi phòng bỏ phiếu, đồng chí dừng lại, niềm nở thăm hỏi các cử tri, vui vẻ nói với mọi người : "Hôm nay là ngày vui nhất của nhân dân ta, ngày vui nhất của nước Việt Nam độc lập, cũng là ngày vui của các nước anh em bầu bạn trên thế giới".

-Tại sao ngày 25 - 4 - 1976 là ngày vui nhất của nhân dân ta ?

Thành phố Sài Gòn tràn ngập không khí ngày hội non sông. Khắp nơi đầy cờ, hoa, biểu ngữ. Các cụ già tuy tuổi cao sức yếu nhưng vẫn cùng con cháu đến tận trụ sở bầu cử. Các cụ muốn tự tay bỏ lá phiếu của mình. Vui sướng nhất là lớp thanh niên vừa tròn 18 tuổi, lần đầu tiên đi bỏ phiếu lại được vinh dự cầm lá phiếu bầu Quốc hội thống nhất.

Không chỉ ở Hà Nội, Sài Gòn mà ở tất cả các thành phố và vùng nông thôn

trên đất nước Việt Nam đều tràn đầy niềm phấn khởi. Đến chiều 25 - 4, cuộc bầu cử kết thúc tốt đẹp, cả nước có 98,8% tổng số cử tri đi bầu cử.

Hình 1. *Nhân dân Tây Nguyên bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội nước Việt Nam thống nhất (khoá VI)*

Hình 2. *Quang cảnh khai mạc kì họp thứ I, khoá VI, Quốc hội nước Việt Nam thống nhất*

Cuối tháng 6 - đầu tháng 7 - 1976, Quốc hội của nước Việt Nam thống nhất (khoá VI) họp tại Hà Nội.

Quốc hội quyết định : lấy tên nước là Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ; quyết định Quốc huy ; Quốc kì là lá cờ đỏ sao vàng ; Quốc ca là bài

Tiến quân ca ; Thủ đô là Hà Nội ; thành phố Sài Gòn - Gia Định đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 25 - 4 - 1976, nhân dân ta vui mừng, phấn khởi đi bầu cử Quốc hội chung cho cả nước. Kể từ đây, nước ta có Nhà nước thống nhất.

CÂU HỎI

1. Hãy thuật lại sự kiện lịch sử diễn ra vào ngày 25 - 4 - 1976 ở nước ta.
2. Quốc hội khoá VI đã có những quyết định trọng đại gì ?

BÀI 28

XÂY DỰNG NHÀ MÁY THUỶ ĐIỆN HOÀ BÌNH

Kháng chiến chống Mĩ cứu nước thắng lợi, nhân dân ta tiến hành xây dựng đất nước "đàng hoàng hơn, to đẹp hơn" theo lời Bác Hồ dạy. Công cuộc xây dựng đất nước đã đạt nhiều thành tựu quan trọng. Trong đó, đặc biệt là sự ra đời của Nhà máy Thuỷ điện Hoà Bình.

Ngày 6 - 11 - 1979, Nhà máy Thuỷ điện Hoà Bình chính thức được khởi công xây dựng. Trên công trường vĩ đại này, ngày đêm có hơn 3 vạn người và hàng nghìn xe cơ giới làm việc hối hả. Trong những điều kiện khó khăn, thiếu thốn, nhưng cán bộ và công nhân làm việc ở đây đã vượt lên tất cả. Cả nước hướng về Hoà Bình, sẵn sàng chi viện người và của. Từ các nước Cộng hoà của Liên Xô, gần một nghìn kĩ sư, công nhân bậc cao đã tình nguyện sang giúp đỡ Việt Nam.

- Quan sát hình 1, em có nhận xét gì ?

Ngày 30 - 12 - 1988, tổ máy đầu tiên của Nhà máy Thuỷ điện Hoà Bình bắt đầu phát điện. Ngày 4 - 4 - 1994, tổ máy số 8, tổ máy cuối cùng đã hoà điện vào lưới điện quốc gia.

Nhà máy Thuỷ điện Hoà Bình là thành quả 15 năm lao động gian khổ, sáng tạo của cán bộ, công nhân hai nước Việt Nam, Liên Xô. Những chiến sĩ trên

công trường xây dựng vĩ đại đó đã cống hiến sức lực và tài năng cho đất nước. Vì dòng điện ngày mai, 168 người, trong đó có 11 công dân Liên Xô, đã hi sinh tính mạng.

- Em nghĩ gì về những số liệu nói trên ?

Hình 1. *Niềm vui do vượt mức kế hoạch của công nhân xây dựng Nhà máy Thuỷ điện Hoà Bình*

Hình 2. *Đập ngăn nước của Nhà máy Thuỷ điện Hoà Bình*

Nhà máy Thuỷ điện Hoà Bình là một trong những công trình thuỷ điện lớn bậc nhất ở châu Á. Nhờ đập ngăn lũ Hoà Bình, đồng bằng Bắc Bộ thoát khỏi những trận lũ lụt khủng khiếp. Từ Hoà Bình, dòng điện đã về tới mọi miền Tổ quốc.

Nhà máy Thuỷ điện Hoà Bình là kết quả 15 năm lao động sáng tạo đầy gian khổ, hi sinh của hàng nghìn cán bộ, công nhân Việt Nam và Liên Xô, là thành tựu to lớn của nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng đất nước.

Chú thích

Nhà máy thuỷ điện : nhà máy sản xuất điện nhờ dùng sức nước làm quay máy phát điện.

CÂU HỎI

1. Để xây dựng Nhà máy Thuỷ điện Hoà Bình, cán bộ, công nhân Việt Nam và Liên Xô đã phải lao động ra sao ?
2. Nêu vai trò của Nhà máy Thuỷ điện Hoà Bình đối với công cuộc xây dựng đất nước.
3. Em biết thêm được những nhà máy thuỷ điện nào đã và đang được xây dựng ở nước ta ?

BÀI 29

ÔN TẬP : LỊCH SỬ NƯỚC TA TỪ GIỮA THẾ KỈ XIX ĐẾN NAY

Các em đã tìm hiểu một số sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử nước ta từ khi thực dân Pháp xâm lược (1858) đến nay.
Qua đó, các em cần chú ý đến các nội dung lịch sử sau :

1. Ngay từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, nhân dân ta đã kiên quyết đứng lên chống giặc. Cuối thế kỉ XIX, sau sự thất bại của hàng loạt cuộc khởi nghĩa, nước ta bị thực dân Pháp đô hộ.

2. Vào đầu thế kỉ XX, với lòng yêu nước, thương dân sâu sắc, người thanh niên Nguyễn Tất Thành (sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh) quyết định rời Tổ quốc đi tìm đường cứu nước.
Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã lãnh đạo nhân dân ta vừa đấu tranh, vừa xây dựng lực lượng. Đến mùa thu năm 1945, khi có thời cơ, cả nước đồng loạt đứng lên khởi nghĩa, giành lại độc lập, tự do cho dân tộc.
Ngày 2 - 9 - 1945, tại Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố nước Việt Nam từ nay hoàn toàn độc lập.

3. Từ cuối năm 1945, thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta. Cả dân tộc lại phải tiến hành kháng chiến giữ nước. Sau chín năm kháng chiến chống Pháp, nhân dân ta đã làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ lẫy lừng, kết thúc chiến tranh, lập lại hoà bình ở miền Bắc.

4. Từ cuối năm 1954, đế quốc Mĩ từng bước thay chân thực dân Pháp xâm lược miền Nam, âm mưu chia cắt lâu dài nước ta. Miền Nam một lần nữa phải đứng lên kháng chiến. Miền Bắc vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa chống trả cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ, đồng thời chi viện cho miền Nam đánh giặc.
Năm 1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. Đất nước được thống nhất.

5. Sau ngày thống nhất, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân ta đã vượt qua muôn vàn khó khăn để xây dựng lại đất nước, từng bước vươn lên sánh vai với các quốc gia khác trên thế giới.

BÀI TẬP

1. Lập bảng thống kê các sự kiện tiêu biểu của lịch sử nước ta từ năm 1858 đến nay. Từ đó, em hãy chọn 5 sự kiện tiêu biểu nhất và giải thích tại sao lại chọn 5 sự kiện đó.

2. Thông qua các bài Lịch sử ở lớp 4, lớp 5, cho biết vì sao nhân dân ta giành thắng lợi trong công cuộc giữ nước và dựng nước ?

3. Viết một đoạn văn nói lên cảm nghĩ của em về công lao của Bác Hồ đối với lịch sử dân tộc.

PHẦN ĐỊA LÍ

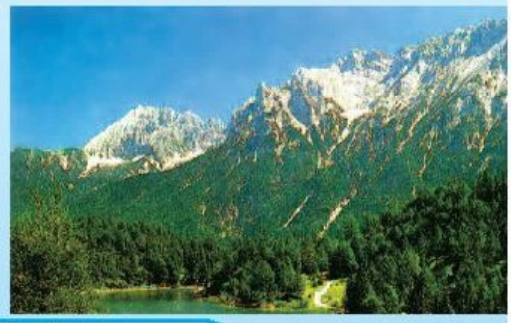

BẮC BĂNG DƯƠNG
Vòng cực Bắc
CHÂU ÂU
CHÂU
ĐẠI
CHÂU Á
THÁI
Chí tuyến Bắc
THÁI
BÌNH
CHÂU PHI
Xích đạo
TÂY
DƯƠNG
ẤN ĐỘ
BÌNH
MĨ
CHÂU
Chí tuyến Nam
DƯƠNG
DƯƠNG
ĐẠI DƯƠNG
DƯƠNG
CHÚ GIẢI
Ranh giới châu lục
Vòng cực Nam
CHÂU NAM CỰC

ĐỊA LÍ VIỆT NAM

BÀI 1

VIỆT NAM - ĐẤT NƯỚC CHÚNG TA

1. Vị trí địa lí và giới hạn

Việt Nam nằm trên bán đảo Đông Dương (1), thuộc khu vực Đông Nam Á. Đất nước ta vừa có đất liền vừa có biển, đảo và quần đảo.

-Quan sát hình 1, hãy :

+ Chỉ phần đất liền của nước ta trên lược đồ.

+ Nêu tên những nước giáp phần đất liền của nước ta.

+ Cho biết biển bao bọc phía nào phần đất liền của nước ta. Tên biển là gì ?

+ Kể tên một số đảo và quần đảo của nước ta.

(1) *Bán đảo Đông Dương gồm 3 nước* : Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia.

Hình 1. *Lược đồ Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á*

Nước ta là một bộ phận của châu Á, có vùng biển thông với đại dương. Vị trí địa lí đó thuận lợi cho việc giao lưu với nhiều nước trên thế giới bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không.

2. Hình dạng và diện tích

Phần đất liền của nước ta hẹp ngang, chạy dài theo chiều Bắc - Nam, với đường bờ biển cong như hình chữ S. Diện tích lãnh thổ nước ta vào khoảng 330 000 km^2 và vùng biển có diện tích rộng hơn phần đất liền nhiều lần.

- Quan sát hình 2, hãy cho biết :

+ Từ Bắc vào Nam, phần đất liền nước ta dài bao nhiêu ki-lô-mét ?

+ Nơi hẹp nhất là bao nhiêu ki-lô-mét ?

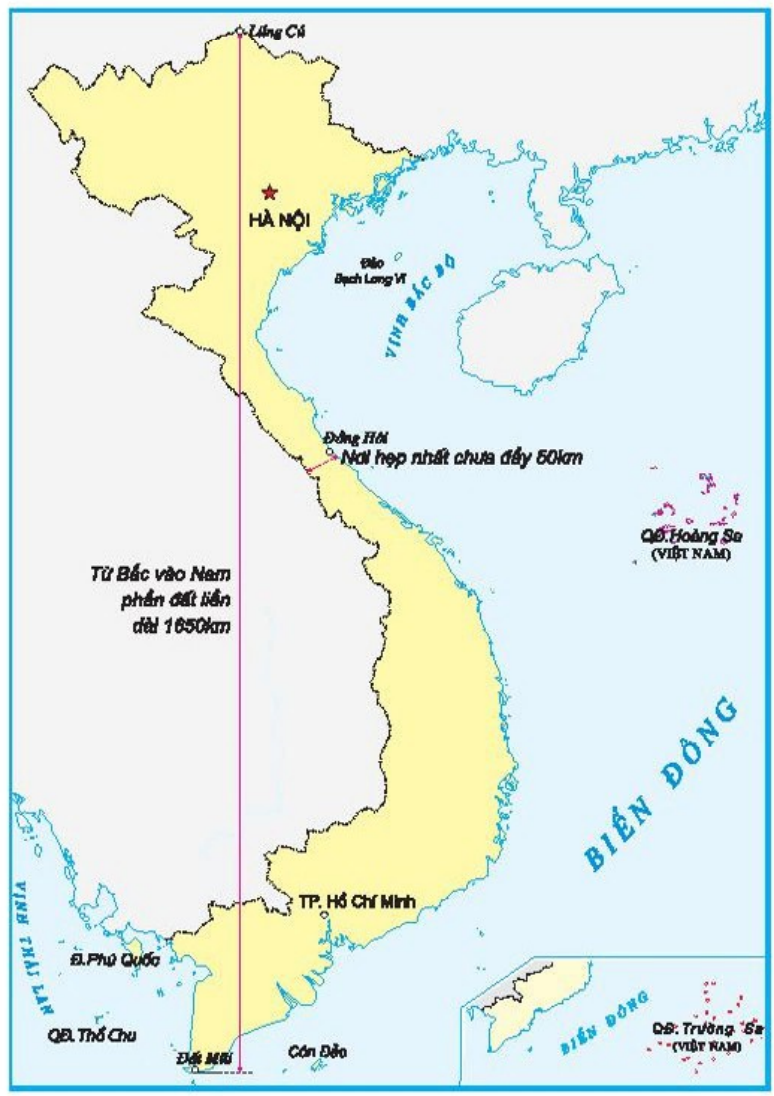

Hình 2. *Lược đồ Việt Nam*

Tên nước	Diện tích (nghìn km^2)
Trung Quốc	9597
Nhật Bản	378
Việt Nam	330
Lào	237
Cam-pu-chia	181

Bảng số liệu về diện tích của một số nước châu Á

-Dựa vào bảng số liệu, hãy cho biết những nước có diện tích lớn hơn và nhỏ hơn nước ta.

Nước ta nằm trên bán đảo Đông Dương, thuộc khu vực Đông Nam Á. Đất nước ta gồm phần đất liền có đường bờ biển giống hình chữ S và vùng biển rộng lớn thuộc Biển Đông với nhiều đảo và quần đảo.

CÂU HỎI

1. Chỉ vị trí của nước ta trên hình 1 và trên quả Địa cầu.
2. Phần đất liền của nước ta giáp với những nước nào ? Diện tích lãnh thổ là bao nhiêu ki-lô-mét vuông ?
3. Chỉ và nêu tên một số đảo, quần đảo của nước ta trên bản đồ Việt Nam.

BÀI 2

ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN

1. Địa hình

- *Dựa vào hình 1, hãy :*

+ *Chỉ vùng đồi núi và đồng bằng trên hình 1.*
+ *So sánh diện tích của vùng đồi núi với đồng bằng nước ta.*

Hình 1. *Lược đồ địa hình Việt Nam*

Phần đất liền của nước ta với $\frac{3}{4}$ diện tích là đồi núi và chủ yếu là đồi núi thấp, chỉ có $\frac{1}{4}$ diện tích là đồng bằng.

Đồi núi nước ta trải rộng khắp các tỉnh biên giới phía Bắc và chạy dài từ Bắc vào Nam. Các dãy núi phần lớn có hướng tây bắc - đông nam và một số có hình cánh cung.

-Quan sát hình 1, hãy :

+ Kể tên các dãy núi ở nước ta.

+ Cho biết những dãy núi nào có hướng tây bắc - đông nam ? Những dãy núi nào có hình cánh cung ?

Đồng bằng nước ta phần lớn là đồng bằng châu thổ do phù sa của sông ngòi bồi đắp, có địa hình thấp và tương đối bằng phẳng. Đó là những nơi trồng lúa rất tốt và thường tập trung dân cư đông đúc.

-Chỉ trên hình 1 : đồng bằng Bắc Bộ, đồng bằng Nam Bộ và dải đồng bằng duyên hải miền Trung.

2. Khoáng sản

-Quan sát hình 2, hãy :

+ Kể tên một số loại khoáng sản ở nước ta.

+ Chỉ những nơi có mỏ than, sắt, a-pa-tít, bô-xít, dầu mỏ.

Nước ta có nhiều loại khoáng sản như than, dầu mỏ, khí tự nhiên, bô-xít, sắt, a-pa-tít, thiếc,... Than có nhiều ở nước ta, tập trung ở

Hình 2. *Lược đồ một số khoáng sản Việt Nam*

tỉnh Quảng Ninh và thuộc loại than tốt trên thế giới.

Khoáng sản được dùng làm nguyên liệu cho nhiều ngành công nghiệp. Chúng ta cần khai thác khoáng sản một cách hợp lí, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả.

Hình 3. *Khai thác than*

Trên phần đất liền của nước ta, $\frac{3}{4}$ diện tích là đồi núi và $\frac{1}{4}$ diện tích là đồng bằng. Nước ta có nhiều loại khoáng sản như than ở Quảng Ninh, a-pa-tít ở Lào Cai, sắt ở Hà Tĩnh, bô-xít ở Tây Nguyên, dầu mỏ và khí tự nhiên ở Biển Đông,...

CÂU HỎI

1. Trình bày đặc điểm chính của địa hình nước ta.
2. Nêu tên và chỉ một số dãy núi và đồng bằng trên Bản đồ Tự nhiên Việt Nam.
3. Kể tên một số loại khoáng sản của nước ta và cho biết chúng có ở đâu ?

BÀI 3

KHÍ HẬU

1. Nước ta có khí hậu nhiệt đới gió mùa

-Chỉ vị trí của Việt Nam trên quả Địa cầu và cho biết nước ta nằm ở đới khí hậu nào ? Ở đới khí hậu đó, nước ta có khí hậu nóng hay lạnh ?

Khí hậu nước ta nói chung là nóng, trừ những vùng núi cao thường mát mẻ quanh năm. Gió và mưa ở nước ta thay đổi theo mùa. Trong một năm có hai mùa gió chính : một mùa có gió đông bắc, còn mùa kia là gió tây nam hoặc đông nam.

-Chỉ trên hình 1 hướng gió tháng 1 và hướng gió tháng 7.

2. Khí hậu giữa các miền có sự khác nhau

Khí hậu nước ta có sự khác biệt giữa miền Bắc và miền Nam, với ranh giới là dãy núi Bạch Mã.

Ở miền Bắc, ứng với hai mùa gió là mùa hạ và mùa đông. Mùa hạ trời nóng và có nhiều mưa. Mùa đông lạnh và ít mưa. Giữa hai mùa là những thời kì chuyển tiếp, quen gọi là mùa xuân và mùa thu. Mùa xuân có mưa phùn ẩm ướt ; mùa thu trời se lạnh, khô hanh.

Ở miền Nam khí hậu nóng quanh năm, chỉ có mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa thường có mưa rào. Mùa khô hầu như không mưa, ban ngày nắng chói chang, ban đêm dịu mát hơn.

-Chỉ trên hình 1 miền khí hậu có mùa đông lạnh và miền khí hậu nóng quanh năm.

-Dựa vào bảng số liệu, hãy nhận xét về sự chênh lệch nhiệt độ trung bình giữa tháng 1 và tháng 7 của Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình (°C)	
	Tháng 1	Tháng 7
Hà Nội	16	29
TP. Hồ Chí Minh	26	27

Bảng số liệu về nhiệt độ của Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh

3. Ảnh hưởng của khí hậu

Khí hậu nước ta nóng và mưa nhiều nên cây cối dễ phát triển. Tuy vậy, hằng năm thường hay có bão, có năm mưa lớn gây lũ lụt, có năm lại xảy ra hạn hán làm ảnh hưởng đến đời sống và hoạt động sản xuất của con người.

-Lũ lụt, hạn hán gây ra những thiệt hại gì cho đời sống và sản xuất ?

Hình 1. *Lược đồ khí hậu*

Hình 2. *Cảnh ruộng hạn hán*

Hình 3. *Cảnh lũ lụt*

và mưa thay đổi theo mùa.

Khí hậu ở nước ta có sự khác biệt giữa miền Bắc và miền Nam. Miền Bắc có mùa đông lạnh, mưa phùn ; miền Nam nóng quanh năm với mùa mưa và mùa khô rõ rệt.

CÂU HỎI

1. Hãy nêu đặc điểm của khí hậu nhiệt đới gió mùa ở nước ta.
2. Khí hậu miền Bắc và miền Nam khác nhau như thế nào ?
3. Khí hậu có ảnh hưởng gì tới đời sống và hoạt động sản xuất.

BÀI 4

SÔNG NGÒI

1. Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc

Nước ta có hàng nghìn con sông lớn nhỏ, phân bố rộng khắp trên cả nước. Các sông lớn ở miền Bắc là sông Hồng, sông Đà, sông Thái Bình,... ở miền Nam là sông Tiền, sông Hậu, sông Đồng Nai,... Sông ở miền Trung thường nhỏ, ngắn, dốc ; lớn hơn cả là sông Mã, sông Cả và sông Đà Rằng.

-Chỉ trên hình 1 các con sông đã được nêu tên trong bài.

-Vì sao sông ở miền Trung ngắn và dốc ?

Hình 1. *Lược đồ sông ngòi*

2. Sông ngòi nước ta có lượng nước thay đổi theo mùa và có nhiều phù sa

Vào mùa mưa, nước sông dâng lên nhanh chóng, có khi tràn ngập cả hai bờ, gây lũ lụt. Vào mùa khô, nước sông hạ thấp, lòng sông trơ ra những bãi cát

hoặc sỏi đá. Về mùa lũ, nước sông thường rất đục vì chứa nhiều phù sa.

-Nước sông lên xuống theo mùa có những ảnh hưởng gì tới đời sống và sản xuất của nhân dân ta ?

3. Vai trò của sông ngòi

Sông ngòi bồi đắp nên nhiều đồng bằng, cung cấp nước cho sản xuất và đời sống của nhân dân. Sông ngòi còn là đường giao thông quan trọng, nguồn thuỷ điện lớn và cho ta nhiều thuỷ sản,...

-Đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng Nam Bộ do những sông nào bồi đắp ?

-Chỉ trên hình 1 vị trí của các nhà máy thuỷ điện Hoà Bình, Y-a-ly và Trị An.

Hình 2. *Sông mùa lũ*

Hình 3. *Sông mùa cạn*

Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc, nhưng ít sông lớn. Sông của nước ta có lượng nước thay đổi theo mùa và có nhiều phù sa. Sông ngòi có vai trò quan trọng đối với sản xuất và đời sống của nhân dân.

CÂU HỎI

1. Nêu tên và chỉ trên bản đồ một số sông ở nước ta.
2. Sông ngòi nước ta có đặc điểm gì ?
3. Quan sát một con sông ở địa phương em (nếu có), nhận xét nước con sông đó sạch hay bẩn và cho biết tại sao như vậy.

BÀI 5

VÙNG BIỂN NƯỚC TA

1. Vùng biển nước ta

Vùng biển Việt Nam là một bộ phận của Biển Đông. Biển bao bọc phía đông, nam và tây nam phần đất liền nước ta.

Hình 1. *Lược đồ khu vực Biển Đông*

2. Đặc điểm của vùng biển nước ta

Ở vùng biển nước ta, nước không bao giờ đóng băng, thuận lợi cho giao thông và đánh bắt hải sản. Tuy nhiên, miền Bắc và miền Trung hay có bão, gây nhiều thiệt hại cho tàu thuyền và những vùng ven biển.

Hình 2. *Đồng muối ở Ninh Thuận*

-Hãy kể một vài hậu quả do bão gây ra.

Ở Biển Đông, hằng ngày nước có lúc dâng lên, có lúc hạ xuống, đó là thuỷ triều. Nhân dân vùng ven biển thường lợi dụng thuỷ triều để lấy nước làm muối và ra khơi đánh bắt hải sản,...

3. Vai trò của biển

Nhờ có biển mà khí hậu nước ta trở nên điều hoà hơn.

Hình 3. *Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh)*

Biển là nguồn tài nguyên lớn, cho ta dầu mỏ, khí tự nhiên, muối, cá, tôm,... Biển là đường giao thông quan trọng. Ven biển nước ta có nhiều bãi tắm và phong cảnh đẹp, là những nơi du lịch và nghỉ mát hấp dẫn. Chúng ta cần bảo vệ, giữ gìn và khai thác tài nguyên biển một cách hợp lí.

-Kể tên một số bãi biển của nước ta mà em biết.

Vùng biển nước ta là một bộ phận của Biển Đông. Biển điều hoà khí hậu, là nguồn tài nguyên và là đường giao thông quan trọng. Ven biển có nhiều nơi du lịch, nghỉ mát hấp dẫn.

CÂU HỎI

1. Nêu vị trí và đặc điểm của vùng biển nước ta.
2. Biển có vai trò thế nào đối với sản xuất và đời sống ?
3. Kể tên một số hải sản của nước ta.

BÀI 6

ĐẤT VÀ RỪNG

1. Các loại đất chính ở nước ta

Nước ta có nhiều loại đất, chiếm diện tích lớn hơn cả là đất phe-ra-lít ở vùng đồi núi và đất phù sa ở đồng bằng.

Đất phe-ra-lít có màu đỏ hoặc đỏ vàng, thường nghèo mùn; nếu được hình thành trên đá ba dan thì tơi xốp và phì nhiêu. Đất phù sa được hình thành do sông ngòi bồi đắp và rất màu mỡ.

Đất là nguồn tài nguyên quý giá nhưng chỉ có hạn. Vì vậy, việc sử dụng đất cần đi đôi với bảo vệ và cải tạo.

2. Rừng ở nước ta

-Quan sát hình 1, hãy chỉ vùng phân bố của rừng rậm nhiệt đới và rừng ngập mặn.

Nước ta có nhiều rừng, trong đó chiếm phần lớn diện tích là rừng rậm

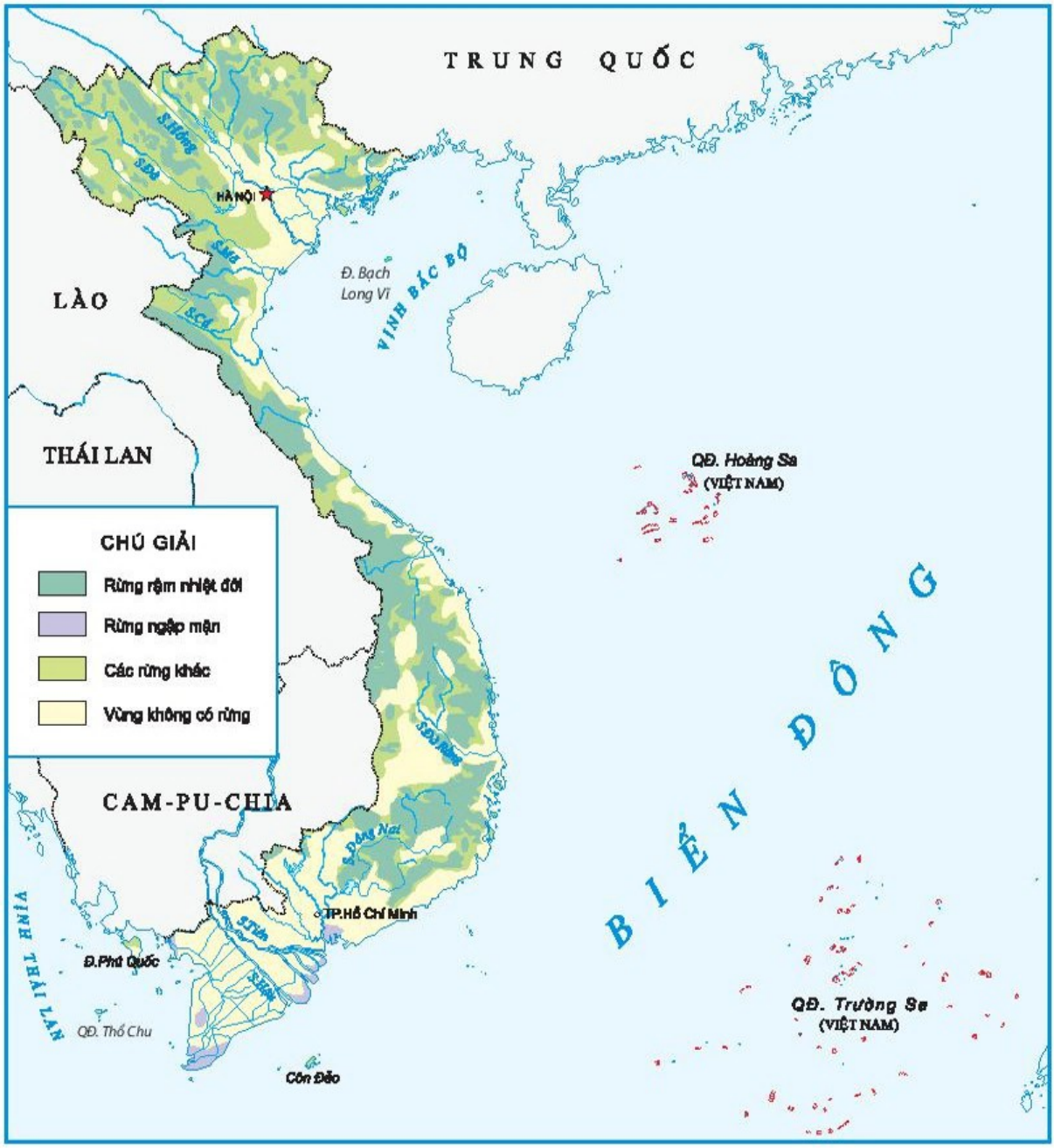

Hình 1. *Lược đồ phân bố rừng ở Việt Nam*

nhiệt đới. Rừng rậm nhiệt đới phân bố chủ yếu trên vùng đồi núi. Rừng ngập mặn thường thấy ở những nơi đất thấp ven biển, ở đó thuỷ triều hằng ngày dâng ngập nước. Rừng ngập mặn có các loài cây đước, vẹt, sú,… Cây đước có bộ rễ chùm to khoẻ, rậm rạp như những chiếc nơm úp cá, có tác dụng nâng cây vượt khỏi mặt nước và giữ đất lại, làm cho đất liền ngày càng lấn rộng ra biển.

- Quan sát tranh ảnh và dựa vào vốn hiểu biết, em hãy so sánh sự khác nhau giữa rừng rậm nhiệt đới với rừng ngập mặn (về môi trường sống và đặc

điểm cây trong rừng).

Rừng có vai trò to lớn đối với sản xuất và đời sống của con người, cho ta nhiều sản vật, nhất là gỗ. Rừng có tác dụng điều hoà khí hậu, che phủ đất và hạn chế nước mưa tràn về đồng bằng đột ngột gây lũ lụt.

Hình 2. *Rừng rậm nhiệt đới*

Hình 3. *Rừng ngập mặn*

Rừng nước ta bị tàn phá nhiều. Để bảo vệ và khuyến khích trồng rừng, Nhà nước đã có nhiều biện pháp thiết thực. Nhờ đó, hàng triệu héc ta rừng đã được trồng mới.

Ở nước ta, đất phe-ra-lít tập trung chủ yếu ở vùng đồi núi và đất phù sa ở vùng đồng bằng. Rừng rậm nhiệt đới phân bố chủ yếu ở vùng đồi núi, còn rừng ngập mặn ở ven biển. Đất và rừng có vai trò to lớn đối với sản xuất và đời sống. Chúng ta cần phải bảo vệ, khai thác, sử dụng đất và rừng một cách hợp lí.

CÂU HỎI

1. Hoàn thành bảng sau vào vở :

Loại đất	Phân bố	Đặc điểm
Phe-ra-lít		
Phù sa		

2. Nêu một số đặc điểm của rừng rậm nhiệt đới và rừng ngập mặn.
3. Nêu một số tác dụng của rừng đối với đời sống của nhân dân ta.

BÀI 7

ÔN TẬP

1. Chỉ trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam :

- Phần đất liền của nước ta ; các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa ; các đảo Cát Bà, Côn Đảo, Phú Quốc.

- Dãy Hoàng Liên Sơn, dãy Trường Sơn ; sông Hồng, sông Thái Bình, sông Mã, sông Cả, sông Đồng Nai, sông Tiền, sông Hậu ; đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng Nam Bộ.

2. Hoàn thành bảng sau vào vở :

Các yếu tố tự nhiên	Đặc điểm chính
Địa hình	$\frac{3}{4}$ diện tích phần đất liền là đồi núi, $\frac{1}{4}$ diện tích phần đất liền là đồng bằng.
Khí hậu	
Sông ngòi	
Đất	
Rừng	

BÀI 8

DÂN SỐ NƯỚC TA

1. Dân số

- Dựa vào bảng số liệu Năm 2004 dưới đây, em hãy cho biết :

+ Nước ta có số dân là bao nhiêu ?

+ Nước ta có số dân đứng hàng thứ mấy trong số các nước ở Đông Nam Á ?

STT	Tên nước	Số dân (triệu người)	STT	Tên nước	Số dân (triệu người)
1	In-đô-nê-xi-a	218,7	7	Cam-pu-chia	13,1
2	Phi-lip-pin	83,7	8	Lào	5,8
3	Việt Nam(*)	82,0	9	Xin-ga-po	4,2
4	Thái Lan	63,8	10	Đông Ti-mo	0,8
5	Mi-an-ma	50,1	11	Bru-nây	0,4
6	Ma-lai-xi-a	25,6			

Bảng số liệu số dân các nước Đông Nam Á năm 2004

Nước ta có diện tích vào loại trung bình nhưng dân số lại thuộc hàng các nước đông dân trên thế giới.

2. Gia tăng dân số

- Quan sát hình bên :

+ Cho biết số dân từng năm của nước ta.

+ Nêu nhận xét về sự tăng dân số của nước ta.

Dân số nước ta tăng nhanh, bình quân mỗi năm tăng thêm khoảng trên một triệu người.

Dân số đông và tăng nhanh gây nhiều khó khăn

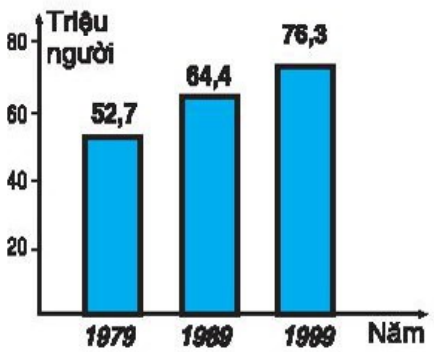

Biểu đồ dân số Việt Nam qua các năm

(*) Theo cuộc Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Trung ương năm 2009, dân số Việt Nam là 85,8 triệu người .

đối với việc đảm bảo các nhu cầu trong cuộc sống của người dân.

-Theo em dân số tăng nhanh dẫn tới những hậu quả gì?

Nhờ thực hiện tốt công tác kế hoạch hoá gia đình, những năm gần đây tốc độ tăng dân số của nước ta đã giảm hơn so với trước.

Nước ta có diện tích vào loại trung bình nhưng lại thuộc hàng các nước đông dân trên thế giới. Dân số tăng nhanh gây nhiều khó khăn cho việc nâng cao đời sống. Những năm gần đây, tốc độ tăng dân số đã giảm hơn so với trước nhờ thực hiện tốt công tác kế hoạch hoá gia đình.

CÂU HỎI

1. Năm 2004, nước ta có bao nhiêu dân ? Số dân nước ta đứng thứ mấy trong các nước ở Đông Nam Á ?
2. Dân số tăng nhanh gây những khó khăn gì trong việc nâng cao đời sống của nhân dân ? Tìm một số ví dụ cụ thể về hậu quả của việc tăng dân số nhanh ở địa phương em.

BÀI 9

CÁC DÂN TỘC, SỰ PHÂN BỐ DÂN CƯ

1. Các dân tộc

Nước ta có 54 dân tộc. Dân tộc Kinh (Việt) có số dân đông nhất, sống tập trung ở các đồng bằng, ven biển. Các dân tộc ít người sống chủ yếu ở vùng núi và cao nguyên. Tất cả các dân tộc đều là anh em trong đại gia đình Việt Nam.

-Hãy kể tên một số dân tộc ít người ở nước ta.

2. Mật độ dân số

Mật độ dân số là số dân trung bình sống trên 1 km^2 diện tích đất tự nhiên.

-Qua bảng số liệu sau đây, nêu nhận xét về mật độ dân số nước ta so với mật độ dân số thế giới và một số nước ở châu Á.

Tên nước	Mật độ dân số năm 2004 (người/ km^2)
Toàn thế giới	47
Cam-pu-chia	72
Lào	24
Trung Quốc	135
Việt Nam	249

Bảng số liệu về mật độ dân số của một số nước châu Á

Người Mường

Người Tày

Người Tà-ôi

Người Gia-rai

Hình 1. *Một số dân tộc ở Việt Nam*

3. Phân bố dân cư

-Quan sát lược đồ mật độ dân số, cho biết dân cư nước ta tập trung đông đúc ở những vùng nào và thưa thớt ở những vùng nào ?

Ở đồng bằng, ven biển đất chật người đông, thừa lao động. Ở vùng núi, nhiều tài nguyên nhưng lại thưa dân và thiếu lao động. Do đó, Nhà nước đã và đang điều chỉnh sự phân bố dân cư giữa các vùng.

Khoảng $\frac{3}{4}$ dân số nước ta sống ở nông thôn, phần lớn làm nghề nông. Chỉ có khoảng $\frac{1}{4}$ dân số sống ở thành thị.

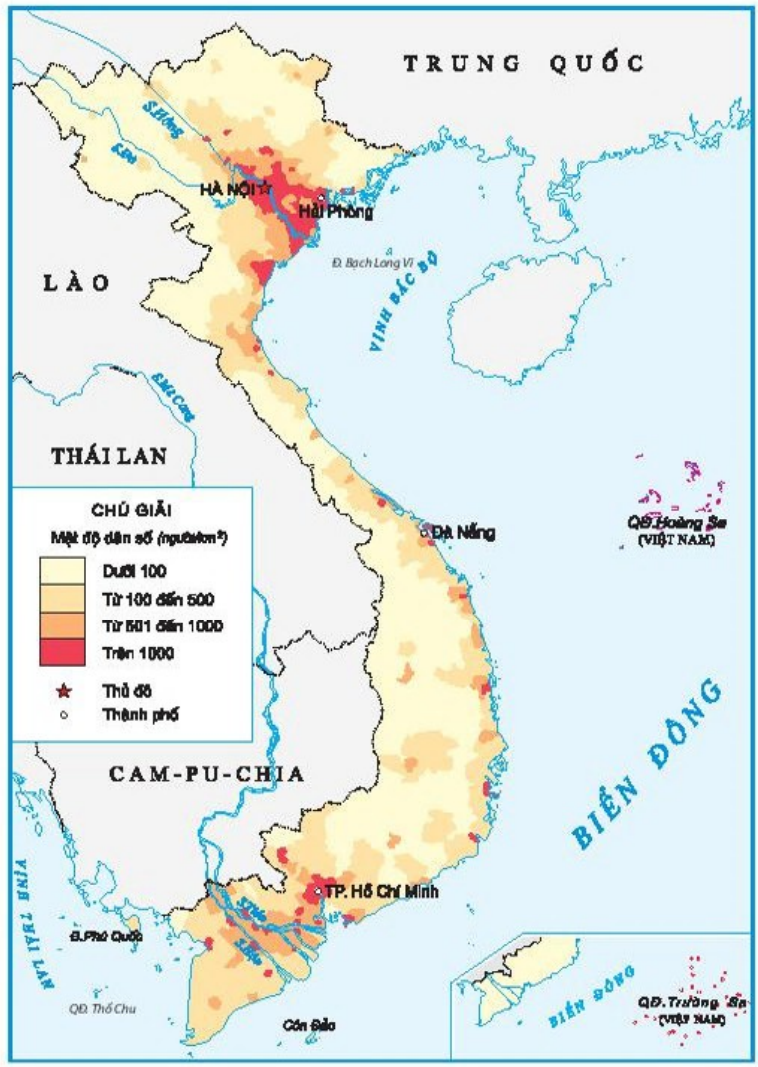

Hình 2. *Lược đồ mật độ dân số Việt Nam*

Việt Nam là nước có nhiều dân tộc, trong đó người Kinh (Việt) có số dân đông nhất. Nước ta có mật độ dân số cao, dân cư tập trung đông đúc ở các đồng bằng, ven biển và thưa thớt ở vùng núi. Khoảng $\frac{3}{4}$ dân số nước ta sống ở nông thôn.

CÂU HỎI

1. Nước ta có bao nhiêu dân tộc ? Dân tộc nào có số dân đông nhất, phân bố chủ yếu ở đâu ? Các dân tộc ít người sống chủ yếu ở đâu ?
2. Phân bố dân cư ở nước ta có đặc điểm gì ?

BÀI 10

NÔNG NGHIỆP

1. Ngành trồng trọt

Trong nông nghiệp nước ta, trồng trọt là ngành sản xuất chính. Trồng trọt đóng góp tới gần $\frac{3}{4}$ giá trị sản xuất nông nghiệp.

- Dựa vào hình 1, em hãy :

+ Kể tên một số cây trồng ở nước ta.

+ Cho biết loại cây nào được trồng nhiều hơn cả ?

Do có khí hậu nhiệt đới gió mùa nên nước ta có nhiều loại cây trồng, chủ yếu là cây xứ nóng. Lúa gạo được trồng nhiều nhất. Những năm gần đây, Việt Nam đã trở thành nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới. Cây công nghiệp và cây ăn quả được trồng ngày càng nhiều.

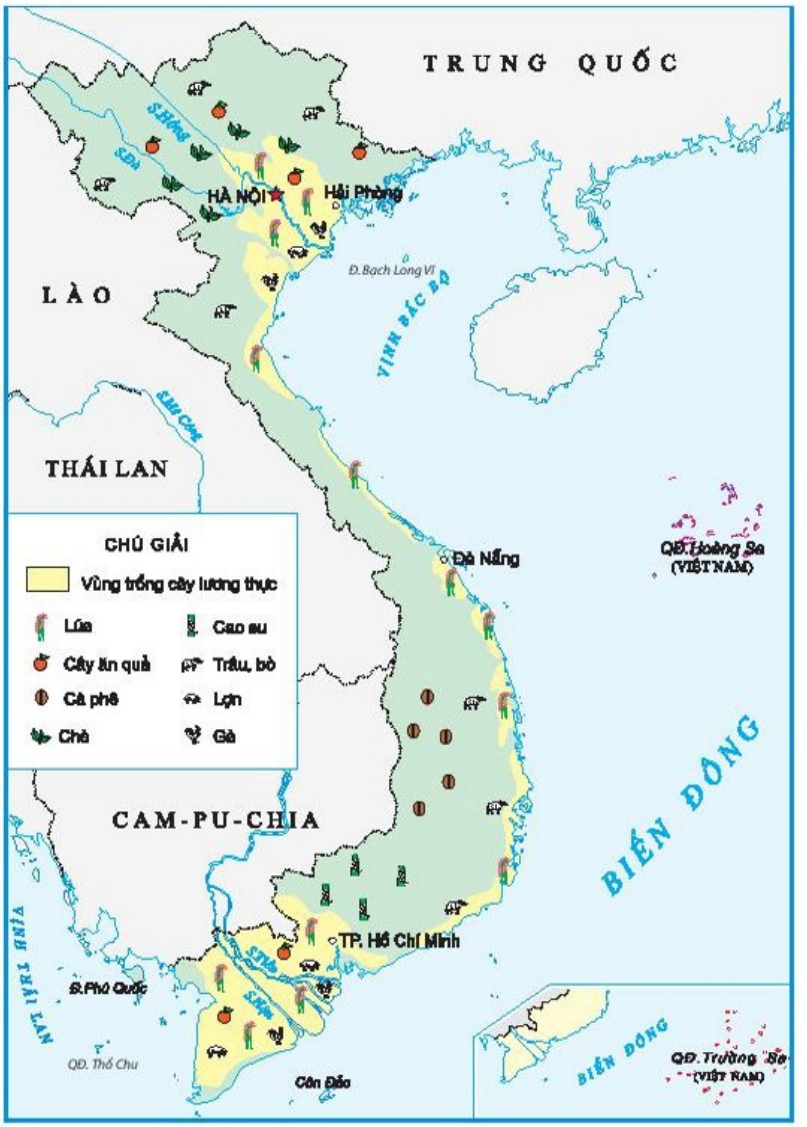

Hình 1. *Lược đồ nông nghiệp Việt Nam*

- Em hãy quan sát hình 1, cho biết lúa gạo, cây công nghiệp lâu năm (chè, cà phê, cao su,...) được trồng chủ yếu ở vùng núi và cao nguyên hay đồng bằng.

2. Ngành chăn nuôi

Nguồn thức ăn ngày càng đảm bảo đã tạo điều kiện cho ngành chăn nuôi phát triển. Số lượng gia súc, gia cầm ngày càng tăng.

Hình 2. *Chăn nuôi bò*

Hình 3. *Chăn nuôi lợn*

Tuy nhiên, chúng ta cần chú ý hơn tới việc phòng chống bệnh dịch cho gia súc, gia cầm để ngành chăn nuôi phát triển ổn định, vững chắc.

-Em hãy kể tên một số vật nuôi ở nước ta.

-Dựa vào hình 1, em hãy cho biết trâu, bò, lợn, gia cầm được nuôi nhiều ở vùng núi hay đồng bằng.

Trồng trọt là ngành sản xuất chính trong nông nghiệp. Lúa gạo được trồng nhiều nhất ở các đồng bằng ; cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều ở vùng núi và cao nguyên.

Trâu, bò được nuôi nhiều ở vùng núi ; lợn và gia cầm được nuôi nhiều ở đồng bằng.

CÂU HỎI

1. Hãy kể một số loại cây trồng ở nước ta. Loại cây nào được trồng nhiều nhất ?
2. Dựa vào hình 1, em hãy kẻ bảng sau vào vở và điền nội dung phù hợp :

	Cây trồng	Vật nuôi
Vùng núi		
Đồng bằng		

BÀI 11

LÂM NGHIỆP VÀ THUỶ SẢN

1. Lâm nghiệp

-Quan sát hình 1, kể tên các hoạt động chính của ngành lâm nghiệp.

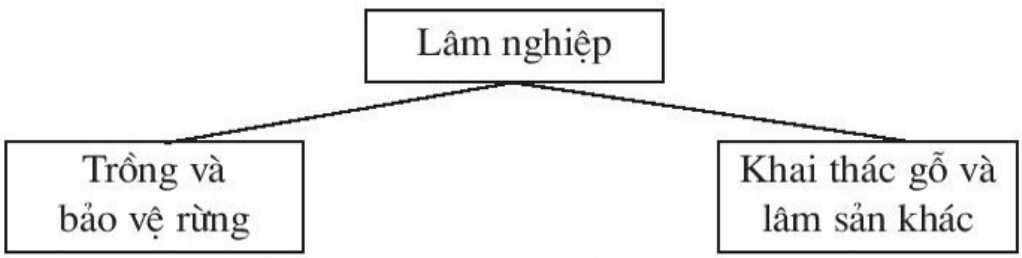

Hình 1. *Sơ đồ các hoạt động chính của ngành lâm nghiệp*

-Dựa vào bảng số liệu dưới đây, em hãy nêu nhận xét về sự thay đổi diện tích rừng của nước ta.

Năm / Diện tích	1980	1995	2004
Tổng diện tích rừng (triệu ha)	10,6	9,3	12,2

Bảng số liệu về diện tích rừng của nước ta

Trước đây, nước ta có rất nhiều rừng. Do khai thác bừa bãi, hàng triệu héc ta rừng đã trở thành đất trống, đồi núi trọc. Nhà nước đã và đang vận động nhân dân trồng và bảo vệ rừng nên diện tích rừng của nước ta đã tăng lên đáng kể.

Hình 2. *Ươm cây giống để trồng rừng*

Hình 3. *Chăm sóc rừng*

2. Ngành thuỷ sản

Nước ta có nhiều điều kiện để phát triển ngành thuỷ sản như : vùng biển rộng có nhiều hải sản, mạng lưới sông ngòi dày đặc, người dân có nhiều kinh nghiệm, nhu cầu về thuỷ sản ngày càng tăng. Việc đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản đang ngày càng phát triển.

- Dựa vào hình 4, hãy so sánh sản lượng thuỷ sản của năm 1990 và năm 2003.

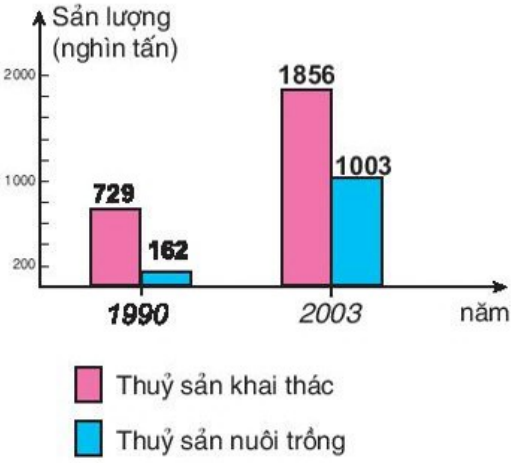

Hình 4. *Biểu đồ sản lượng thuỷ sản*

Hình 5. *Nuôi và thu hoạch thuỷ sản*

- Em hãy kể tên các loại thuỷ sản đang được nuôi nhiều ở nước ta.

Bên cạnh việc khai thác gỗ và lâm sản, nghề trồng rừng của nước ta đang ngày càng phát triển. Ngành lâm nghiệp phân bố chủ yếu ở vùng núi và trung du. Ngành thuỷ sản đang phát triển mạnh ở vùng ven biển và những nơi có nhiều sông, hồ ở các đồng bằng.

CÂU HỎI

1. Ngành lâm nghiệp gồm những hoạt động gì ? Phân bố chủ yếu ở đâu ?
2. Nước ta có những điều kiện nào để phát triển ngành thuỷ sản ?
3. Ngành thuỷ sản phân bố chủ yếu ở đâu ?

BÀI 12

CÔNG NGHIỆP

1. Các ngành công nghiệp

-Dựa vào bảng dưới đây, em hãy :

+ Kể tên các ngành công nghiệp của nước ta.

+ Kể tên sản phẩm của một số ngành công nghiệp.

Ngành công nghiệp	Sản phẩm
- Khai thác khoáng sản - Điện (nhiệt điện, thuỷ điện...) - Luyện kim - Cơ khí (sản xuất, lắp ráp, sửa chữa) - Hoá chất - Dệt, may mặc - Chế biến lương thực, thực phẩm - Sản xuất hàng tiêu dùng	- Than, dầu mỏ, quặng sắt,... - Điện - Gang, thép, đồng, thiếc,... - Các loại máy móc, phương tiện giao thông. - Phân bón, thuốc trừ sâu, xà phòng,... - Các loại vải, quần áo,... - Gạo, đường, bánh kẹo, rượu bia,... - Dụng cụ y tế, đồ dùng gia đình,...

-Quan sát hình 1, cho biết các hình ảnh thể hiện ngành công nghiệp nào ?

a) Nhà máy đóng tàu Hạ Long (Quảng Ninh) *b) Nhà máy điện Phú Mĩ (Bà Rịa - Vũng Tàu)*

Hình 1. *Một số hình ảnh về sản xuất công nghiệp*

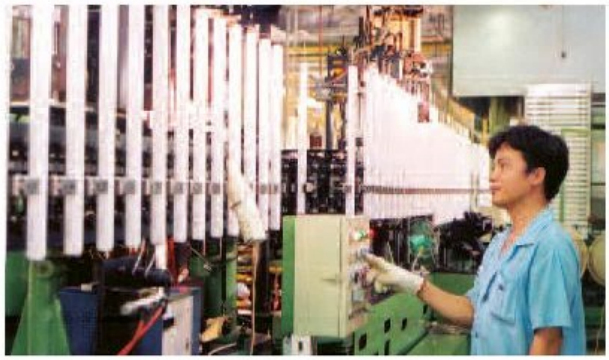

c) Sản xuất bóng đèn

d) Lắp ráp máy điều hoà nhiệt độ

Hình 1. *Một số hình ảnh về sản xuất công nghiệp*

Các ngành công nghiệp của nước ta đã làm ra nhiều mặt hàng nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

-Hãy kể một số sản phẩm công nghiệp xuất khẩu mà em biết.

2. Nghề thủ công

-Dựa vào hình 2 và vốn hiểu biết, hãy kể tên một số nghề thủ công nổi tiếng ở nước ta mà em biết.

a) Gốm Chăm

b) Hàng cói xuất khẩu

c) Chạm khắc đá

d) Chạm khắc gỗ

Hình 2. *Một số nghề thủ công*

Nước ta có rất nhiều nghề thủ công. Đó là những nghề chủ yếu dựa vào truyền thống, sự khéo léo của người thợ và nguồn nguyên liệu sẵn có.

Từ xa xưa, một số địa phương đã có những mặt hàng thủ công nổi tiếng như lụa tơ tằm Hà Đông (Hà Tây(*)), Quảng Nam ; hàng cói Nga Sơn (Thanh Hoá), Kim Sơn (Ninh Bình) ; đồ gốm sứ Bát Tràng (Hà Nội), Biên Hoà (Đồng Nai), gốm Chăm (Ninh Thuận), chạm khắc đá Ngũ Hành Sơn (Đà Nẵng).

Nghề thủ công của nước ta ngày càng phát triển. Cả nước có hàng trăm làng nghề, chuyên sản xuất các mặt hàng thủ công mĩ nghệ đáp ứng cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Nước ta có nhiều ngành công nghiệp và nghề thủ công, đã tạo ra nhiều sản phẩm để sử dụng trong nước và xuất khẩu.

CÂU HỎI

1. Kể tên một số ngành công nghiệp ở nước ta và sản phẩm của các ngành đó.
2. Nêu đặc điểm nghề thủ công của nước ta.
3. Địa phương em có những ngành công nghiệp và nghề thủ công nào ?

BÀI 13

CÔNG NGHIỆP *(tiếp theo)*

3. Phân bố các ngành công nghiệp

-Dựa vào hình 3, em hãy tìm những nơi có các ngành công nghiệp khai thác than, dầu mỏ, a-pa-tít, công nghiệp nhiệt điện, thuỷ điện.

Công nghiệp được phân bố rộng khắp đất nước, nhưng tập trung nhiều ở đồng bằng và ven biển. Những nơi có nhiều lao động, nguồn nguyên liệu phong phú, dân cư đông đúc, là nơi tập trung các ngành công nghiệp cơ khí, dệt may và thực phẩm. Công nghiệp khai thác khoáng sản được phân bố ở nơi có mỏ khoáng sản.

Công nghiệp thuỷ điện được phát triển trên các sông ở miền núi.

(*) Từ ngày 1-8-2008, theo Nghị quyết của Quốc hội, hợp nhất tỉnh Hà Tây vào thành phố Hà Nội.

Những nơi gần nguồn nhiên liệu như than, dầu khí là nơi có công nghiệp nhiệt điện phát triển.

Hình 3. *Lược đồ công nghiệp Việt Nam*

4. Các trung tâm công nghiệp lớn của nước ta

-Quan sát hình 3, cho biết nước ta có những trung tâm công nghiệp lớn nào.

-Dựa vào hình 4, em hãy nêu những điều kiện để Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm công nghiệp lớn nhất cả nước.

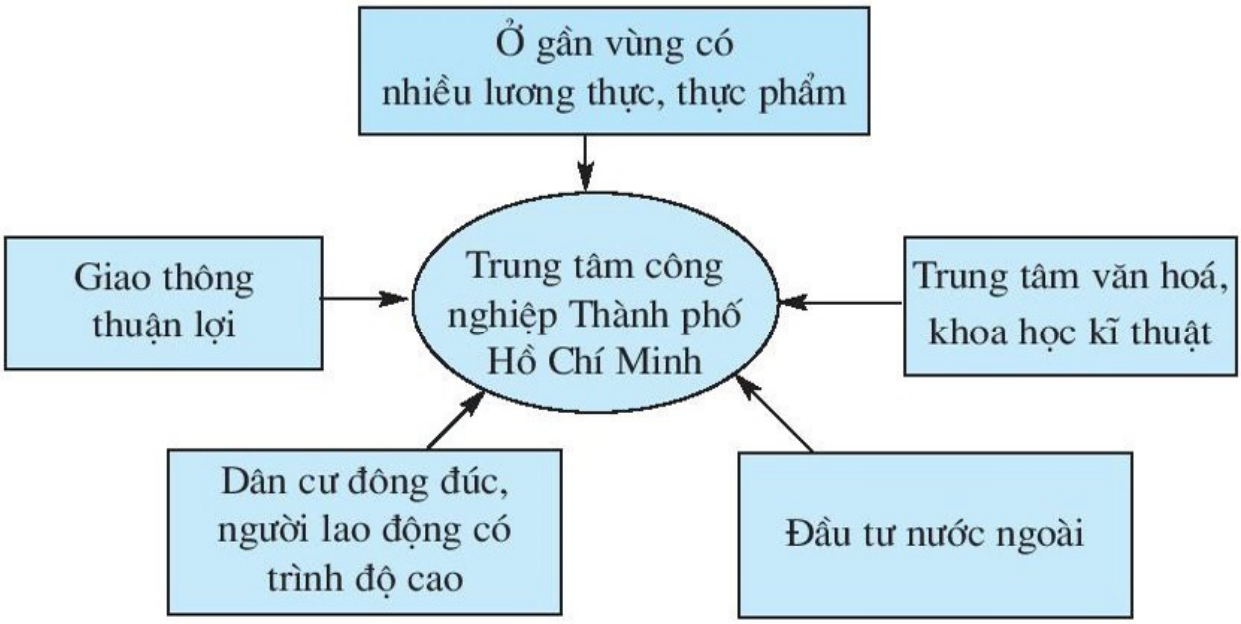

Hình 4. *Sơ đồ các điều kiện để Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm công nghiệp lớn nhất cả nước*

Công nghiệp khai thác khoáng sản phân bố ở những nơi có mỏ khoáng sản. Các ngành công nghiệp khác của nước ta phân bố chủ yếu ở các vùng đồng bằng và ven biển. Nước ta có nhiều trung tâm công nghiệp. Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm công nghiệp lớn nhất cả nước.

CÂU HỎI

1. Dựa vào hình 3, cho biết các ngành công nghiệp khai thác dầu, than, a-pa-tít có ở những đâu.
2. Vì sao các ngành công nghiệp dệt may, thực phẩm tập trung nhiều ở vùng đồng bằng và vùng ven biển ?
3. Dựa vào hình 3, kể tên các nhà máy thuỷ điện, nhiệt điện lớn của nước ta.

BÀI 14

GIAO THÔNG VẬN TẢI

1. Các loại hình giao thông vận tải

- Hãy kể tên các loại hình giao thông vận tải trên đất nước ta mà em biết.

- Quan sát hình 1, cho biết loại hình vận tải nào có vai trò quan trọng nhất trong việc chuyên chở hàng hoá.

Nước ta có nhiều loại đường và phương tiện giao thông nhưng chất lượng còn chưa cao. Hiện nay, nước ta đã và đang xây dựng thêm nhiều tuyến đường hiện đại và nâng cao chất lượng vận chuyển để việc đi lại, chuyên chở hành khách và hàng hoá được tốt hơn.

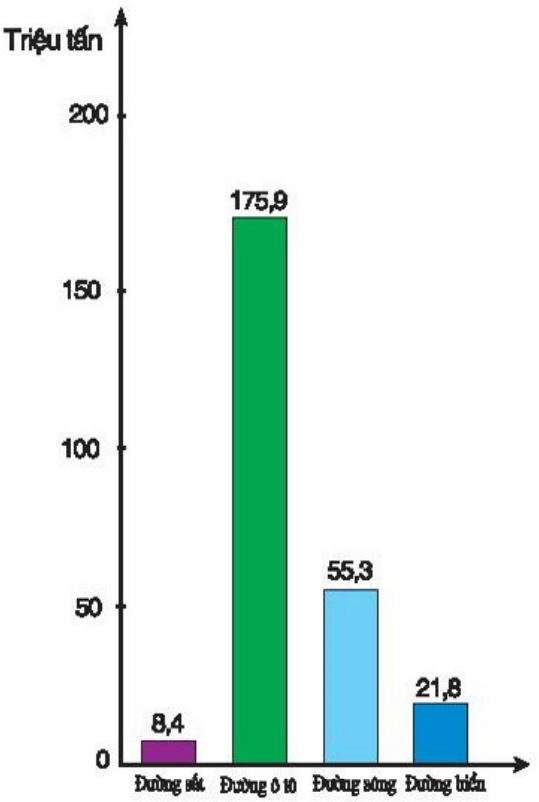

Hình 1. *Biểu đồ khối lượng hàng hoá vận chuyển phân theo loại hình vận tải năm 2003*

2. Phân bố một số loại hình giao thông

- Tìm trên hình 2 : quốc lộ 1A, đường sắt Bắc - Nam ; các sân bay quốc tế : Nội Bài (Hà Nội), Tân Sơn Nhất (TP. Hồ Chí Minh), Đà Nẵng ; các cảng biển : Hải Phòng, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh.

Nước ta có mạng lưới đường giao thông toả đi khắp đất nước. Do lãnh thổ kéo dài theo chiều Bắc - Nam, nên nhiều tuyến giao thông chính của nước ta cũng chạy theo chiều Bắc - Nam. Đường sắt Bắc - Nam và quốc lộ 1A là các tuyến đường sắt và đường ô tô dài nhất của nước ta. Đường Hồ Chí Minh đang được xây dựng để góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng núi phía tây của đất nước. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh là những đầu mối giao thông quan trọng.

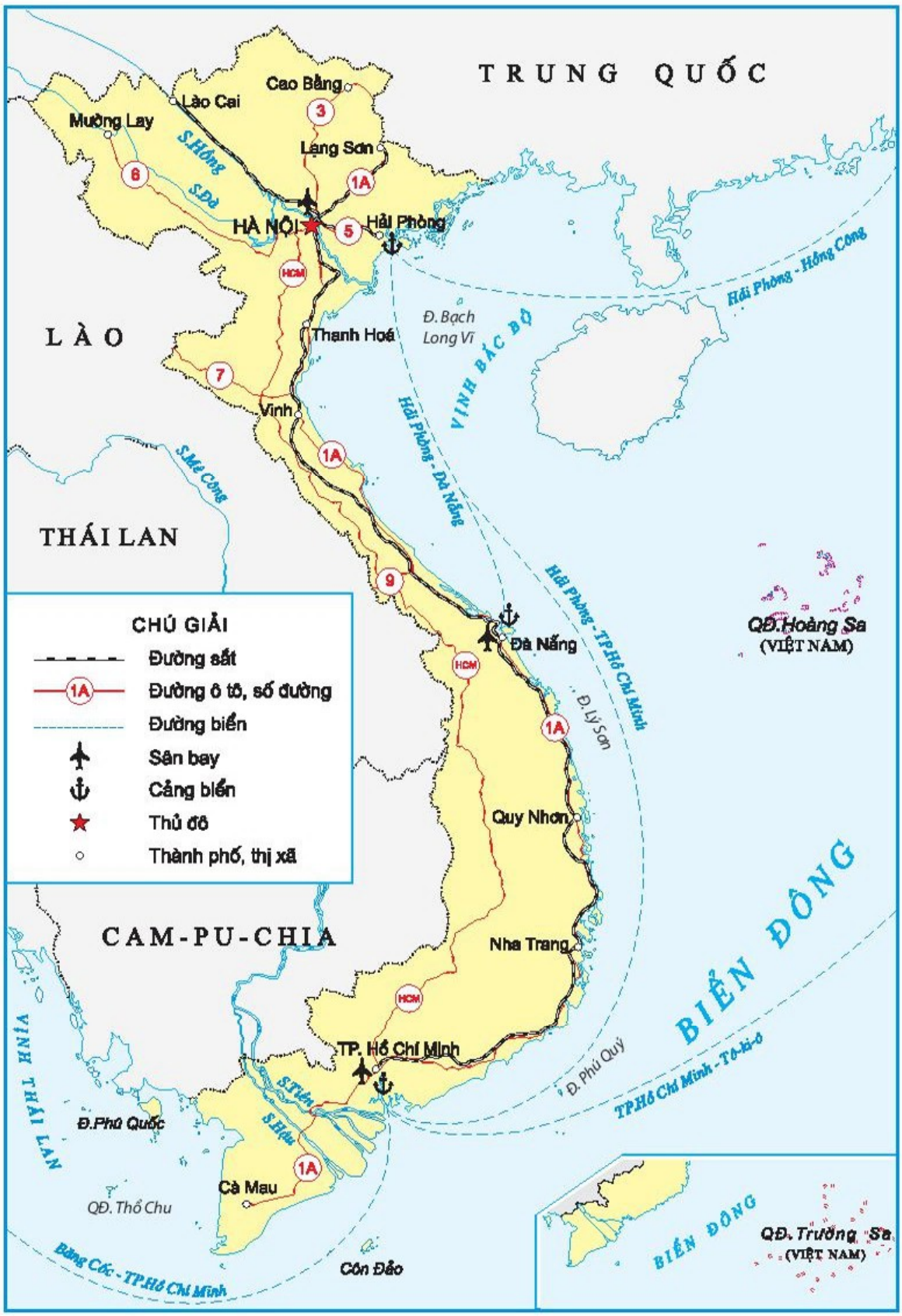

Hình 2. *Lược đồ giao thông vận tải*

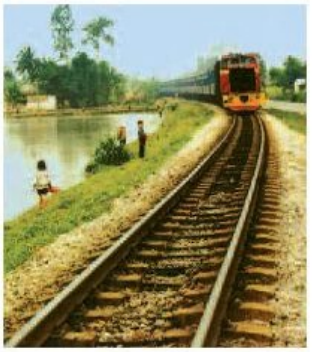

Hình 3. *Một số phương tiện giao thông vận tải*

Nước ta có nhiều loại hình giao thông vận tải. Đường sắt Bắc - Nam và quốc lộ 1A là hai tuyến đường sắt và đường bộ dài nhất của đất nước.

CÂU HỎI

1. Nước ta có những loại hình giao thông vận tải nào ?
2. Dựa vào hình 2 và Bản đồ Hành chính Việt Nam, cho biết tuyến đường sắt Bắc - Nam và quốc lộ 1A đi từ đâu đến đâu. Kể tên một số thành phố mà đường sắt Bắc - Nam và quốc lộ 1A đi qua.
3. Chỉ trên hình 2 các sân bay quốc tế, các cảng biển lớn của nước ta.

BÀI 15

THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH

1. Hoạt động thương mại

Địa phương nào trên đất nước ta cũng có chợ và các cửa hàng mua bán. Nhiều thành phố còn có các siêu thị. Đó là nơi mua bán các sản phẩm hàng hoá của địa phương và từ các nơi khác chuyển đến.

Việc mua bán ở trong nước gọi là hoạt động nội thương. Việc mua bán với nước ngoài gọi là hoạt động ngoại thương. Hoạt động thương mại gồm cả nội thương và ngoại thương.

Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh là những nơi có hoạt động thương mại phát triển nhất cả nước.

Nhờ có hoạt động thương mại mà sản phẩm của các ngành sản xuất đến được với người tiêu dùng.

Nước ta chủ yếu bán ra nước ngoài (xuất khẩu) các khoáng sản, hàng công nghiệp nhẹ và thủ công nghiệp, nông sản và thuỷ sản ; mua của nước ngoài (nhập khẩu) các máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu.

Nước ta ngày càng phát triển thương mại với nhiều nước trên thế giới.

-Em hãy kể tên một số mặt hàng nước ta bán ra nước ngoài và mua của nước ngoài.

Hình 1. *Xuất khẩu gạo*

Hình 2. *Hoa quả hộp xuất khẩu*

2. Ngành du lịch

Hình 3. *Bãi biển Vũng Tàu*

Hình 4. *Nhã nhạc cung đình Huế*

-Em hãy nêu một số điều kiện để phát triển du lịch ở nước ta.

Nước ta có nhiều phong cảnh đẹp, bãi tắm tốt, vườn quốc gia, các công trình kiến trúc, di tích lịch sử, lễ hội truyền thống,... Trong đó, các địa điểm

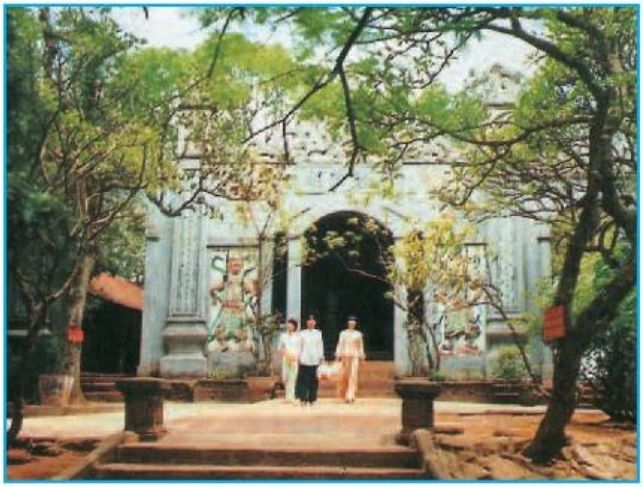

Hình 5. *Đền Hùng (Phú Thọ)*

Hình 6. *Di tích Mỹ Sơn (Quảng Nam)*

được công nhận là di sản thế giới như : vịnh Hạ Long (Quảng Ninh), vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (Quảng Bình), Cố đô Huế, phố cổ Hội An, khu di tích Mỹ Sơn (Quảng Nam),... là những nơi thu hút nhiều khách du lịch.

Những năm gần đây, nhờ đời sống được nâng cao, các dịch vụ du lịch được cải thiện, nên số lượng khách du lịch trong nước tăng lên đáng kể. Khách nước ngoài đến nước ta cũng ngày càng đông. Các trung tâm du lịch lớn của nước ta là : Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hạ Long, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Vũng Tàu,...

Thương mại gồm các hoạt động mua bán hàng hoá ở trong nước và với nước ngoài. Nước ta chủ yếu xuất khẩu các khoáng sản (dầu mỏ, than,...), hàng tiêu dùng, nông sản và thuỷ sản ; nhập khẩu các máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu.

Nhờ có nhiều điều kiện thuận lợi, ngành du lịch của nước ta ngày càng phát triển.

CÂU HỎI

1. Thương mại gồm các hoạt động nào. Thương mại có vai trò gì ?
2. Nước ta xuất khẩu và nhập khẩu những mặt hàng gì là chủ yếu ?
3. Nêu những điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch ở nước ta.
4. Tỉnh em có những địa điểm du lịch nào?

BÀI 16

ÔN TẬP

1. Nước ta có bao nhiêu dân tộc ? Dân tộc nào có số dân đông nhất và sống chủ yếu ở đâu ? Các dân tộc ít người sống chủ yếu ở đâu ?

2. Trong các câu dưới đây, câu nào đúng, câu nào sai :

a) Dân cư nước ta tập trung đông đúc ở vùng núi và cao nguyên.

b) Ở nước ta, lúa gạo là loại cây được trồng nhiều nhất.

c) Trâu, bò được nuôi nhiều ở vùng núi ; lợn và gia cầm được nuôi nhiều ở đồng bằng.

d) Nước ta có nhiều ngành công nghiệp và thủ công nghiệp.

e) Đường sắt có vai trò quan trọng nhất trong việc vận chuyển hàng hoá và hành khách ở nước ta.

g) Thành phố Hồ Chí Minh vừa là trung tâm công nghiệp lớn, vừa là nơi có hoạt động thương mại phát triển nhất cả nước.

3. Kể tên các sân bay quốc tế của nước ta. Những thành phố nào có cảng biển lớn bậc nhất nước ta ?

4. Chỉ trên bản đồ Việt Nam đường sắt Bắc - Nam, quốc lộ 1A.

BÀI 17

CHÂU Á

Châu Á là một trong 6 châu lục của Trái Đất.

-Quan sát hình 1, cho biết tên các châu lục và đại dương trên Trái Đất.

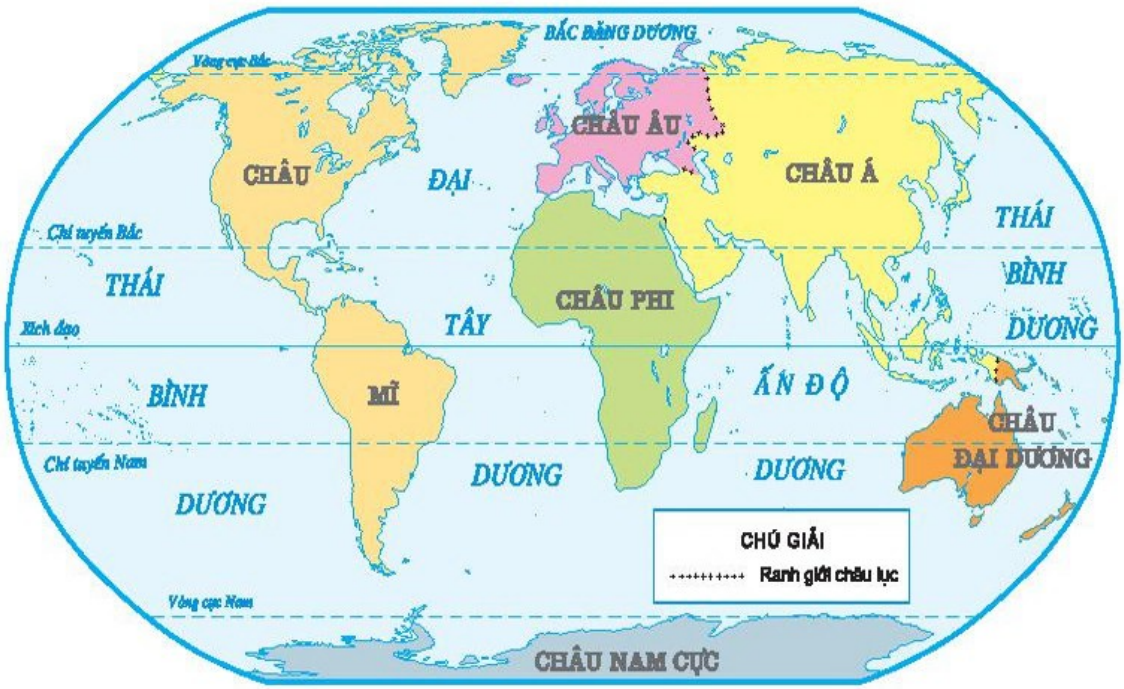

Hình 1. *Lược đồ các châu lục và đại dương*

1. Vị trí địa lí và giới hạn

Châu Á trải dài từ gần cực Bắc tới quá Xích đạo, ba phía giáp biển và đại dương.

- Dựa vào hình 1, cho biết tên các châu lục và đại dương mà châu Á tiếp giáp.

- Dựa vào bảng số liệu, so sánh diện tích châu Á với diện tích của các châu lục khác.

Châu lục	Diện tích (triệu km^2)	Dân số năm 2004 (triệu người)
Châu Á	44	4054(1)
Châu Mĩ	42	941
Châu Phi	30	973
Châu Âu	10	732(2)
Châu Đại Dương	9	34,3
Châu Nam Cực	14	

(1) Không kể dân số Liên bang Nga
(2) Kể cả dân số Liên bang Nga

Bảng số liệu về diện tích và dân số các châu lục

2. Đặc điểm tự nhiên

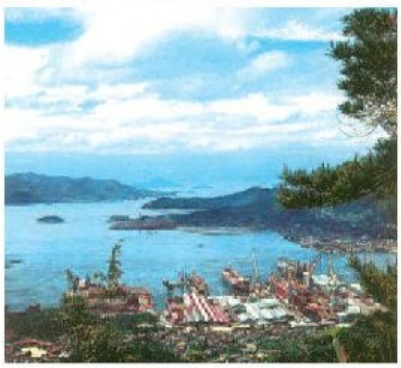

a) Vịnh biển (Nhật Bản)

b) Bán hoang mạc (Ca-dắc-xtan)

c) Đồng bằng (đảo Ba-li, In-đô-nê-xi-a)

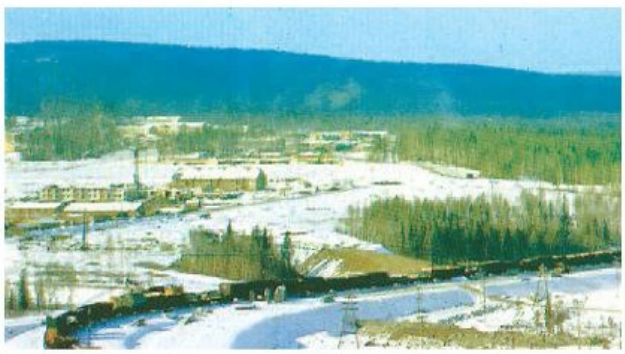

d) Rừng tai-ga (LB. Nga)

e) Dãy núi Hi-ma-lay-a (phần thuộc Nê-pan)

Hình 2. *Một số cảnh thiên nhiên của châu Á*

-Quan sát các ảnh trong hình 2, rồi tìm trên hình 3 các chữ a, b, c, d, e, cho biết các cảnh thiên nhiên đó được chụp ở những khu vực nào của châu Á.

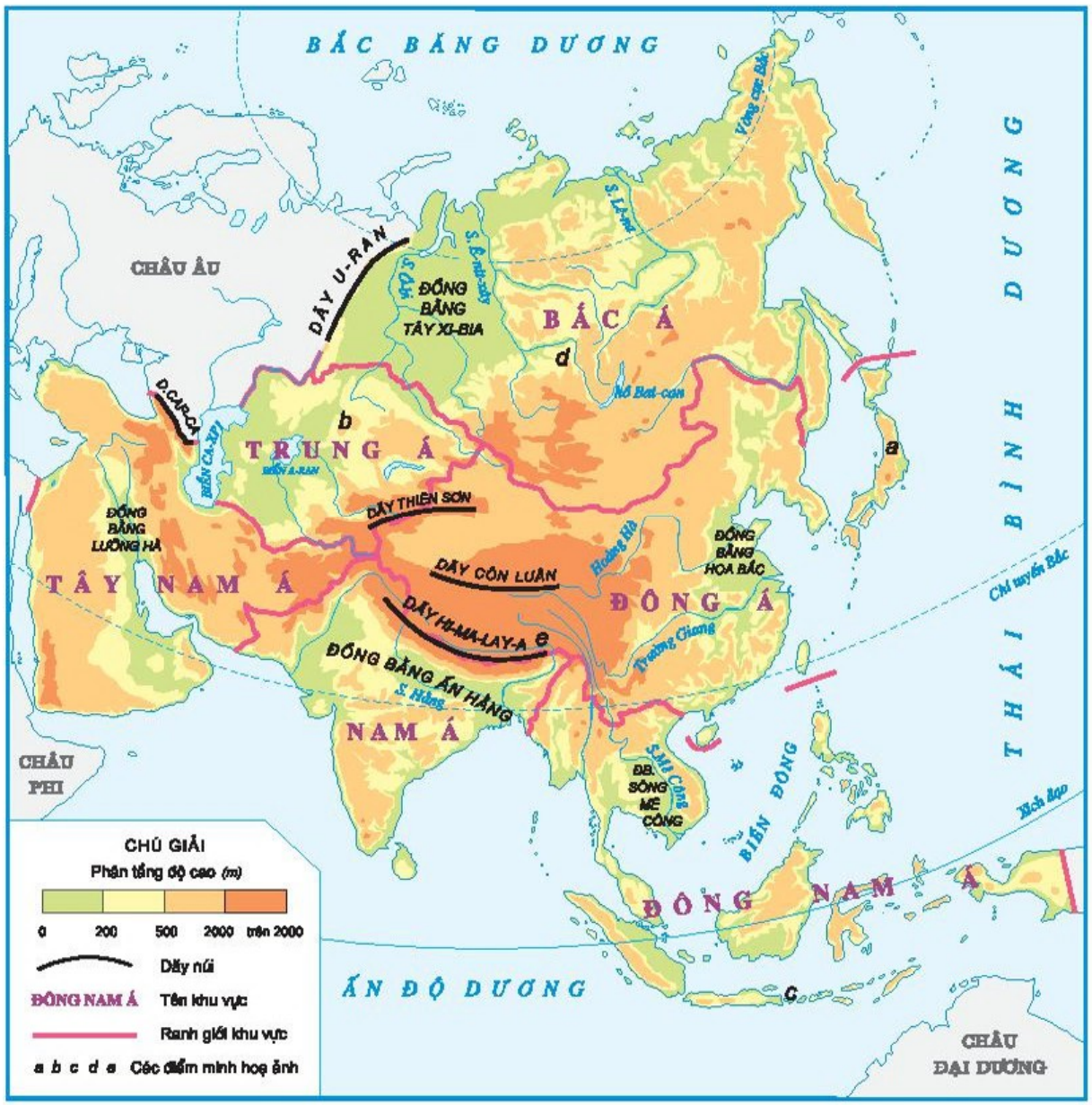

Hình 3. *Lược đồ các khu vực châu Á*

Núi và cao nguyên chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích châu Á, trong đó có những vùng núi rất cao và đồ sộ. Đỉnh Ê-vơ-rét (8848 m) thuộc dãy Hi-ma-lay-a cao nhất thế giới.

- Dựa vào hình 3, em hãy đọc tên một số dãy núi và đồng bằng lớn của châu Á.

Châu Á có đủ các đới khí hậu (từ nhiệt đới, ôn đới đến hàn đới) và có nhiều cảnh thiên nhiên.

Châu Á nằm ở bán cầu Bắc, có diện tích lớn nhất trong các châu lục trên thế giới. Thiên nhiên của châu Á rất đa dạng.

CÂU HỎI

1. Dựa vào quả Địa cầu và hình 1, em hãy cho biết vị trí địa lí, giới hạn của châu Á.
2. Dựa vào bài học và vốn hiểu biết, hãy kể tên một số cảnh thiên nhiên của châu Á.

BÀI 18

CHÂU Á *(tiếp theo)*

3. Dân cư châu Á

-Đọc bảng số liệu ở bài 17, so sánh dân số châu Á với dân số của các châu lục khác.

a) Người dân Đông Á (Nhật Bản)

b) Người dân Nam Á (Ấn Độ)

Hình 4. *Người dân châu Á*

Châu Á có số dân đông nhất thế giới. Đa số dân cư châu Á là người da vàng. Họ sống tập trung đông đúc tại các vùng đồng bằng châu thổ màu mỡ.

4. Hoạt động kinh tế

Nông nghiệp là ngành sản xuất chính của đa số người dân châu Á. Họ trồng nhiều lúa gạo, lúa mì, bông, cao su, cà phê, cây ăn quả,... và chăn nuôi trâu,

bò, lợn, gia cầm,... Ở vùng ven biển, người dân còn đánh bắt và nuôi trồng hải sản. Một số nước phát triển công nghiệp khai thác khoáng sản, sản xuất máy móc .

Hình 5. *Lược đồ kinh tế một số nước châu Á*

-Dựa vào hình 5, cho biết sự phân bố của một số ngành sản xuất chính của châu Á.

5. Khu vực Đông Nam Á

-Dựa vào hình 3 ở bài 17, cho biết vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á.

Khu vực Đông Nam Á chủ yếu có khí hậu gió mùa nóng ẩm.

– Với khí hậu như vậy, Đông Nam Á chủ yếu có loại rừng gì ?

Đồng bằng màu mỡ thường tập trung dọc các sông lớn và ở vùng ven biển. Đó chính là các vựa lúa gạo của các nước trong khu vực.

– Hãy liên hệ với Việt Nam để nêu tên một số ngành sản xuất có ở khu vực Đông Nam Á.

Châu Á đông dân nhất thế giới. Phần lớn dân cư là người da vàng, họ sống tập trung đông đúc tại các đồng bằng châu thổ và sản xuất nông nghiệp là chính. Một số nước châu Á có nền công nghiệp phát triển.

Khu vực Đông Nam Á chủ yếu có khí hậu gió mùa nóng ẩm ; ở đây sản xuất nhiều loại nông sản và khai thác khoáng sản.

CÂU HỎI

1. Dân cư châu Á tập trung đông đúc ở những vùng nào ? Tại sao ?
2. Dựa vào hình 5, cho biết :
   - Cây bông và cây lúa gạo được trồng ở những nước nào ?
   - Tên các nước sản xuất nhiều ô tô và khu vực khai thác nhiều dầu mỏ.
3. Vì sao khu vực Đông Nam Á lại sản xuất được nhiều lúa gạo ?

BÀI 19

CÁC NƯỚC LÁNG GIỀNG CỦA VIỆT NAM

1. Cam-pu-chia

- Dựa vào hình 5 ở bài 18, hãy nêu vị trí địa lí của Cam-pu-chia. Đọc tên thủ đô của Cam-pu-chia.

Cam-pu-chia có địa hình chủ yếu là đồng bằng dạng lòng chảo. Biển Hồ là nơi thấp nhất và giàu tôm cá. Cam-pu-chia sản xuất và chế biến nhiều lúa gạo, cao su, hồ tiêu, đường thốt nốt và đánh bắt nhiều cá nước ngọt.

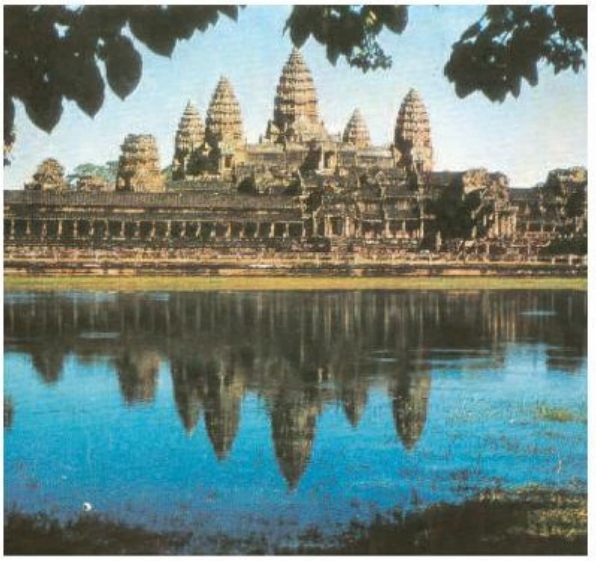

Hình 1. *Đền Ăng-co Vát (Cam-pu-chia)*

Hình 2. *Luông Pha-băng (Lào)*

2. Lào

- Dựa vào hình 5 ở bài 18, hãy nêu vị trí địa lí và đọc tên thủ đô của Lào.

Nước Lào không giáp biển, địa hình phần lớn là núi và cao nguyên. Rừng có nhiều gỗ quý. Những sản phẩm chính của Lào là quế, cánh kiến, gỗ và lúa gạo.

3. Trung Quốc

- Quan sát hình 5 ở bài 18, cho biết Trung Quốc thuộc khu vực nào của châu Á và đọc tên thủ đô của Trung Quốc.

Trung Quốc có số dân đông nhất thế giới. Con người đã sinh sống từ xa xưa trên các đồng bằng châu thổ màu mỡ của miền

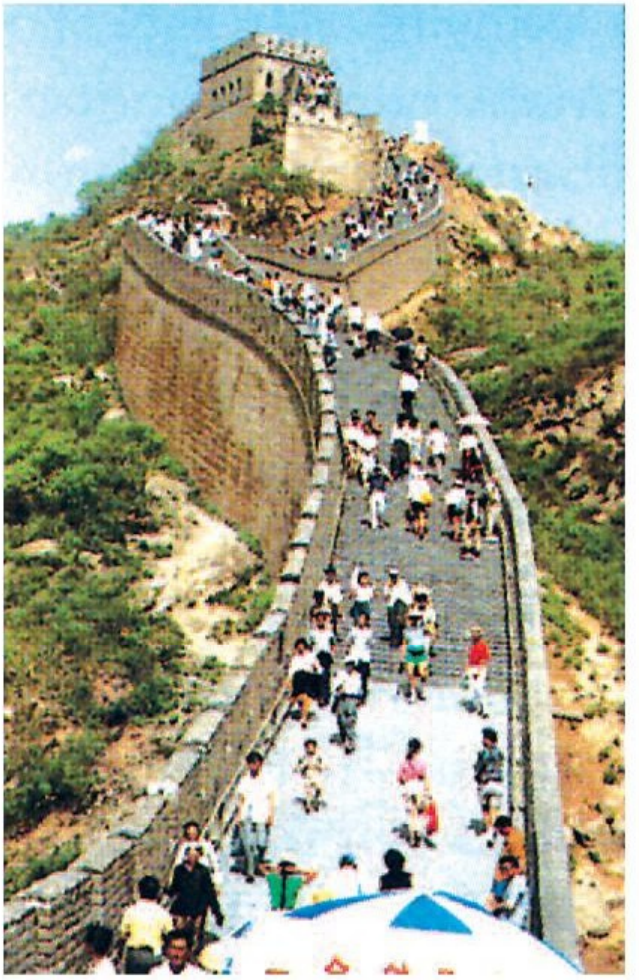

Hình 3. *Một đoạn Vạn lí Trường Thành (Trung Quốc)*

Đông và tạo nên nền văn minh Trung Hoa nổi tiếng. Miền Tây chủ yếu là núi và cao nguyên, có khí hậu khắc nghiệt.

Đất nước Trung Quốc đã nổi tiếng từ lâu về tơ lụa, gốm, sứ, chè. Ngày nay, kinh tế đang phát triển mạnh và sản xuất nhiều máy móc, thiết bị. Hàng điện tử, ô tô, hàng may mặc, đồ chơi của Trung Quốc được xuất khẩu sang nhiều nước trên thế giới.

Trung Quốc có số dân đông nhất thế giới, nền kinh tế đang phát triển mạnh với nhiều ngành công nghiệp hiện đại.

Lào, Cam-pu-chia là những nước nông nghiệp, bước đầu phát triển công nghiệp.

CÂU HỎI

1. Nêu vị trí địa lí của Cam-pu-chia, Lào.
2. Kể các loại nông sản của Lào và Cam-pu-chia.
3. Kể tên một số mặt hàng của Trung Quốc mà em biết.

BÀI 20

CHÂU ÂU

1. Vị trí địa lí, giới hạn

Châu Âu nằm ở phía tây châu Á, có ba phía giáp biển và đại dương.

- Quan sát hình 1, cho biết châu Âu tiếp giáp với châu lục, biển và đại dương nào ?

- Dựa vào bảng số liệu ở bài 17, cho biết diện tích của châu Âu, so sánh với châu Á.

2. Đặc điểm tự nhiên

- Quan sát hình 1, hãy đọc tên các đồng bằng, dãy núi và sông lớn của châu Âu ; cho biết vị trí của các đồng bằng và dãy núi lớn ở châu Âu.

Đồng bằng của châu Âu chiếm $\frac{2}{3}$ diện tích, kéo dài từ tây sang đông. Đồi núi chiếm $\frac{1}{3}$ diện tích, hệ thống núi cao tập trung ở phía nam.

Hình 1. *Lược đồ tự nhiên châu Âu*

-Quan sát các ảnh trong hình 2, rồi tìm trên hình 1 các chữ a, b, c, d, cho biết các cảnh thiên nhiên đó được chụp ở những nơi nào của châu Âu.

Châu Âu nằm chủ yếu trong đới khí hậu ôn hoà. Rừng cây lá kim tập trung ở vùng phía Bắc và trên các sườn núi cao. Rừng cây lá rộng có nhiều ở Tây Âu, mùa thu lá cây nhuộm vàng các cánh rừng. Mùa đông tuyết phủ trắng gần hết châu Âu, chỉ trừ dải đất phía nam ấm áp.

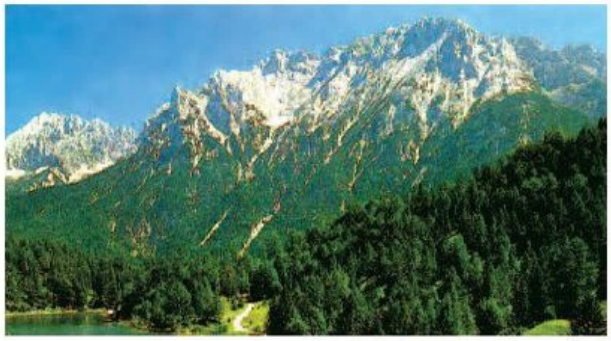

a) Dãy núi cao (An-pơ)

b) Đồng bằng (Trung Âu)

c) Phi-o (bán đảo Xcan-đi-na-vơ)

d) Rừng lá kim (đồng bằng Đông Âu)

Hình 2. *Một số hình ảnh thiên nhiên của châu Âu*

3. Dân cư và hoạt động kinh tế ở châu Âu

-Đọc bảng số liệu ở bài 17, cho biết số dân châu Âu, so sánh với số dân của châu Á.

Dân cư châu Âu chủ yếu là người da trắng.

Phần lớn dân cư sống trong các thành phố, được phân bố khá đều trên lãnh thổ châu Âu.

Hình 3. *Người dân Thụy Điển (Bắc Âu)*

a) Thu hoạch lúa mì

b) Nhà máy hoá chất

Hình 4. *Một số hoạt động kinh tế*

- Dựa vào hình 4 và vốn hiểu biết, kể tên một số hoạt động kinh tế của các nước ở châu Âu.

Nhiều nước châu Âu có nền kinh tế phát triển, họ liên kết với nhau để sản xuất và buôn bán nhiều loại hàng hoá. Những sản phẩm công nghiệp của châu Âu nổi tiếng thế giới là máy bay, ô tô, thiết bị, hàng điện tử, len dạ, dược phẩm, mĩ phẩm,...

Châu Âu nằm ở phía tây châu Á, có khí hậu ôn hoà. Đa số dân cư châu Âu là người da trắng. Nhiều nước châu Âu có nền kinh tế phát triển.

CÂU HỎI

1. Dựa vào hình 1, hãy xác định : vị trí địa lí, giới hạn của châu Âu, vị trí các dãy núi và đồng bằng của châu Âu.
2. Người dân châu Âu có đặc điểm gì ?
3. Nêu những hoạt động kinh tế của các nước châu Âu.

BÀI 21

MỘT SỐ NƯỚC Ở CHÂU ÂU

Hình 1. *Lược đồ một số nước châu Âu*

1. Liên bang Nga

Liên bang Nga có diện tích lớn nhất thế giới (17 triệu km^2) và dân số khá đông (144,1 triệu người, năm 2004).

- Dựa vào hình 5 ở bài 18 và hình 1 ở bài 21, cho biết lãnh thổ Liên bang Nga thuộc những châu lục nào, đọc tên thủ đô của Liên bang Nga.

Phần lãnh thổ rộng lớn của Liên bang Nga ở châu Á có khí hậu khắc nghiệt và được rừng tai-ga bao phủ. Phần lãnh thổ thuộc châu Âu chủ yếu là đồng bằng, đồi thấp ; đây là vùng trồng lúa mì, khoai tây và chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Liên bang Nga có nhiều tài nguyên khoáng sản, nhất là dầu mỏ, khí tự nhiên, than đá, quặng sắt. Liên bang Nga sản xuất nhiều máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông.

Hình 2. *Thủ đô Mát-xcơ-va*

2. Pháp

-Quan sát hình 1, hãy tìm vị trí địa lí và đọc tên thủ đô nước Pháp.

Nước Pháp nằm ở Tây Âu, chịu ảnh hưởng của biển nên có khí hậu ôn hoà. Diện tích đồng bằng lớn, khí hậu thuận lợi đã tạo điều kiện cho Pháp phát triển nông nghiệp. Nông sản chính là lúa mì, khoai tây, củ cải đường, nho và chăn nuôi bò lấy thịt, sữa.

Hình 3. *Cánh đồng nho ở Pháp*

Nước Pháp sản xuất nhiều mặt hàng công nghiệp. Các sản phẩm nổi tiếng là máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông, vải, quần áo, mĩ phẩm, thực phẩm, dược phẩm. Phong cảnh tự nhiên và các công trình kiến trúc nổi tiếng của Pháp đã thu hút nhiều khách du lịch khắp nơi trên thế giới.

Liên bang Nga có diện tích lớn nhất thế giới. Tài nguyên thiên nhiên giàu có là điều kiện thuận lợi để nước Nga phát triển kinh tế.

Nước Pháp nằm ở Tây Âu, là nước phát triển công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ.

CÂU HỎI

Em hãy kẻ bảng theo mẫu sau vào vở rồi tìm các thông tin trong bài để điền vào các ô trống.

Nước	Vị trí	Thủ đô	Điều kiện tự nhiên, tài nguyên	Sản phẩm chính của nông nghiệp và công nghiệp
Nga				
Pháp				

BÀI 22

ÔN TẬP

1. Quan sát bản đồ

- Tìm vị trí châu Á, châu Âu trên Bản đồ Thế giới.

- Chỉ một số dãy núi : Hi-ma-lay-a, Trường Sơn, U-ran, An-pơ trên Bản đồ Tự nhiên Thế giới.

2. Kẻ bảng sau vào vở, chọn các ý dưới đây và ghi vào ô trống của bảng sao cho phù hợp :

Tiêu chí	Châu Á	Châu Âu
Diện tích		
Khí hậu		
Địa hình		
Màu da		
Hoạt động kinh tế		

- Về diện tích :

a) Rộng 10 triệu km^2.

b) Rộng 44 triệu km^2, lớn nhất trong các châu lục.

- Về khí hậu :

c) Có đủ các đới khí hậu, từ nhiệt đới đến ôn đới và hàn đới.

d) Chủ yếu ở đới khí hậu ôn hoà.

- Về địa hình :

e) Núi và cao nguyên chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích, có đỉnh núi Ê-vơ-rét cao nhất thế giới.

g) Đồng bằng chiếm $\frac{2}{3}$ diện tích, kéo dài từ tây sang đông.

- Về chủng tộc :

h) Chủ yếu là người da trắng.

i) Đa số là người da vàng.

- Về hoạt động kinh tế :

k) Làm nông nghiệp là chính.

l) Hoạt động công nghiệp phát triển.

BÀI 23

CHÂU PHI

1. Vị trí địa lí, giới hạn

-Quan sát hình 1, cho biết :

+ Châu Phi giáp các châu lục, biển và đại dương nào ?

+ Đường Xích đạo đi ngang qua phần lãnh thổ nào của châu Phi ?

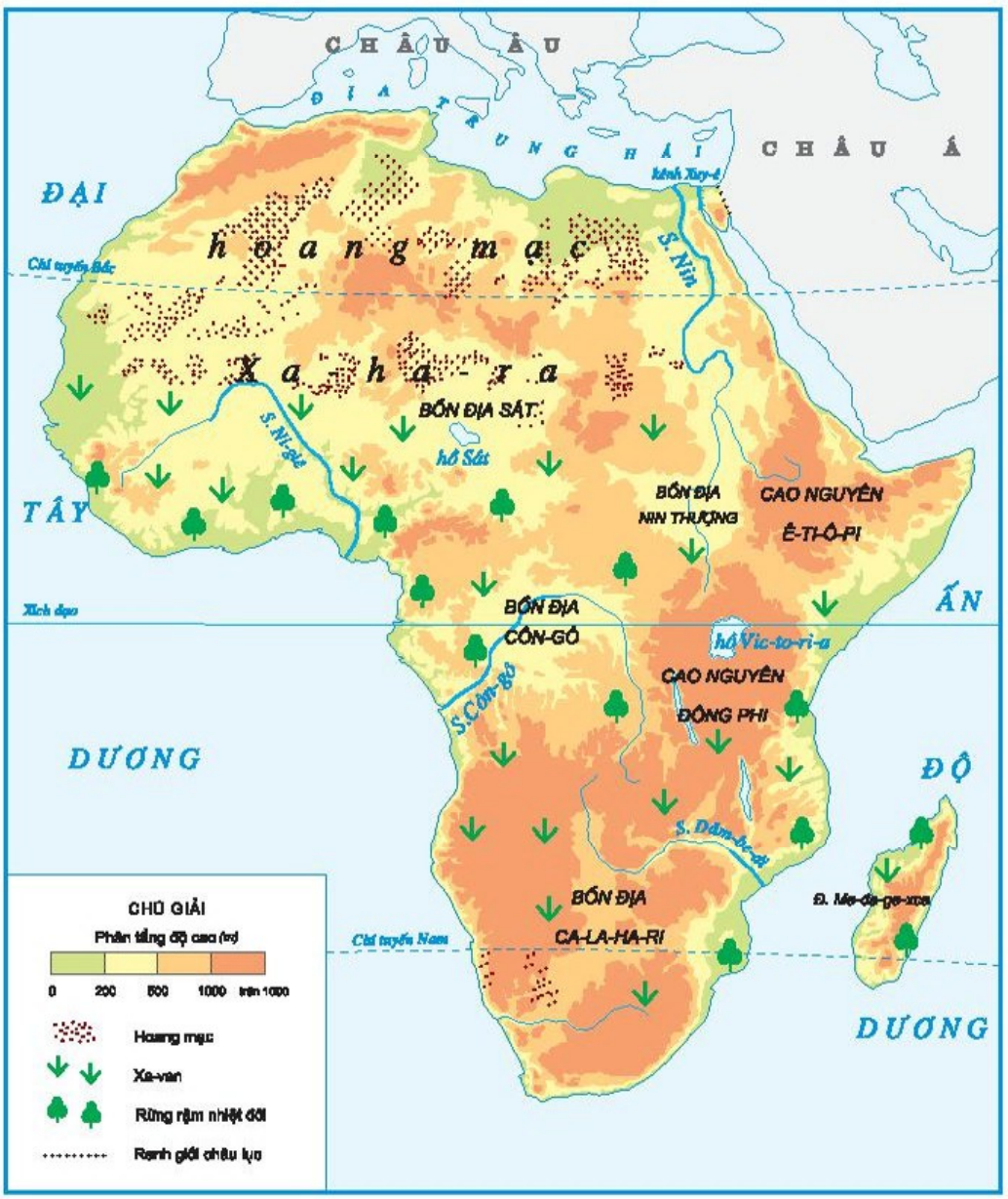

Hình 1. *Lược đồ tự nhiên châu Phi*

Châu Phi nằm ở phía nam châu Âu và phía tây nam châu Á. Đại bộ phận diện tích nằm giữa hai chí tuyến, có đường Xích đạo đi ngang qua giữa châu lục.

-Dựa vào bảng số liệu ở bài 17, cho biết châu Phi đứng thứ mấy về diện tích trong các châu lục trên thế giới ?

2. Đặc điểm tự nhiên

Châu Phi có địa hình tương đối cao. Toàn bộ châu lục được coi như một cao nguyên khổng lồ, trên có các bồn địa lớn.

-Quan sát hình 1, em hãy :

+ Đọc tên các cao nguyên và bồn địa ở châu Phi.

+ Tìm và đọc tên các sông lớn của châu Phi.

Vì nằm trong vòng đai nhiệt đới, diện tích rộng lớn, lại không có biển ăn sâu vào đất liền, nên châu Phi có khí hậu nóng và khô bậc nhất thế giới.

a) Hoang mạc *b) Rừng rậm nhiệt đới* *c) Xa-van*

Hình 2. *Một số cảnh thiên nhiên của châu Phi*

Ở Bắc Phi có hoang mạc Xa-ha-ra lớn nhất thế giới, khắp nơi chỉ thấy những bãi đá khô khốc, những biển cát mênh mông. Tại đây, nhiệt độ ban ngày có khi lên tới hơn 50^oC, ban đêm có thể xuống tới 0^oC. Vì khô hạn nên sông hồ ở đây cũng rất ít và hiếm nước.

-Hãy tìm vị trí của hoang mạc Xa-ha-ra trên hình 1.

Khoảng $\frac{1}{3}$ diện tích châu Phi có khí hậu chia làm hai mùa : mùa mưa và mùa khô. Nơi mưa nhiều, có rừng rậm nhiệt đới phát triển. Nơi đủ độ ẩm thì có rừng thưa. Ở những nơi mưa ít xuất hiện đồng cỏ cao, cây bụi gọi là xa-van. Trên đồng cỏ mênh mông đó, thỉnh thoảng nổi lên một vài cây keo, hoặc cây bao báp. Bao báp là loại cây thân gỗ to, có thể sống được hàng nghìn năm.

Trong xa-van có nhiều động vật ăn cỏ như ngựa vằn, hươu cao cổ, voi và động vật ăn thịt như báo, sư tử, linh cẩu,...

- Em hãy tìm trên hình 1 những nơi có xa-van.

Châu Phi ở phía nam châu Âu và phía tây nam châu Á, có đường Xích đạo đi ngang qua giữa châu lục. Châu Phi có khí hậu nóng và khô bậc nhất thế giới, đại bộ phận lãnh thổ là hoang mạc và xa-van. Xa-ha-ra là hoang mạc nhiệt đới lớn nhất thế giới.

CÂU HỎI

1. Tìm vị trí của châu Phi trên hình 1 ở bài 17.
2. Chỉ trên hình 1, vị trí hoang mạc Xa-ha-ra và vùng xa-van của châu Phi.
3. Nêu đặc điểm tự nhiên của hoang mạc Xa-ha-ra và xa-van của châu Phi.
4. Chỉ trên hình 1 : sông Nin, sông Côn-gô và sông Ni-giê.

BÀI 24

CHÂU PHI *(tiếp theo)*

3. Dân cư châu Phi

– Dựa vào bảng số liệu ở bài 17, cho biết châu Phi có dân số đứng thứ mấy trong các châu lục trên thế giới.

Hơn $\frac{1}{3}$ dân số châu Phi thuộc là người da đen.

Dân cư tập trung ở vùng ven biển và các thung lũng sông ; còn các hoang mạc hầu như không có người ở.

Hình 3. *Người da đen ở châu Phi*

4. Hoạt động kinh tế

Châu Phi là châu lục có kinh tế chậm phát triển. Hầu hết các nước châu Phi chỉ mới tập trung vào khai thác khoáng sản (vàng, kim cương, phốt phát, dầu khí) và trồng cây công nghiệp nhiệt đới (ca cao, cà phê, bông, lạc) để xuất khẩu.

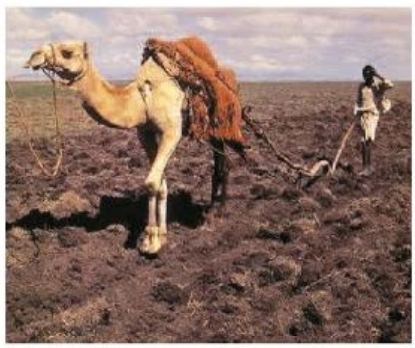

a) Làm đất ở U-gan-đa

b) Thu hoạch ca cao ở Tây Phi

Hình 4. *Một số hoạt động kinh tế của người dân châu Phi*

Vì kinh tế chậm phát triển nên đời sống người dân châu Phi còn nhiều khó khăn. Tình trạng thiếu ăn, thiếu mặc, bệnh dịch nguy hiểm còn xảy ra ở nhiều nơi. Các nước có nền kinh tế phát triển hơn cả là Cộng hoà Nam Phi, An-giê-ri, Ai Cập.

5. Ai Cập

-Quan sát bản đồ treo tường, cho biết vị trí của đất nước Ai Cập. Ai Cập có dòng sông nào chảy qua ?

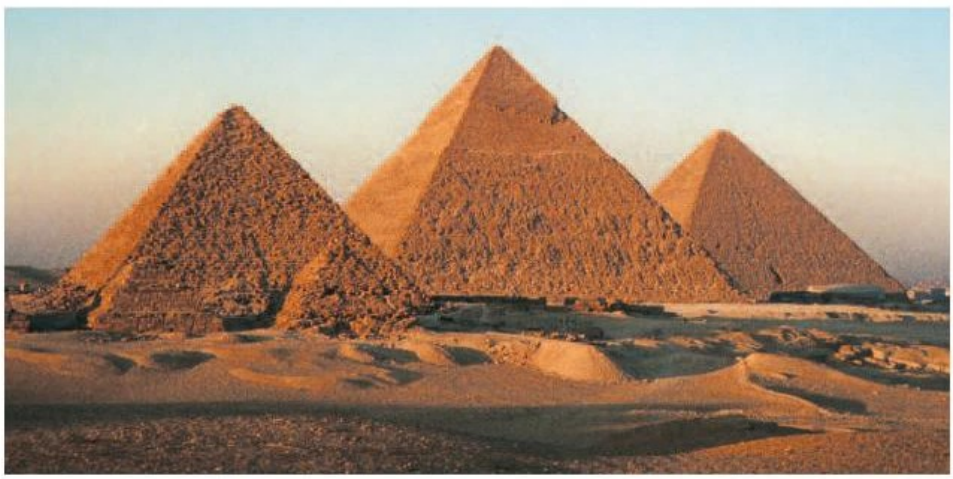

Hình 5. *Kim tự tháp ở Ai Cập*

-Dựa vào hình 5 và vốn hiểu biết, cho biết Ai Cập nổi tiếng về công trình kiến trúc cổ nào.

Ai Cập nằm ở Bắc Phi, là cầu nối giữa châu Phi và châu Á, có kênh đào Xuy-ê nổi tiếng. Dòng sông Nin vừa là nguồn cung cấp nước quan trọng cho đời sống và sản xuất của người dân, vừa bồi đắp nên đồng bằng châu thổ màu mỡ. Đây cũng là nơi sinh ra nền văn minh sông Nin rực rỡ thời cổ đại.

Ai Cập nổi tiếng về các công trình kiến trúc cổ như kim tự tháp, tượng nhân sư,... rất thu hút khách du lịch.

Dân cư châu Phi chủ yếu là người da đen. Các nước châu Phi mới chỉ tập trung trồng cây công nghiệp nhiệt đới, khai thác khoáng sản để xuất khẩu.

Ai Cập nằm ở Bắc Phi, nổi tiếng về các công trình kiến trúc cổ và sản xuất bông.

CÂU HỎI

1. Dân cư của châu Phi chủ yếu thuộc chủng tộc nào ?
2. Kinh tế châu Phi có đặc điểm gì khác với châu Âu và châu Á ?
3. Em hiểu biết gì về đất nước Ai Cập ?

BÀI 25

CHÂU MĨ

1. Vị trí địa lí và giới hạn

Châu Mĩ nằm ở bán cầu Tây, bao gồm Bắc Mĩ, Nam Mĩ và dải đất hẹp Trung Mĩ nối Bắc Mĩ với Nam Mĩ.

-Quan sát hình 1, cho biết châu Mĩ giáp với những đại dương nào.

-Dựa vào bảng số liệu ở bài 17, cho biết châu Mĩ đứng thứ mấy về diện tích trong các châu lục trên thế giới.

2. Đặc điểm tự nhiên

Hình 1. *Lược đồ tự nhiên châu Mĩ*

- Quan sát các ảnh trong hình 2, rồi tìm trên hình 1 các chữ cái a, b, c, d, e, g, cho biết các ảnh đó được chụp ở Bắc Mĩ, Trung Mĩ hay Nam Mĩ.

a) Núi An-đét (Pê-ru)

b) Đồng bằng Trung tâm (Hoa Kì)

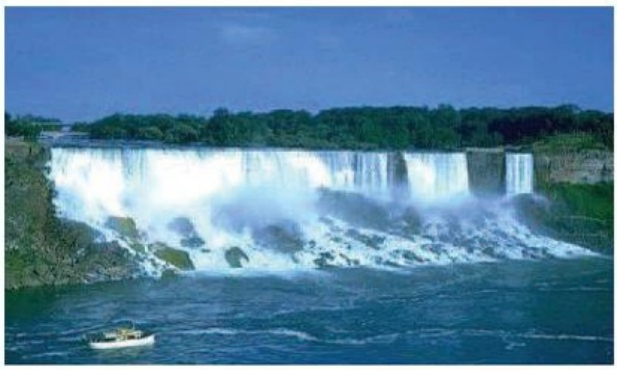

c) Thác Ni-a-ga-ra (Hoa Kì)

d) Sông A-ma-dôn (Bra-xin)

e) Hoang mạc A-ta-ca-ma (Chi-lê)

g) Một bãi biển ở vùng biển Ca-ri-bê

Hình 2. *Một số cảnh thiên nhiên của châu Mĩ*

dãy núi cao và đồ sộ, ở giữa là những đồng bằng lớn. Phía đông là các dãy núi thấp và cao nguyên.

-Dựa vào hình 1, hãy chỉ và đọc tên :

+ Các dãy núi cao ở phía tây.

+ Hai đồng bằng lớn ở giữa.

+ Các dãy núi thấp và cao nguyên ở phía đông.

Châu Mĩ trải dài trên nhiều đới khí hậu : nhiệt đới, ôn đới và hàn đới. Chiếm diện tích lớn nhất là khí hậu ôn đới ở Bắc Mĩ và khí hậu nhiệt đới ẩm ở Nam Mĩ.

Đồng bằng A-ma-dôn ở Nam Mĩ là đồng bằng lớn nhất thế giới, nằm ở vùng Xích đạo. Rừng rậm nhiệt đới bao phủ trên diện rộng nên người ta ví nơi đây là lá phổi xanh của Trái Đất.

Châu Mĩ nằm ở bán cầu Tây, bao gồm Bắc Mĩ, Trung Mĩ và Nam Mĩ. Châu Mĩ có thiên nhiên đa dạng và phong phú. Rừng A-ma-dôn là vùng rừng rậm nhiệt đới lớn nhất thế giới.

CÂU HỎI

1. Tìm châu Mĩ trên quả Địa cầu hoặc trên Bản đồ Tự nhiên Thế giới.
2. Em hãy nêu đặc điểm của địa hình châu Mĩ.
3. Chỉ 2 con sông : Mi-xi-xi-pi và A-ma-dôn trên Bản đồ Tự nhiên châu Mĩ.
4. Hãy sưu tầm những thông tin (bài viết, tranh ảnh) về vùng rừng A-ma-dôn.

BÀI 26

CHÂU MĨ *(tiếp theo)*

3. Dân cư châu Mĩ

-Dựa vào bảng số liệu ở bài 17, cho biết châu Mĩ đứng thứ mấy về số dân trong các châu lục trên thế giới.

Người Anh-điêng đã sinh sống từ lâu đời ở châu Mĩ. Phần lớn cư dân châu Mĩ có nguồn gốc là người nhập cư từ các châu lục khác đến. Dân cư sống tập trung ở miền ven biển và miền Đông.

Hình 3. *Người Anh-điêng*

- Dựa vào bảng sau, hãy cho biết thành phần dân cư của châu Mĩ.

Thành phần dân cư châu Mĩ	Màu da
- Người Anh-điêng - Người gốc Âu - Người gốc Phi - Người gốc Á - Người lai	- Da vàng - Da trắng - Da đen - Da vàng

4. Hoạt động kinh tế

a) Lắp ráp máy bay Bô-ing

b) Thu hoạch lúa mì

c) Khai thác bạc

d) Chăn nuôi bò

Hình 4. *Một số hoạt động kinh tế ở châu Mĩ*

Các khu vực ở châu Mĩ có nền kinh tế phát triển ở mức độ khác nhau. Bắc Mĩ có kinh tế phát triển nhất : sản xuất nông nghiệp theo quy mô lớn với những sản phẩm như lúa mì, bông, lợn, bò sữa, cam, nho,... ; công nghiệp có những ngành công nghệ kĩ thuật cao như điện tử, hàng không vũ trụ.

Trung và Nam Mĩ có nền kinh tế đang phát triển. Các nước ở đây chuyên sản xuất chuối, cà phê, mía, bông,... chăn nuôi bò, cừu và khai thác khoáng sản để xuất khẩu.

5. Hoa Kì

-Quan sát Bản đồ Các nước trên thế giới, hãy :

+ Cho biết Hoa Kì giáp với những quốc gia và những đại dương nào ?

+ Chỉ trên bản đồ và đọc tên thủ đô của Hoa Kì.

Hình 5. *Nhà Quốc hội ở Thủ đô Oa-sinh-tơn (Hoa Kì)*

Hoa Kì nằm ở Bắc Mĩ, có diện tích lớn thứ tư và số dân đứng thứ ba trên thế giới. Hoa Kì có nền kinh tế phát triển cao, trong đó nhiều ngành công nghiệp đứng hàng đầu thế giới như sản xuất điện, máy móc, thiết bị,... Đồng thời, đây còn là một trong những nước xuất khẩu nông sản lớn nhất thế giới.

Phần lớn cư dân châu Mĩ có nguồn gốc là người nhập cư. Bắc Mĩ có nền nông nghiệp tiên tiến, công nghiệp hiện đại. Trung và Nam Mĩ chủ yếu sản xuất nông sản và khai thác khoáng sản để xuất khẩu. Hoa Kì là một trong những nước có nền kinh tế phát triển nhất thế giới.

CÂU HỎI

1. Dân cư châu Mĩ có đặc điểm gì nổi bật ?
2. Nền kinh tế Bắc Mĩ có gì khác so với Trung Mĩ và Nam Mĩ.
3. Em biết gì về đất nước Hoa Kì.

BÀI 27

CHÂU ĐẠI DƯƠNG VÀ CHÂU NAM CỰC

1. Châu Đại Dương

a) Vị trí địa lí, giới hạn

Châu Đại Dương gồm lục địa Ô-xtrây-li-a và các đảo, quần đảo ở vùng trung tâm và tây nam Thái Bình Dương.

-Dựa vào hình 1 và quả Địa cầu :

+ Cho biết lục địa Ô-xtrây-li-a nằm ở bán cầu Nam hay bán cầu Bắc ?

+ Đọc tên và chỉ vị trí một số đảo, quần đảo thuộc châu Đại Dương.

b) Đặc điểm tự nhiên

Lục địa Ô-xtrây-li-a có khí hậu khô hạn, phần lớn diện tích là hoang mạc và xa van. Giới sinh vật có nhiều loài độc đáo. Bạch đàn và cây keo mọc ở nhiều nơi. Động vật có nhiều loài thú có túi như căng-gu-ru, gấu cô-a-la,...

Phần lớn các đảo có khí hậu nóng ẩm, có rừng rậm hoặc rừng dừa bao phủ.

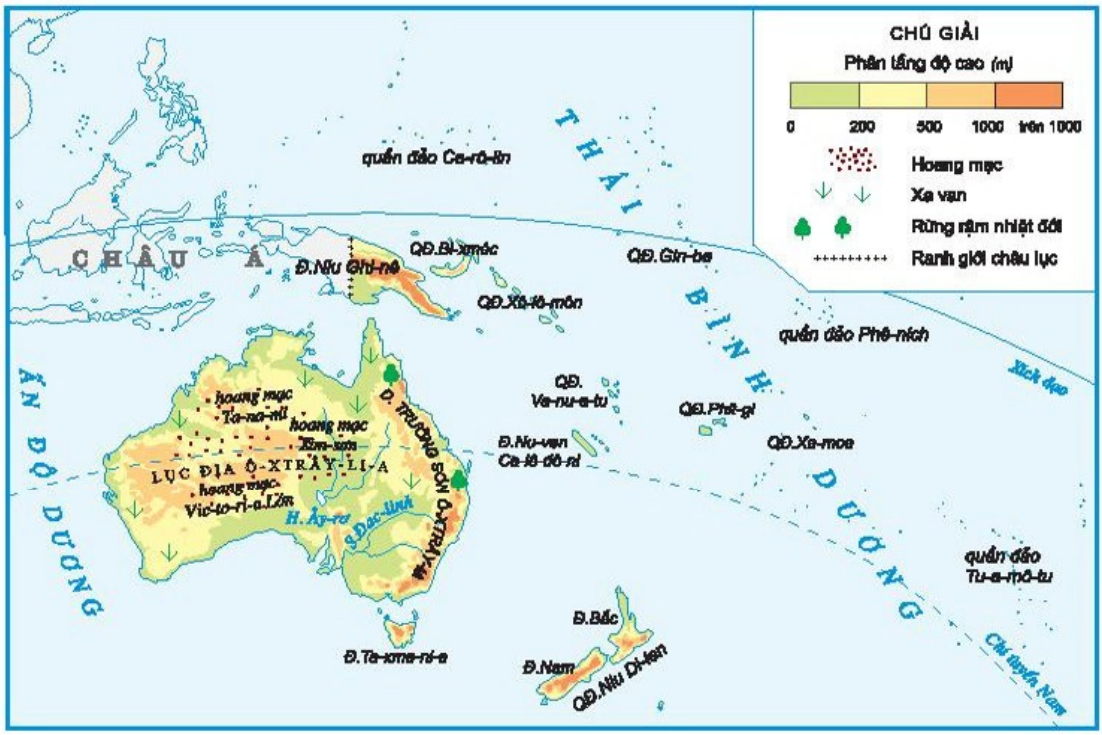

Hình 1. *Lược đồ tự nhiên châu Đại Dương*

Hình 2. *Gấu cô-a-la*

Hình 3. *Căng-gu-ru*

c) Người dân và hoạt động kinh tế

Dựa vào bảng số liệu ở bài 17, em hãy nêu nhận xét về số dân của châu Đại Dương.

Châu Đại Dương có số dân ít nhất trong các châu lục có dân cư sinh sống. Trên lục địa Ô-xtrây-li-a và quần đảo Niu Di-len, dân cư chủ yếu là người da trắng (con cháu người Anh di cư sang từ những thế kỉ trước),

còn trên các đảo khác thì dân cư chủ yếu là người bản địa có da màu sẫm, mắt đen, tóc xoăn.

Ô-xtrây-li-a là nước có nền kinh tế phát triển, nổi tiếng thế giới về xuất khẩu lông cừu, len, thịt bò và sữa. Các ngành công nghiệp năng lượng, khai khoáng, luyện kim, chế tạo máy, chế biến thực phẩm phát triển mạnh.

2. Châu Nam Cực

-Quan sát hình 5 hoặc quả Địa cầu, cho biết vị trí địa lí của châu Nam Cực.

Nằm ở vùng địa cực, nên châu Nam Cực là châu lục lạnh nhất thế giới. Quanh năm nhiệt độ dưới 0°C. Toàn bộ bề mặt bị phủ một lớp băng dày, trung bình trên 2000m. Động vật tiêu biểu nhất là chim cánh cụt. Đó là loài chim không biết bay, nhưng bơi lặn dưới nước rất giỏi, chúng thường tập trung thành từng đàn đông đúc ở ven biển.

Vì điều kiện sống không thuận lợi nên châu Nam Cực không có dân cư. Nơi đây chỉ có các nhà khoa học của nhiều nước tới nghiên cứu.

Hình 4. *Lược đồ châu Nam Cực*

Hình 5. *Núi băng và chim cánh cụt*

Châu Đại Dương gồm lục địa Ô-xtrây-li-a, các đảo và quần đảo ở trung tâm và Tây Nam Thái Bình Dương.

Lục địa Ô-xtrây-li-a có khí hậu khô hạn, thực vật và động vật độc đáo. Ô-xtrây-li-a là nước có nền kinh tế phát triển nhất ở châu lục này.

Châu Nam Cực là châu lục lạnh nhất trên thế giới.

CÂU HỎI

1. Tìm trên Bản đồ Tự nhiên Thế giới vị trí của châu Đại Dương và châu Nam Cực.
2. Em biết gì về châu Đại Dương ?
3. Châu Nam Cực có đặc điểm gì nổi bật ?

BÀI 28

CÁC ĐẠI DƯƠNG TRÊN THẾ GIỚI

1. Vị trí của các đại dương

Trên bề mặt Trái Đất, các đại dương chiếm một diện tích rất rộng lớn, gấp gần 3 lần diện tích các lục địa. Các đại dương đó là : Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương và Bắc Băng Dương.

-Tìm các đại dương trên quả Địa cầu hoặc trên Bản đồ Tự nhiên Thế giới.

-Dựa vào hình 1 và hình 2, hãy cho biết :

+ Thái Bình Dương giáp các châu lục và đại dương nào ?

+ Đại Tây Dương giáp các châu lục và đại dương nào ?

+ Ấn Độ Dương giáp các châu lục và đại dương nào ?

+ Bắc Băng Dương giáp các châu lục và đại dương nào ?

2. Một số đặc điểm của các đại dương

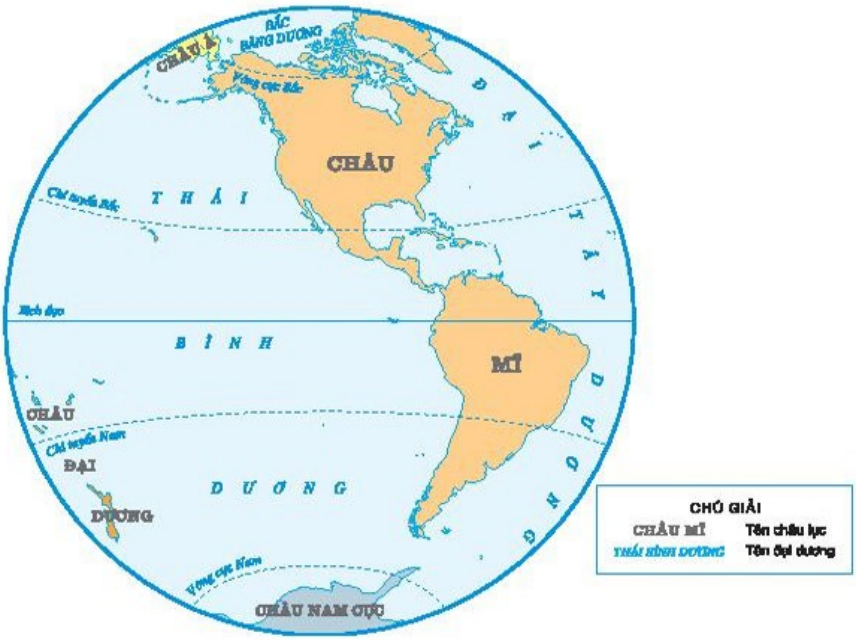

Hình 1. *Bán cầu Tây*

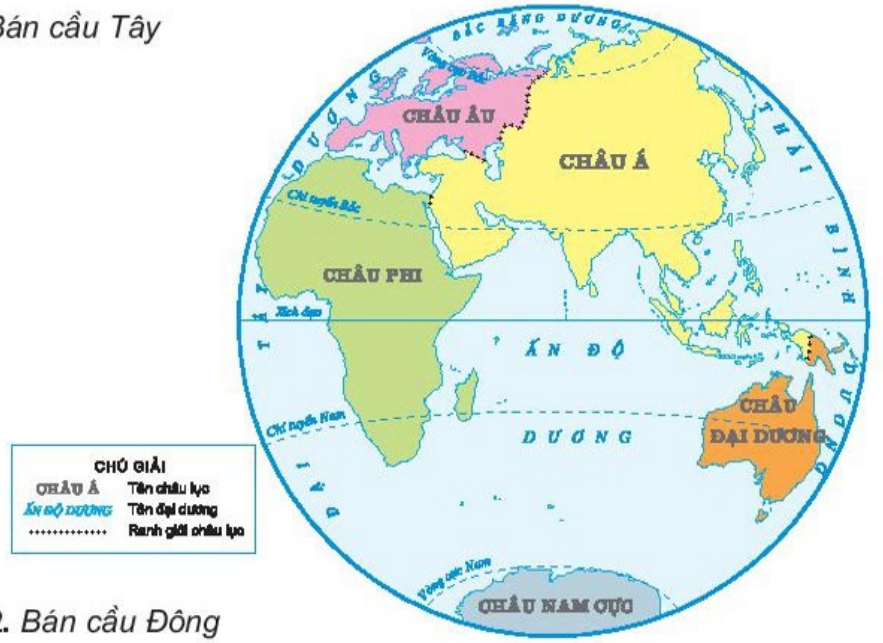

Hình 2. *Bán cầu Đông*

Các đại dương đều có kích thước lớn và thông với nhau, nhưng mỗi đại dương vẫn có những điểm khác biệt về diện tích, độ sâu, nhiệt độ,...

Bảng số liệu về các đại dương

Số TT	Đại dương	Diện tích (triệu km^2)	Độ sâu trung bình (m)	Độ sâu lớn nhất (m)
1	Ấn Độ Dương	75	3963	7455
2	Bắc Băng Dương	13	1134	5449
3	Đại Tây Dương	93	3530	9227
4	Thái Bình Dương	180	4279	11034

-Dựa vào bảng số liệu, hãy :

+ Xếp các đại dương theo thứ tự từ lớn đến nhỏ về diện tích.

+ Cho biết độ sâu lớn nhất thuộc về đại dương nào ?

Trên Trái Đất có 4 đại dương đó là : Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương và Bắc Băng Dương. Thái Bình Dương là đại dương có diện tích và độ sâu trung bình lớn nhất.

CÂU HỎI

1. Nêu tên và tìm 4 đại dương trên quả Địa cầu hoặc trên Bản đồ Tự nhiên Thế giới.
2. Mô tả từng đại dương theo trình tự : vị trí địa lí, diện tích và độ sâu trung bình.

BÀI 29

ÔN TẬP CUỐI NĂM

1. Tìm các châu lục, các đại dương và nước Việt Nam trên Bản đồ Thế giới.

2. Kẻ các bảng dưới đây vào vở và điền nội dung phù hợp :

a)

Tên nước	Thuộc châu lục	Tên nước	Thuộc châu lục
Trung Quốc Ai Cập Hoa Kì LB. Nga		Ô-xtrây-li-a Pháp Lào Cam-pu-chia	

b)

	Châu Á	Châu Âu	Châu Phi
-Vị trí (thuộc bán cầu nào) -Thiên nhiên (đặc điểm nổi bật) -Dân cư -Hoạt động kinh tế : + Một số sản phẩm công nghiệp + Một số sản phẩm nông nghiệp			

	Châu Mĩ	Châu Đại Dương	Châu Nam Cực
-Vị trí (thuộc bán cầu nào) -Thiên nhiên (đặc điểm nổi bật) -Dân cư -Hoạt động kinh tế : + Một số sản phẩm công nghiệp + Một số sản phẩm nông nghiệp			

MỤC LỤC

Trang

PHẦN LỊCH SỬ

Hơn tám mươi năm chống thực dân Pháp xâm lược và đô hộ (1858 - 1945)

Bài 1. "Bình Tây Đại nguyên soái" Trương Định .4
Bài 2. Nguyễn Trường Tộ mong muốn canh tân đất nước 6
Bài 3. Cuộc phản công ở kinh thành Huế 8
Bài 4. Xã hội Việt Nam cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX 10
Bài 5. Phan Bội Châu và phong trào Đông du.....12
Bài 6. Quyết chí ra đi tìm đường cứu nước 14
Bài 7. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.....16
Bài 8. Xô viết Nghệ - Tĩnh.....17
Bài 9. Cách mạng mùa thu 19
Bài 10. Bác Hồ đọc Tuyên ngôn Độc lập.....21
Bài 11. Ôn tập : Hơn tám mươi năm chống thực dân Pháp xâm lược và đô hộ (1858 - 1945) 23

Bảo vệ chính quyền non trẻ, trường kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

Bài 12. Vượt qua tình thế hiểm nghèo 24
Bài 13. "Thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước" 27
Bài 14. Thu - đông 1947, Việt Bắc "mồ chôn giặc Pháp" 30
Bài 15. Chiến thắng Biên giới thu - đông 1950.....32
Bài 16. Hậu phương những năm sau chiến dịch Biên giới 35
Bài 17. Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.....37
Bài 18. Ôn tập : Chín năm kháng chiến bảo vệ độc lập dân tộc (1945 - 1954) 40

Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước (1954 - 1975)

Bài 19. Nước nhà bị chia cắt 41
Bài 20. Bến Tre đồng khởi 43
Bài 21. Nhà máy hiện đại đầu tiên của nước ta.....45
Bài 22. Đường Trường Sơn.....47
Bài 23. Sấm sét đêm giao thừa.....49
Bài 24. Chiến thắng "Điện Biên Phủ trên không".....51
Bài 25. Lễ kí Hiệp định Pa-ri 53
Bài 26. Tiến vào Dinh Độc Lập 55

Xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước (từ 1975 đến nay)

Bài 27. Hoàn thành thống nhất đất nước.....58
Bài 28. Xây dựng Nhà máy Thuỷ điện Hoà Bình .60
Bài 29. Ôn tập : Lịch sử nước ta từ giữa thế kỉ XIX đến nay 63

PHẦN ĐỊA LÍ

Địa lí Việt Nam

Bài 1. Việt Nam - đất nước chúng ta.....66
Bài 2. Địa hình và khoáng sản 68
Bài 3. Khí hậu 72
Bài 4. Sông ngòi 74
Bài 5. Vùng biển nước ta 77
Bài 6. Đất và rừng 79
Bài 7. Ôn tập 82
Bài 8. Dân số nước ta 83
Bài 9. Các dân tộc, sự phân bố dân cư 84
Bài 10. Nông nghiệp 87
Bài 11. Lâm nghiệp và thuỷ sản.....89
Bài 12. Công nghiệp 91
Bài 13. Công nghiệp (tiếp theo) 93
Bài 14. Giao thông vận tải 96
Bài 15. Thương mại và du lịch.....98
Bài 16. Ôn tập 101

Địa lí Thế giới

Bài 17. Châu Á 102
Bài 18. Châu Á (tiếp theo) 105
Bài 19. Các nước láng giềng của Việt Nam 107
Bài 20. Châu Âu.....109
Bài 21. Một số nước ở châu Âu.....113
Bài 22. Ôn tập 115
Bài 23. Châu Phi 116
Bài 24. Châu Phi (tiếp theo) 118
Bài 25. Châu Mĩ 120
Bài 26. Châu Mĩ (tiếp theo) 123
Bài 27. Châu Đại Dương và châu Nam Cực 126
Bài 28. Các đại dương trên thế giới.....129
Bài 29. Ôn tập cuối năm 132

HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

SÁCH GIÁO KHOA LỚP 5

1. TIẾNG VIỆT 5 (tập một, tập hai)
2. TOÁN 5
3. KHOA HỌC 5
4. LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5
5. ÂM NHẠC 5
6. MĨ THUẬT 5
7. ĐẠO ĐỨC 5
8. KĨ THUẬT 5

mã vạch

Tem chống giả

Giá: .....